

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐẠO UYÊN

ĐÔNG 2020

36

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2020

NXB HỒNG ĐỨC

Ảnh: Nguyễn Kim Xuyên
thánh thất Trung Đồng, Đà Nẵng
(Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)
05-4-2019

SÁCH ẤN TỔNG
KHÔNG BÁN

ISBN: 978-604-955-955-6



9 786049 559556



 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

ĐẠO UYÊN ĐÔNG 2020

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập 36

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2020

NỘI DUNG

Giao Cảm – Ban Tu Thư & Ấn Tổng	3
THÁNH GIÁO	
Tạo Cho Ra Vóc Kim Tiên . . . – Đức Cao Đài Tiên Ông	5
Hồng Ân Đêm Giáng Sinh – Đức Chúa Gia Tô	21
Còn Được An Bình Hầy Lo Công Phu – Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế	29
SỰ KIỆN KHẢO CỨU SÁNG TÁC TRAO ĐỔI	
Tìm Hiểu Bài <i>Phấn Hương Chứ</i> Trong Đạo Lão – Lê Anh Minh	45
Về Bài Kệ Khai Kinh – Lê Anh Minh	49
Gương Hành Đạo Của Giáo Hữu Thượng Chữ Thanh – Sử Kiến Nguyên	55
Góc Ảnh Lịch Sử Đạo Cao Đài – Giáo Hữu Thượng Công Thanh	64
Thương Về Thanh Hóa – Đỗ Thị Kết	69
Tuổi Thơ, Miền Man Nỗi Nhớ – Sử Kiến Nguyên	73
Ơn Thầy, Ơn Chúa – Trần Dã Sơn	77
Ba Tôn Sư Sự Sống (Chương 1) – Frédéric Lenoir, Vĩnh An dịch	81
Tấm Gương Đạo Đức Của Môn Sanh Cao Đài – Cao Phong	87
Ông Già Sau Cơn Bão – Lê Thị Tâm	90
Cụ Ấn Ròm – Trần Huiển Ấn	93
Tản Mạn Về Món Quà Thơ Xa – Huệ Khải	103
Đôi Điều Thú Vị Khi Đọc <i>Kỷ Yếu Trung Lao</i> – Huệ Khải	109
Minh Giáo – Nguyễn Duy Chính	121
Gió Bốn Phương – Huệ Khải	133
Kinh Sách Mới In / Phương Danh Ấn Tổng	141, 142
NHẠC: Bửu Long: Về Đi Em, 120 • THƠ: Chơn Minh Trí: Tuổi Bảy Mười Tình Yêu Thương, 115 • Đỗ Thị Kết: Người Sẽ Về Khi Tắt Dịch, An Yên, 117 • Hoàng Nguyên: Giọt Sương Bé Bỏ, 88 • Huỳnh Văn Mười: Đợi, 53 Mùa Đông Ở Lại, 86 • Lê Thị Tâm: Hương Xưa, 89 • Nguyễn Quốc Huân: Sách Cũ, 119 • Sử Kiến Nguyên: Giữa Mùa Dịch, 118 Nguyệt Dạ Cảm Tác, 101 • Thái Hoàng Tú: Chiều, 116 Đây Là Người, 54 Đã Từng, 116 • Trần Ngọc Lợi: An Lạc, 85 Chừng Như, 80 • Võ Văn Phơ: Vườn Trưa, 119.	

GIAO CẨM

1. Ảnh trên bìa 1 Đạo Uyển Đông 2020 (tập 36) được mượn từ Facebook của hiền huynh *Đỗ Phú Công*, tức là Giáo Hữu Thượng Công Thanh (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài), tác giả hai hồi ức về thời niên thiếu ở miền Trung, và thời thanh niên ở Sài Gòn trước 1975, đã in trong Đạo Uyển tập Hạ (34) và tập Thu (35).

Ảnh này ghi lại một thời công phu vào giờ Mẹo của các tịnh viên khóa tu mùa Đông năm 2017 tại thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận), kết hợp với hai thánh thất Trung Minh (quận 11) và Trung Hiền (quận Tân Bình).

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có rất đông môn sanh nam nữ, già lẫn trẻ, ăn chay trường, thực hành song song: (a) tu công lập đức qua phương tiện phổ độ; (b) tu thiền, tịnh luyện tứ thời. Những khóa tu hằng năm, tập trung ba mươi sáu ngày, đã thành truyền thống của Hội Thánh. Trung Tông Thánh Tịnh (đường Hoàng Diệu, quận Hải Châu, Đà Nẵng), là tịnh đường lớn của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

2. Ảnh trên bìa 4 mượn từ Facebook của chị *Nguyễn Kim Xuyên*, ghi lại thánh lễ nhập môn vào giờ Ngọ ngày 05-4-2019 tại thánh thất Trung Đồng (170 Trường Chinh, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng), thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Nhìn gương mặt trẻ trung của người tân tín đồ, chúng ta không thể không hoan hỷ mà suy nghĩ miên man tới ý thức gầy dựng lớp người tiếp nối cho nền Đạo Kỳ Ba.

Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có sẵn bề dày hướng dẫn đạo lý cho

thanh thiếu niên nhà Đạo, tổ chức rất tốt đẹp ở cả hai miền Trung và Nam. Một tôn giáo càng có nhiều tuổi trẻ giác ngộ tầm tu học đạo thì tương lai của tôn giáo ấy càng tươi sáng, bền vững. Tôn giáo ấy huấn luyện giới trẻ thấm nhuần đạo đức, thì lúc giới trẻ ấy bước vào đời, thi hành bốn phận công dân đất nước, họ là những nhân tố lành mạnh góp phần kiến tạo gia đình và xã hội lành mạnh. Nhờ thế, đất nước mới được sống trong nền văn hóa đạo đức, vì sự bền vững không thể chỉ phiên diện là giàu mạnh về kinh tế, quân sự, v.v... Đó là lý do vì sao ngay từ khi mở Đạo (1926) suốt qua những thập niên về sau, thánh giáo Cao Đài luôn dạy tín đồ hãy sốt sắng mang Đạo vào đời, báo ơn lớp lớp tiền nhân Tổ Quốc.

3. Kể từ nay, Ban Ấn Tổng được gọi tên đầy đủ là *Ban Tu Thư & Ấn Tổng*. Tu Thư 修書 (*compiling books*) lo biên soạn sách. Ấn Tổng 印送 (*printing free gift books*) lo in sách để biếu. Ban Tu Thư & Ấn Tổng quyết định rằng từ nay các bản thảo (bài lai cáo) đã chọn được, sau khi biên tập xong sẽ được đưa dần lên FB trước khi in thành sách. Như thế: (a) Nếu có gì sai sót, bạn đọc sẽ phản hồi ngay; (b) Nếu bài nào nhận được nhiều 👍 (hay ❤️) thì coi như đã được bạn đọc bốn phương trực tiếp "xét duyệt" giúp cho việc chọn đăng bài; (c) Vậy, nếu ai hỏi "*Ban Tu Thư & Ấn Tổng có bao nhiêu người, gồm những người nào?*", thì câu trả lời là "*Đông lắm! Không chừng có chính bạn trong số đó nữa đấy.*"

Đây là quyết định "sáng suốt" (cười...). Thật vậy, vừa đăng FB năm ảnh cho bài *Góc Ảnh Lịch Sử Cao Đài* của Giáo Hữu Thượng Công Thanh (in trong tập 36 này), thì ảnh thứ nhất liền được quý bạn Facebookers góp ý sửa và bổ túc lời chú thích. Ban Tu Thư & Ấn Tổng rất hoan hỷ cảm ơn quý bạn. ■

TẠO CHO RA VÓC KIM TIÊN MỚI KHỎI XUỐNG MIỀN TRẦN GIAN

Chí Thiện Đàn (Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo
Đại Đạo, Trà Vinh), ngày 27-09 Giáp Dần (Chủ Nhật 10-11-1974).
Pháp đàn: Minh Sanh. Đồng tử: Chơn Như.

TIẾP ĐIỂN

THỔ ĐỊA NAM PHƯƠNG lai đàn. Chào mừng chư môn đệ
Thanh Liên Đàn ⁽¹⁾ và chư đệ tử Hiệp Thiên Đài Chí Thiện.
Địa cho hay, chư đệ khá thành tâm tiếp đón Đức Bạch Hạc

⁽¹⁾ **Thanh Liên Đàn** 青蓮壇: Ông Dương Văn Lễ (huynh trưởng của môn sanh Thanh Liên Đàn) cho biết rằng năm Bính Dần (1926), chính ông tạo thần cơ để cầu Tiên. Đồng tử là ông Lý Được (thơ ký hành chánh của quận Châu Thành, tỉnh Trà Vinh).

Đức Lý Tiên Trưởng (Thái Bạch Kim Tinh) giảng đàn và dạy rằng nhân thời Tam Kỳ Phổ Độ đại ân xá, Đức Thượng Đế mở đạo Cao Đài tại Việt Nam, Ngài xin Đức Chí Tôn ban ơn lập một đàn riêng để hóa độ mười hai người bạn trần gian thuở xưa cùng sống với Ngài vào đời nhà Đường. Sau đó, Ngài lập Thanh Liên Đàn, lấy tên nơi Ngài chào đời năm 701 là làng Thanh Liên, huyện Xương Minh (sau đổi thành Chương Minh), tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc. Đức Lý còn có các tôn hiệu là Lý Thanh Liên, Thanh Liên Cư Sĩ, Thanh Liên Học Sĩ để nhắc tới ngôi làng này.

Môn sanh Thanh Liên Đàn gọi Ngài là Tiên Ông hoặc Ân Sư. Mười hai đệ tử của Ngài đa số là người Trà Vinh; một số ít là công chức ở tỉnh khác được bổ nhiệm làm việc tại Trà Vinh. Hiện thời, mười hai đệ tử của Đức Lý đều đã quy thiện, và thánh giáo tại Thanh Liên Đàn không được phổ biến, chỉ giữ trong mười hai gia đình đệ tử ấy.

mang tin về. Đọc kinh. Địa lui.

TIẾP ĐIỂN

BẠCH HẠC ĐỒNG TỬ có lời chào mừng tất cả chư thiện nam, tín nữ đàn trung.

THI

BẠCH dùng điển huệ ⁽²⁾ Đạo vàng khai
HẠC giảng để lời dặn đệ dày ⁽³⁾
ĐỒNG đức tin ⁽⁴⁾ chờ Minh Phụ ⁽⁵⁾ giảng
TỬ ⁽⁶⁾ vào điện thánh đứng chầu Thầy.

Bóng còn đang lướt dặm trùng quang ⁽⁷⁾
Mây tỏa đền Tiên ⁽⁸⁾ đón lệnh trần ⁽⁹⁾
Vui phút điển mầu trao lý mật ⁽¹⁰⁾

⁽²⁾ **điển huệ**: Luồng điển khai sáng giúp người học đạo sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt điều mê muội.

⁽³⁾ **dày**: Sâu dày. Đức Bạch Hạc Đồng Tử căn dặn những vị hầu đàn phải dày đức tin chờ đón Đức Thượng Đế giảng đàn.

⁽⁴⁾ **đồng đức tin**: Cùng một đức tin, chung một tín ngưỡng.

⁽⁵⁾ **Minh Phụ** 明父: Người cha sáng suốt, là Đức Thượng Đế.

⁽⁶⁾ **tử** 子: *Đệ tử* 弟子, *môn đồ* 門徒, *môn sanh* 門生, học trò.

⁽⁷⁾ Bóng của Thượng Đế còn đang lướt tới mà lớp lớp hào quang đã tỏa sáng khắp nơi. (**trùng** 重: Nhiều lớp chồng chất, trùng trùng. **trùng quang** 重光: Ánh sáng tỏa ra trùng trùng, bao phủ một vùng rất rộng.)

⁽⁸⁾ **đền Tiên**: Nơi đang lập đàn cơ, tức là Khổng Thánh Miếu ở Trà Vinh.

⁽⁹⁾ **trần**: Truyền 傳. Đọc chệch thành *trần* cho vần với *quang*.

⁽¹⁰⁾ **lý mật**: *Mật lý* 密理, lý lẽ kín nhem, người ngoài không được biết.

Đường mai⁽¹¹⁾ rạng tỏ chút Thiên quang.

Bạch Hạc xin báo tin mừng có Đức Phụ Hoàng giá lâm.
Khá⁽¹²⁾ tịnh đàn cho nghiêm để đón mệnh Thiên ân.⁽¹³⁾
Đồng⁽¹⁴⁾ xin tạm lui.

TIẾP LỊNH THI

CAO Hoàng tá thế⁽¹⁵⁾ độ con về
ĐÀI ngọc đêm tàn dạ ủ ê
TIÊN tử,⁽¹⁶⁾ con còn bao gánh nặng
ÔNG đưa sanh chúng lướt trần tê.⁽¹⁷⁾

Trần tê đảo lộn buổi tàn đời
Một tiếng Thầy truyền ngọc đá rơi⁽¹⁸⁾

⁽¹¹⁾ **mai**: Tương lai gần, phân biệt với nay. **đường mai**: Bước đường tu học, hành đạo mai này.

⁽¹²⁾ **khá**: Nên, phải, do chữ *khả* 可.

⁽¹³⁾ **mệnh** 命: Mạng lệnh. **Thiên ân** 天恩: Những người thọ hưởng ơn Trời để thi hành sứ mạng giáo dân vi thiện (dạy dân làm lành). **mệnh Thiên Ân**: Mạng lệnh truyền dạy các bậc Thiên ân.

⁽¹⁴⁾ **Đồng**: Đồng Tử 童子.

⁽¹⁵⁾ **tá thế** 借世: Mượn cõi trần.

⁽¹⁶⁾ **Tiên tử** 仙子: Học trò Tiên. (Đức Cao Đài Tiên Ông là Thầy; học trò Đức Cao Đài là học trò Tiên. Trong Kỳ Ba đại ân xá, ai tu hành theo cơ bút Tiên Gia 仙家 đều là học trò Tiên.)

⁽¹⁷⁾ **tê**: Tê tái, đau khổ, buồn rầu. **lướt trần tê**: Lướt nhanh khỏi cõi trần tê tái, khổ đau.

⁽¹⁸⁾ Câu này diễn tả quyền năng Đức Thượng Đế, để liên hệ tới ba câu sau nhấn nhủ rằng môn đệ phải sợ oai Thầy mà nhận lệnh Trời giao phó, không được lơ lửng trách nhiệm.

Dùng cả tâm thần giao phó lệnh
Con hiền đừng để đạo tâm lơ.⁽¹⁹⁾

Đàn đã bao lần dẫn dắt con
Mong rằng đạo đức trẻ lo tròn
Đứng làm sĩ đạo⁽²⁰⁾ trong trời đất
Cao rộng tâm hồn, gắng chí son.⁽²¹⁾

Đạo Thầy dìu dẫn đã dày công
Con hỡi, đường xa lấp bụi hồng⁽²²⁾
Sắp đến bến rồi, con nhớ tiếp
Từ đây phút chót dọn cho trong.

Trong mảnh hồn vàng có điển Thầy
Con ôi, sông núi sẽ còn thay
Đứng nhìn bao lớp phong ba diễn⁽²³⁾
Dòng lệ Từ Thân⁽²⁴⁾ đã đổ dài.

Thầy có đôi lời mừng tất cả các con nam nữ đàn trung có mặt hầu Thầy hôm nay.

Thầy cho phép an tọa. Đàn nay Thầy có chút đảm trách dạy các trẻ.

⁽¹⁹⁾ **đạo tâm lơ**: Lòng đạo nhạt phai, không còn gắn bó nữa.

⁽²⁰⁾ **sĩ đạo**: Kẻ sĩ biết đạo, lo tu hành.

⁽²¹⁾ **son**: Màu đỏ thắm khó phai. **chí son**: Ý chí vững bền, không thay đổi, không dao động.

⁽²²⁾ **đường xa**: *Viễn đồ* 遠途; con đường tu hành. **lấp**: Che phủ, làm cho khuất đi. **bụi hồng**: Bụi trần gian, cõi trần. **đường xa lấp bụi hồng**: Ý nói những vị hầu đàn đã tiến xa trên đường tu.

⁽²³⁾ **phong ba** 風波: Sóng gió, những khó khăn, nạn tai ở đời.

⁽²⁴⁾ **Từ Thân** 慈亲: Cha hiền, là Đức Thượng Đế.

Công đạo đã cao thâm rồi. Chơn lý đã lão luyện rồi. Các con đã được thông suốt huyền cơ, sau mấy mươi năm dài học đạo với Thầy Mẹ và chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Các con đã đứng vào hàng Tiên linh, Thánh sĩ.⁽²⁵⁾ Các con đã góp nhiều công lao, đánh lên tiếng chuông vàng ⁽²⁶⁾ thức tỉnh quần sanh ⁽²⁷⁾ hiểu đạo. Thì ngày này chỉ còn khuyên các trẻ gắng lên cho tròn công đức với Thầy Mẹ trong giờ phút này đây để rồi đường đã trải dặm ⁽²⁸⁾ còn chút đổi thay...

Các trẻ nên sáng suốt mà cố tiến. Đừng để Thầy Mẹ hằng ngày phải nhắc đi nhắc lại lời giáo huấn từ xưa nay. Các con đã từng thâm nhập nhiều nét cơ bí huyền, đã hiểu các con là chân Thánh sĩ, đã biết rồi đây sẽ có ngày các con trở về châu Thầy nơi điện Kim Giai.⁽²⁹⁾ Vậy thì các con tự vạch cho các con một lẽ lối cho đàng hoàng hơn.

Trước nhứt là Thầy cần các con tịnh đạt nấc huyền vi, mở rộng thêm điển linh tâm. Sau khi đã trọn, các con sẽ mở cả ngũ khí.⁽³⁰⁾ Các con lắng lòng cho thật nhàn tịnh. Mỗi ngày lo

⁽²⁵⁾ **Thánh sĩ** 聖士: Học trò đạo Thánh (tức đạo Nho).

⁽²⁶⁾ **đánh lên tiếng chuông vàng**: Dem thánh giáo, chánh pháp thức tỉnh người đời.

⁽²⁷⁾ **quần sanh** (sinh) 群生: *Chúng sanh* 眾生, con người nói chung.

⁽²⁸⁾ **đường đã trải dặm**: Đường tu đã đi xa, trải qua nhiều dặm dài.

⁽²⁹⁾ **kim giai** 金階: Thềm vàng. **điện Kim Giai**: Cách khác gọi Bạch Ngọc Cung, nơi Thượng Đế ngự.

⁽³⁰⁾ **ngũ khí** 五氣: Năm khí phát ra từ năm cơ quan bên trong cơ thể người (*ngũ tạng* 五臟: tim, gan, lá lách, phổi, thận). Để đắc đạo, tất cả phải hợp lại thành một (*ngũ khí triều nguyên* 五氣朝原, tức là tu luyện cho nguyên khí của ngũ tạng trụ lại ổn định, không bị thất thoát hư hao).

tiếp hạo nhiên ⁽³¹⁾ nuôi thần dưỡng trí cho thật minh mẫn nhẹ nhàng. Các con được vóc bấu rõ ràng, Thầy mới có thể tiếp giao cho các con nhiều mệnh lệnh tối ư huyền diệu.

Từ đây đến sang năm, các trẻ tịnh thần cho đầy đủ và đúng giờ khắc, rồi Thầy sẽ tùy trình độ mà chuyển điển cho thân thể hoát kiện,⁽³²⁾ sáng rõ tâm đạo mới có thể mở rộng Đạo Thầy, ngoài việc đọc kinh sách cho có một trình độ, một căn bản vững vàng, hầu sau này các con đi đến nơi nào, các con cũng có thể thay Thầy Mẹ và chư Tiên Phật để mở chánh ngôn ⁽³³⁾ truyền giáo lý cho nhơn sanh hiểu biết huyền vi.⁽³⁴⁾

Hiện giờ Đạo Khổng đã ăn sâu vào lòng dân tộc Việt Nam và có biết bao nhiêu người trên hoàn vũ đều đã sống theo mẫu mực Đạo Thánh Hiền. Nhưng các trẻ đó chỉ đang cố gắng theo bức hình nhi hạ học ⁽³⁵⁾ đúng lẽ giáo từ nghìn xưa, là sống cho đáng mặt kẻ sĩ hiền, giúp ích quốc gia và giúp đời

⁽³¹⁾ **hạo nhiên**: Khí hạo nhiên, *hạo nhiên chi khí* 浩然之氣, là chánh khí, tinh thần chánh đại và cương trực. Thuật ngữ này có trong sách *Mạnh Tử* 孟子, thiên *Công Tôn Sửu Thượng* 公孫丑上: *Ngã thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí*. 我善養吾浩然之氣. (Ta khéo nuôi khí hạo nhiên của mình.)

⁽³²⁾ **hoát kiện** 豁健: Tâm hồn rộng mở (*hoát*) và thân thể khỏe mạnh (*kiện*).

⁽³³⁾ **chánh ngôn** 正言: Lời nói chơn chánh, đúng đạo lý.

⁽³⁴⁾ Thầy dạy rằng cần thực hành song song hai yêu cầu: a/ Công phu, tịnh luyện để mở trí huệ; b/ Đọc nhiều kinh sách để rộng tri thức. Đáp ứng được hai yêu cầu này mới mong có đủ tâm hạnh đức tài ngộ hầu giúp Thầy truyền đạo, hoằng giáo hiệu quả.

⁽³⁵⁾ **hình nhi hạ học** 形而下學: Một trong hai phần của học thuyết Nho Giáo, dạy về Nhân Đạo (hữu vi). Các tôn giáo khác cũng có.

bình trị. Các trẻ ấy chưa hề biết qua lãnh vực hình nhi thượng học ⁽³⁶⁾ như các con đây.

Vậy thì các con sẽ thay Thầy mà truyền bá cơ hình nhi thượng học để cho ngày mãn kiếp trở về, các con được kết tụ một khối linh thể ngàn đời bất hoại.⁽³⁷⁾ Vậy thì bắt đầu từ ngày hôm nay các con lo tịnh thiền gom điểm thần cho minh khiếu,⁽³⁸⁾ cho đồng hòa âm dương khí, rồi các con thấy ấn chứng ⁽³⁹⁾ nhiệm mầu. Sau này các con mới có thể dừ dặt nhơn sanh được.

Các con cứ đánh chuông vàng kêu gọi sĩ tử mười phương đến học.⁽⁴⁰⁾ Nhưng nếu các con chưa đạt thông huyền pháp

⁽³⁶⁾ **hình nhi thượng học** 形而上學: Một trong hai phần của học thuyết Nho Giáo, dạy về Thiên Đạo (vô vi). Các tôn giáo khác cũng có.

⁽³⁷⁾ **một khối linh thể ngàn đời bất hoại**: Tu hành tạo được kim thân, thoát ra khỏi kiếp luân hồi.

⁽³⁸⁾ **khiếu** 竅: Thân thể con người có chín lỗ, tức *cửu khiếu* 九竅 (hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng, hai chỗ bài tiết chất thải). Phật Giáo bảo chín lỗ này không sạch, nên gọi là *cửu khổng bất tịnh* 九孔不淨. **minh khiếu** 明竅: Làm cho các khiếu được thông tỏ, sạch sẽ. Bài *Kinh Cầu Khi Tham Thiền*, do Đức Lý Thái Bạch ban cho năm 1938 tại Ngũ Phụng Kỳ Sơn có hai câu này: *Ngồi yên cửu khiếu trong mình / Mở mang thấu đáo thông linh cơ mầu*. Phải chăng đây cũng là ý nghĩa của *minh khiếu*?

⁽³⁹⁾ **ấn chứng** 印證: Những dấu hiệu (ấn) xác nhận (*chứng*) kết quả đạt được sau một thời gian công phu luyện đạo.

⁽⁴⁰⁾ **sĩ tử** 士子: Người học trò đi thi. Người tu theo Tam Kỳ Phổ Độ được Ôn Trên gọi là sĩ tử trong trường thi Hội Long Hoa. **đánh chuông vàng kêu gọi sĩ tử mười phương đến học**: Kêu gọi người có tâm đạo từ khắp nơi vào hầu đàn, học đạo.

thì làm sao đưa nhơn loại giải thoát kiếp trần sầu?

THI BÀI

Đứng giữa trần làm trang đạo giác ⁽⁴¹⁾

Con hiền ôi, đã hát bài Tiên

Cho cao tâm não ⁽⁴²⁾ sĩ hiền

Con nên giảng đạo đường Tiên quay về.

Mệnh Thầy truyền phá mê nhơn loại

Con nên rèn cho toại ⁽⁴³⁾ tâm vàng

Tịnh đi cho kíp ⁽⁴⁴⁾ buổi nàn ⁽⁴⁵⁾

Đường xa đừng trễ, đừng than, đừng sầu.

Cha đã đến bên lầu Minh Thánh ⁽⁴⁶⁾

Để lời vàng giải cảnh tang thương

Mình con dọn sẵn khoa trường ^(47a)

Đã kêu sĩ tử mười phương quay về.^(47b)

Thì nên kíp chuyển lẽ lối đạo

Đứng đầu tiên con tạo thể vàng ⁽⁴⁸⁾

⁽⁴¹⁾ **trang đạo giác**: *Đạo giác giả* 道覺者, người hiểu biết đạo.

⁽⁴²⁾ **tâm não** 心腦: Tim óc; tâm trí, tình cảm và suy nghĩ.

⁽⁴³⁾ **toại** 遂: Thỏa lòng.

⁽⁴⁴⁾ **kíp**: *Cấp* 急, gấp rút.

⁽⁴⁵⁾ **nàn**: *Nạn* 難, tai nạn, hoạn nạn.

⁽⁴⁶⁾ **Minh** 明: Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo. **Thánh** 聖: Thiêng liêng.

lầu Minh Thánh: Tầng lầu của Khổng Thánh Miếu ở Trà Vinh, nơi thiết lập đàn cơ.

^(47a,b) Các vị trong Đạo đã chuẩn bị cho khách bốn phương nơi hầu đàn, học đạo, và mời gọi họ quy tụ để dự trường thi Long Hoa.

⁽⁴⁸⁾ **thể vàng**: *Kim thân* 金身.

Một bầu linh được ⁽⁴⁹⁾ Cha ban
Con nên uống cạn cho tràn máu tim.

Lọc thanh khí ngày đêm cho hân ⁽⁵⁰⁾
Điễn Thầy ban con lắng đem về
Chơn linh ⁽⁵¹⁾ con mở đờng mê
Đờng xa đã mỗi, đờng tê tái hồn.⁽⁵²⁾

Một phút đời vui chôn thể xác ⁽⁵³⁾
Tìm đâu ra muôn hạt châu trần ⁽⁵⁴⁾
Ngày này con luyện tinh thần
Cha đưa con trở về đàng Địa Tiên.⁽⁵⁵⁾

Xưa kia đã dọn miền thể lụy ⁽⁵⁶⁾
Con học đòi luyện kỹ tâm cơ ⁽⁵⁷⁾

Ngày nay sao mãi chần chờ
Luyện đi cho kịp phong thơ ⁽⁵⁸⁾ mở rồi.

Cha khuyên trẻ muốn ngồi Kim Điện ⁽⁵⁹⁾
Thì lọc cho thanh miểng cơm trần ⁽⁶⁰⁾
Chơn chi máu lệ tử thần ⁽⁶¹⁾
Con ôi, tiếp dưỡng chơn thân khí hòa.

Dọn một lần cho ra vóc ngọc
Để trễ kỳ lẩn lóc muôn thu ⁽⁶²⁾
Biển mê chìm mãi bóng sầu
Cha đâu thể gọi về châu Ngọc Kinh.⁽⁶³⁾

Mê làm chi mộng huỳnh,⁽⁶⁴⁾ thân lữ ⁽⁶⁵⁾

⁽⁴⁹⁾ **một bầu linh được:** Một bình thuốc linh thiêng, là Thiên điễn.

⁽⁵⁰⁾ **hân:** Thông suốt, biết rõ, hiểu rõ.

⁽⁵¹⁾ **chơn linh** 真靈: Linh hồn, điễn linh quang Đức Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh Quang 大靈光 của Ngài.

⁽⁵²⁾ Con đờng tu hành rất dài và xa; vì vậy, người tu cần phải bền sức, bền lòng và đờng nản.

⁽⁵³⁾ Đòi người ngăn ngủi.

⁽⁵⁴⁾ Nếu không lo tu hành thì làm sao có thể thành đạo, đắc quả.
(châu trần: *Trần châu* 珍珠, hạt ngọc quý, ám chỉ sự quý báu của việc tu hành đắc đạo.)

⁽⁵⁵⁾ **đàng:** Con đường. **đàng Địa Tiên:** Con đường để trở thành Tiên tại thế gian, tức là đắc đạo tại thế.

⁽⁵⁶⁾ Trước đây đã thoát ra khỏi những mối ràng buộc, khổ ải ở thế gian. **(dọn:** Làm sạch, không còn vướng, thoát ra.)

⁽⁵⁷⁾ **tâm cơ** 心基: Nền móng của tâm, nghĩa gần giống như *tâm điễn* 心田 (ruộng lòng). **học đòi luyện kỹ tâm cơ:** Thấy người khác tu luyện mà noi theo (học đòi).

⁽⁵⁸⁾ **phong thơ:** Lá thơ đóng kín, ám chỉ bí pháp của Ôn Trên.
phong thơ mở rồi: Ôn Trên đã truyền dạy bí pháp.

⁽⁵⁹⁾ **Kim Điện** 金殿: Điện Vàng, ngôi đền của Đức Thượng Đế.

⁽⁶⁰⁾ **lọc cho thanh miểng cơm trần:** Ăn chay.

⁽⁶¹⁾ Người ăn mặn, còn hưởng đồ máu thịt động vật nên thần hồn còn nặng nề, chưa được nhẹ nhàng.

⁽⁶²⁾ **muôn thu:** Muôn năm, thời gian rất dài, mãi mãi.

⁽⁶³⁾ **Ngọc Kinh:** Bạch Ngọc Kinh 白玉京, nơi Đức Thượng Đế ngự.

⁽⁶⁴⁾ **mộng huỳnh** (hoàng): *Huỳnh lương mộng* 黃梁夢 (giấc mộng kê vàng). Theo *Chấm Trung Ký* 枕中記 của Thẩm Ký Tế 沈既濟 (đời Đường, Trung Quốc), vào năm 719 có anh học trò họ Lô (hay Lư) 盧 thi rớt. Từ kinh đô trở về quê, khi ghé quán trọ ở Hàm Đan (nay là một thị trấn thuộc tỉnh Hà Bắc), tình cờ anh gặp đạo sĩ họ Lữ (hay Lã) 呂. Nghe Lô than thở về cảnh nghèo, đạo sĩ lấy một cái gối (*chấm* 枕), bảo anh kê đầu lên ngủ, mọi việc sẽ như ý. Bấy giờ chủ quán đang nấu cháo kê. (*hoàng lương* 黃梁: Hạt kê màu vàng.)

Lô ngủ say, nằm mơ thấy cưới vợ xinh đẹp, nết na. Lô dậy tiến

Tiếng đàn xưa đượm chữ cao thần
Mẹ Thầy đưa xuống cõi trần
Sao con đảm trách cơ thần xong chưa?
Nhìn lại trẻ chiều trưa còn chỉ ⁽⁶⁶⁾

sĩ, làm quan to, thăng tới chức ngự sử, rồi quốc công... Năm người con trai đều làm quan lớn, lấy vợ danh giá. Năm Lô tám mươi tuổi, bệnh rồi chết. Tới đó thì anh chàng tỉnh mộng, thấy đạo sĩ ngồi bên cạnh, nôi cháo kê vẫn chưa chín.

Do tích này, văn học nói giấc mộng huỳnh, mộng hoàng lương, giấc kê vàng có nghĩa là ảo mộng giàu sang và quyền lực.

Dị bản: Sang đời Minh, nhà soạn kịch Thang Hiển Tổ 湯顯祖 (1550-1616) khi sáng tác *Hàm Đan Ký* 邯鄲記, đã đổi đạo sĩ họ Lữ thành Lữ (Lã) Động Tân 呂洞賓, một vị trong Bát Tiên.

Cũng vào đời Minh, khi viết tiểu thuyết *Đông Du Ký Thượng Đổng Bát Tiên Truyện* 東遊記上洞八仙傳 (người Việt quen nói tắt là *Đông Du Bát Tiên*), Ngô Nguyên Thái 吳元泰 đã đổi học trò họ Lô ra Lữ (Lã) Nham 呂嵒 (巖), đổi đạo sĩ Lã ra ngài Chung Tổ (Chung Ly Quyền 鐘離權, một vị trong Bát Tiên).

Theo *Đông Du Bát Tiên*, năm sáu mươi bốn tuổi ngài Lữ gặp Đức Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nôi kê vàng, ngài Lữ nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đày, gia sản bị tịch biên... Ngài Lữ giật mình tỉnh dậy thấy nôi kê nấu vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nôi kê, ngài Lữ giác ngộ lẽ vô thường, chán chường tưởng ảo hóa, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo Tiên.

⁽⁶⁵⁾ **thân lữ**: Con người sống ở trần gian giống người lữ khách đang ghé một quán trọ. Người tu cần phải lập công bồi đức để quay về cõi thiêng liêng hằng sống (quê nhà).

⁽⁶⁶⁾ **còn chỉ**: Chỉ còn.

Một vài con luyện kỹ châu đề ⁽⁶⁷⁾
Than ôi! Một mỗi tim thề ⁽⁶⁸⁾
Con còn đứng đó bên lề khổ đau.

Chưa thoát được tứ sầu vạn nảo ⁽⁶⁹⁾
Cha làm sao ngọc báu nuôi con ⁽⁷⁰⁾
Điển linh Cha đã ban tròn
Con nên tiếp lấy cho hồn nhẹ thanh.

Nuôi linh thể ⁽⁷¹⁾ phải dành từng phút
Nuôi vóc Tiên lắm lúc truân chiên ⁽⁷²⁾
Con ôi, một phút tịnh thiền
Là con còn mãi linh hiên vóc xưa.

Đạo hoàng hóa dùng chưa hết trọn
Điển linh màu, mạng sống đâu bền
Tiếp tay Tạo Hóa ⁽⁷³⁾ giáo truyền
Cơ Minh Đức sẽ nghìn thiên hóa hoàng.

Đừng vì chữ đạo bần mà khổ
Đạo có nghèo, công khó mới thành
Dầu cho một mái nhà tranh ^(74a)

⁽⁶⁷⁾ **châu 珠**: Ngọc; quý báu. **đề 諦**: Chân lý, đạo lý (thuật ngữ nhà Phật). **châu đề**: Pháp môn tu luyện quý báu.

⁽⁶⁸⁾ **tim thề**: Lời thề nguyện ghi khắc trong tim.

⁽⁶⁹⁾ **tứ sầu**: Bốn sự buồn khổ ở đời (sinh, lão, bệnh, tử). **vạn nảo**: Vô số phiền não.

⁽⁷⁰⁾ **ngọc báu nuôi con**: Thiên điển do Thầy ban bố.

⁽⁷¹⁾ **linh thể 靈體**: Thân xác thiêng liêng.

⁽⁷²⁾ **truân chiên 屯遭**: Gian nan, vất vả.

⁽⁷³⁾ **Tạo Hóa 造化**: Đấng Tạo Hóa, là Đức Thượng Đế.

^(74a,b) Nếu trót sống nghèo mà con biết tu luyện thì vẫn còn hơn

Mà con biết luyện chơn thần còn hơn.^(74b)

Ở lâu ngọc mà lu mòn lụy ^(75a)

Xác thân con thể kỷ tiêu hao ^(75b)

Chần chờ chi hỡi sĩ hào ⁽⁷⁶⁾

Đồng cùng tiến bước cho mau kịp kỳ.

Thầy khen trẻ đường đi đã hiểu

Cơ linh mầu ban chiếu cho tròn

Chơn lòng ⁽⁷⁷⁾ đã rạng, thì con

Đưa nhau lên đánh Thiên môn ⁽⁷⁸⁾ châu Thầy.

Đàn Thanh Liên đủ đầy tâm lực

nhà giàu không biết tu. (**chơn thần** 眞神: Hành giả tu tịnh [công phu] đạt tới chỗ thân tâm hợp nhất thì luyện được chơn thần.)

^(75a,b) Con sống trong cảnh giàu sang (*lâu ngọc*) mà không biết tu luyện khiến cho chơn thần bị lu mờ, thì dù có sống lâu trăm năm (*thể kỷ* 世紀) chẳng nữa rốt cuộc thân xác con cũng hư mất (*tiêu hao*). Kiếp người khó đặng, nếu không biết sử dụng xác thân làm phương tiện để tu luyện thì thật quá uổng phí.

Bốn câu ở đoạn thánh thi này và bốn câu ở đoạn trên nói rõ sự đối lập giữa giàu (thuận cảnh) và nghèo (nghịch cảnh). Phải biết tu để vượt qua nghịch cảnh mà thành đạo. Trái lại, sự giàu sang tuy người đời ai cũng thèm muốn, nhưng nó dễ khiến con người sa ngã, phạm tội rồi chịu quả xấu. Vì thế, Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn dạy: “*Ngoài phương tiện lợi danh đầy đủ / Trong gia đình hào phú kiêu sa / Với đời mở mắt người ta / Với mình, xét lại đó là trái oan.*” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-6 Quý Sửu, 14-7-1973)

⁽⁷⁶⁾ **sĩ hào** 士豪: Kẻ sĩ hào hùng, tức là người tu nghị lực kiên cường, tự chiến thắng những ham muốn thấp hèn của bản thân.

⁽⁷⁷⁾ **chơn lòng**: Chơn tâm 眞心.

⁽⁷⁸⁾ **đánh**: Đỉnh 嶺, chỗ cao nhất. **Thiên môn** 天門: Cửa Trời.

Các con hiền vượt nấc thang Tiên

Dù em Chí Thiện ⁽⁷⁹⁾ cho bền

Đường tu tịnh để còn duyên độ đời.

Khen con đó, đôi lời Thầy nhắc

Ráng mở cho cao nhất ⁽⁸⁰⁾ tâm hồn

Đạo lành dù đã suốt thông

Thể ⁽⁸¹⁾ kia luyện kỹ mới mong siêu toàn.⁽⁸²⁾

Đường trần kiếp, con hoàn ngọc thể ⁽⁸³⁾

Trả về Thầy dung lệ ⁽⁸⁴⁾ triều minh

Vóc Tiên Thầy muốn tạc hình

Cho con hưởng mãi ngôi huỳnh ⁽⁸⁵⁾ cảnh thanh.

Con không luyện chơn thần rồi sẽ

Xuống và lên trần thể nhọc nhằn

Dù cho công đã cao hằng

Nhưng Tiên vị chẳng đắc toàn xót đau.⁽⁸⁶⁾

Thầy thương con cho vào hàng Thánh

Nhưng vóc vàng ⁽⁸⁷⁾ Tiên cảnh chưa thành

⁽⁷⁹⁾ **Chí Thiện**: Chí Thiện Đàn 至善壇.

⁽⁸⁰⁾ **cao nhất**: Mỗi ngày mỗi tiến lên cao hơn.

⁽⁸¹⁾ **thể** 體: Tiên thể, vóc Tiên.

⁽⁸²⁾ **siêu toàn**: Siêu thoát hoàn toàn, không còn luân hồi chuyển kiếp.

⁽⁸³⁾ **ngọc thể** 玉體: Phần hồn sáng đẹp khi xưa lúc Đức Thượng Đế chiết điểm linh quang.

⁽⁸⁴⁾ **dung lệ** 容麗: Hình vóc xinh đẹp.

⁽⁸⁵⁾ **ngôi huỳnh**: Ngôi vàng, ngôi vị quý báu trên thượng giới.

⁽⁸⁶⁾ Dù công quả có rất nhiều (*cao hằng*) mà không tu luyện cho đắc chơn thần, thì cũng không đắc quả thành Tiên.

Làm sao muôn kiếp trường sanh
Phải lâm trần mãi sao đành dạ Cha.⁽⁸⁸⁾

Con có biết nơi mà Kim Khuyết⁽⁸⁹⁾
Mẹ và Thầy vẫn tiếp điển linh
Chư Thần, chư Thánh, chư Tiên
Mãi còn tiếp luyện điển Thiên đó mà.⁽⁹⁰⁾

Cho thành vóc ngọc ngà muôn kiếp
Vậy thì con nên hiệp âm dương
Tạo cho ra vóc Kim Tiên
Thì con **mới khỏi xuống miền trần gian**.⁽⁹¹⁾

Đường chuyển luân đoạn tràng⁽⁹²⁾ lắm hỡi
Dầu cho công con tới mức nào

Nhưng con vóc ngọc chẳng bào⁽⁹³⁾
Bào sao cho được hưởng bầu Ngọc Cung.⁽⁹⁴⁾

(...)

THỔ ĐỊA NAM PHƯƠNG

Kể từ đàn hôm nay, các đệ nào Thầy chưa dạy cũng ráng lo tịnh thiền. Địa sẽ trợ điển hồng quang⁽⁹⁵⁾ rồi chư đệ sẽ nhẹ nhàng linh khiếu. Ngày sau sẽ tiếp lãnh thêm nhiều cơ nhiệm đó. Các đệ đừng chần chờ, nên trường trai tịnh luyện tránh độc khí từ đây. Cho phép xả đàn nghỉ.*



* Trích MINH ĐỨC KIM NGÔN (bài 6), quyển 131-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Gồm mười hai thánh giáo ban truyền tại Chí Thiện Đàn, Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo (Trà Vinh). Môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo chú thích, Ban Tu Thư & Ấn Tống hiệu đính. Ấn tống trong quý Bốn năm Canh Tý (2020).

⁽⁹³⁾ **bào:** Mài giũa để hạt ngọc được sáng đẹp.

⁽⁹⁴⁾ **Ngọc Cung:** Bạch Ngọc Cung 白玉宮, nơi Đức Thượng Đế ngự.

⁽⁹⁵⁾ **điển hồng quang:** Hồng quang điển 紅光電, điển lành màu đỏ do Ông Trên ban xuống.

⁽⁸⁷⁾ **vóc vàng:** Kim Thân 金身.

⁽⁸⁸⁾ Đoạn này tiếp ý đoạn trên, nói rõ rằng nếu chỉ có công quả “cao hăng” thì Thầy đau lòng mà đành cho đắc quả Thánh; sau này Thánh cũng phải xuống trần tu lại.

⁽⁸⁹⁾ **Kim Khuyết:** Huỳnh Kim Khuyết 黃金闕, cái cổng lớn làm bằng vàng đi vào Linh Tiêu Điện (nơi Đức Thượng Đế thiết triều).

⁽⁹⁰⁾ Qua bốn câu ở đoạn này Thầy nhắc nhở rằng trên thượng giới các đấng Thần, Thánh, Tiên vẫn luôn tu luyện không ngừng. Thế thì người phàm càng phải tu; mà có tu nhiều thế nào vẫn chưa hề đủ (cho nên chớ có tự mãn).

⁽⁹¹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này. Đây là ý chỉ then chốt (chủ đề tư tưởng) của bài thánh giáo: Chỉ có luyện chơn thần tạo vóc kim thân, đắc quả Kim Tiên mới hết luân hồi (trường sanh bất tử); bằng không, chỉ đắc quả Thánh thì về sau vẫn sẽ phải chuyển kiếp xuống trần gian tu lại.

⁽⁹²⁾ **đoạn tràng** (trường) 斷腸: Đau đớn như đứt từng khúc ruột. **đường chuyển luân đoạn tràng:** Con đường luân hồi chuyển kiếp vô cùng đau khổ.

HỒNG ÂN ĐÊM GIÁNG SINH

Chí Thiện Đàn (Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo
Đại Đạo, Trà Vinh) đêm 12-11 Giáp Dần (Thứ Ba 24-12-1974).
Pháp đàn: Minh Dân. Đồng tử: Chơn Mạng.

TIẾP ĐIỂN THI

THỔ đàn trấn giữ Khổng Nho Gia
ĐỊA chấn NAM bang chính Đạo nhà
PHƯƠNG hướng xoay vần trong ảo cuộc⁽¹⁾
Tuồng đời chìm đắm lăm phong ba.⁽²⁾

THỔ ĐỊA NAM PHƯƠNG lai đàn. Chào chung tất cả chư
Thiên mạng phụng thừa⁽³⁾ và chư đệ hầu cơ. Đêm nay là lễ
Giáng Sinh. Vậy chư đệ hãy đặt trọn vẹn tấm lòng thành cầu
cho sanh linh khổ nạn Kỳ Ba⁽⁴⁾ này.

Để một phút giây khẩn nguyện cầu

⁽¹⁾ **ảo cuộc:** *Ảo cục, huyễn cục 幻局*, tình thế (tình hình) đầy những
ảo cảnh 幻景 (cảnh tượng không thật) biến đổi không ngừng.

⁽²⁾ **phong ba** 風波: Sóng gió, những khó khăn, nạn tai ở đời.

⁽³⁾ **chư Thiên mạng** 諸天命: Các bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ
mạng Trời giao phó là *thế Thiên hành hóa 替天行化* (thay Trời
hành đạo để giáo hóa dân chúng tu hành). **phụng thừa** 奉承:
Vâng lệnh Ông Trên mà làm theo.

⁽⁴⁾ **Kỳ Ba:** *Tam Kỳ 三期*, thời kỳ thứ ba Đức Thượng Đế mở Đạo cứu
độ Nhơn sanh.

Giáng Sinh Thánh Chúa bủa ân mầu⁽⁵⁾
Cho toàn thể giới chung hòa hợp
Khỏi nạn lao lung⁽⁶⁾ cõi địa cầu.

Vậy chư đệ hãy thành tâm tưởng niệm nguyện cầu. Địa
cho hay, đọc kinh cầu Đức Bạch Hạc.

TIẾP ĐIỂN THI

Báo đàn HẠC gáy trước non Tiên
Để chút BẠCH tâm⁽⁷⁾ giải nỗi niềm
ĐỒNG trọn lòng nguyện tua gắn chặt⁽⁸⁾
TỬ đàn báo lĩnh Đức Ân Thiên.⁽⁹⁾

Cho hay lòng tịnh tiếp ân lành
Thánh Chúa tá cơ⁽¹⁰⁾ đêm Giáng Sinh
Vì tấm lòng thành chư đệ đó
Trọn niềm tâm đạo với tâm thanh.⁽¹¹⁾

TIẾP LĨNH

⁽⁵⁾ **bủa ân mầu:** Ban ơn mầu nhiệm xuống khắp mọi nơi.

⁽⁶⁾ **lao lung** 牢籠: Cái chuồng (*lao*) nhốt gia súc và cái lồng (*lung*)
nhốt gia cầm; ám chỉ sự khổ cực nhiều bề trong cảnh bó buộc về
vật chất lẫn tinh thần của kiếp người.

⁽⁷⁾ **bạch tâm** 白心: Tấm lòng trong sạch, thuần khiết.

⁽⁸⁾ Cùng trọn lòng nguyện hãy gắn chặt vào việc tu học, hành đạo.
(**nguyên:** *Nguyện 願*, tự cam kết sẽ làm đúng những điều bản
thân coi là thiêng liêng. **tua:** [Từ Việt cổ] nên, hãy nên, do chữ *tu*
須.)

⁽⁹⁾ **Đức Ân Thiên:** Đức Chúa Giê-su.

⁽¹⁰⁾ **tá cơ:** Giáng cơ, giáng đàn.

⁽¹¹⁾ **tâm thanh:** *Thanh tâm 清心*, tấm lòng trong sạch.

THI

CỨU đời Thánh Đạo, Đạo Nho GIA
THỂ nạn Nam TÔ rất đậm đà ⁽¹²⁾
Đau xót sanh linh còn hoạn nạn
CHÚA truyền từ ái ⁽¹³⁾ độ gần xa
Chúa cứu thể Kỳ Ba khổ nạn ⁽¹⁴⁾
Gia Tô ⁽¹⁵⁾ nguyên Thánh báng nêu đề
Máu đào nhuộm khắp sơn Khê ⁽¹⁶⁾
Đau lòng nhân thể nẻo về nơi đâu?
Tại trần thế cơ cầu đảo lộn ⁽¹⁷⁾
Chốn trần ai khắp chốn tang thương ⁽¹⁸⁾
Biết đâu mà tránh nạn lường ⁽¹⁹⁾
Ôi thôi! Luống nãi ⁽²⁰⁾ tình thương xót lòng.

⁽¹²⁾ Nạn đời ở Việt Nam còn rất nhiều, ám chỉ chiến tranh vẫn còn tiếp diễn. (**Nam Tô**: Nước Việt Nam.)

⁽¹³⁾ **từ ái** 慈愛: Lòng yêu thương.

⁽¹⁴⁾ Chúa cứu đời khổ nạn trong Kỳ Ba.

⁽¹⁵⁾ **Gia Tô**: Người Hoa chuyển âm (*transliterating*) *Jesus* từ tiếng Latin là 耶穌; người Việt đọc là *Da Tô*, gọi đạo Chúa là *Da Tô Giáo* 耶穌教. Về sau, người Việt đổi *Da* thành *Gia*. Chữ *Da* 耶 cũng có nghĩa như *Gia* 爺 là cha.

⁽¹⁶⁾ **sơn Khê** 山溪: Núi và khe; nghĩa rộng ở đây là lãnh thổ (như *sơn hà* 山河).

⁽¹⁷⁾ Con người độc ác gây ra chiến tranh tại trần thế. (**cơ cầu**: Nghiệt ngã, hiểm độc. **đảo lộn**: Xáo trộn, mất hết trật tự, ám chỉ chiến tranh.)

⁽¹⁸⁾ **tang thương** 桑蒼: Khổ sở xác xơ. Xem thêm chú thích (26).

⁽¹⁹⁾ **nạn lường**: Tai nạn không lường trước được.

⁽²⁰⁾ **luống nãi**: Cứ mãi nãi nề, buồn đau, tê tái.

Cõi Nam Việt mưa đông ngập đất
Nạn đao binh chồng chất thấy người
Máu hồng chan thấm thịt tươi
Xương khô đã trắng, lòng người chẳng dung.⁽²¹⁾

Thấy cảnh khổ khôn cùng đau xót
Vững tình thương để góp vào đời
Khuyên rằng trần thế bao lời
Vị tha lòng đạo dựng đời mai sau.

Tại trần thế cứ đào chia rẽ
Nên khổ vầy ⁽²²⁾ máu lệ đầm chan ⁽²³⁾
Cùng nhau lo kíp ⁽²⁴⁾ con đường ⁽²⁵⁾
Quay về một lối trần gian nẻo lành.

Thì sẽ dứt chiến tranh cuộc thế
Thấy trời Nam dâu bể này đây ⁽²⁶⁾
Giáng đàn ban chút phút giây
An lành rưới khắp trần này Ta cho.

Tình nhơn loại con đồ bát nhã ⁽²⁷⁾

⁽²¹⁾ **dung**: Dung tha, bỏ qua, tha cho. **lòng người chẳng dung**: Lòng người không chịu buông tha.

⁽²²⁾ **khổ vầy**: Nổi khổ vầy kín.

⁽²³⁾ **máu lệ đầm chan**: Máu và nước mắt đã rơi tràn trề.

⁽²⁴⁾ **kíp**: Gấp rút, do chữ *cấp* 急.

⁽²⁵⁾ **con đường**: Con đường, ý nói là đường Đạo, đường tu cứu đời.

⁽²⁶⁾ Nhìn thấy chiến tranh đang diễn ra tại Việt Nam. (**dâu bể**: Nói tắt thành ngữ *tang điền biến vi thương hải* 桑田變為蒼海, ruộng dâu biến thành biển xanh, chỉ những sự thay đổi lớn lao ở đời.)

⁽²⁷⁾ **con đồ bát nhã**: Thuyền bát nhã. Thế gian là biển khổ (*khổ hải* 苦海), con người sống trên đời ví như đang ở bến mê (*mê tân*).

Đạo là chi? Để tạo điều lành
Tình thương đem lại chúng sanh
Nếu ai cũng biết tướng lành, có đâu... ⁽²⁸⁾

Phải đến tới thâm sâu vực thẳm
Phải lặn sâu máu thấm non sông
Nồi da xáo thịt ⁽²⁹⁾ đau lòng
Mà đời cứ mãi một dòng, dòng trôi! ⁽³⁰⁾

Đau lòng đổ lệ trôi trào khoe
Giọt vắn dài đã xé vành mi
Thương đời lắm nỗi sầu bi
Lòng đây luống nảo, xiết chi cõi lòng.

Đêm Giáng Sinh trần hồng ⁽³¹⁾ chẳng đẹp
Ngày mai này biên chép ⁽³²⁾ sầu đau
Những lời Ta đã cạn trao
Người đời suy nghiệm để bao nguyện cầu.

迷津). Tôn giáo đem chánh pháp tới cứu con người vượt qua biển khổ, sang tới bờ bên kia (*đáo bỉ ngạn* 到彼岸) là bờ giác (*giác ngạn* 覺岸). Vì thế chánh pháp ví như đò (thuyền) bát nhã. Người Hoa mượn hai chữ *ban nhược* 般若 [*bānrúo*] để chuyển âm (*transliterating*) chữ Phạn *Prajna* (trí huệ); người Việt đọc chệch *ban nhược* thành *bát nhã*.

⁽²⁸⁾ **tướng lành**: Nghĩ tới việc tốt lành. **có đâu**: Thì đâu có xảy ra chiến tranh.

⁽²⁹⁾ **nồi da xáo thịt**: Ví cảnh người thân trong một nhà (hay đồng bào một nước) sát hại lẫn nhau.

⁽³⁰⁾ **một dòng, dòng trôi**: Cuộc đời cứ mãi trôi theo một dòng đau khổ, loạn ly.

⁽³¹⁾ **trần hồng**: Hồng trần 紅塵, bụi hồng; ám chỉ cõi thế gian.

⁽³²⁾ **biên chép**: Sử sách ghi chép lại.

[*Đệ tử nam phái dâng thi mừng Chúa giáng sinh.*]⁽³³⁾

CHÚA DẠY CHUNG

Cảm động Nho Gia rất thanh tình ⁽³⁴⁾
Điểm màu ban bố khắp chân linh ⁽³⁵⁾
Cho tròn cơ nạn Kỳ Ba đó
Đất Vĩnh ⁽³⁶⁾ lành thay mối Đạo huỳnh.⁽³⁷⁾

Mong rằng đức kết ánh minh quang ⁽³⁸⁾
Lòng đạo ngập tràn khắp thể gian ⁽³⁹⁾
Cơn biến chẳng còn trong giấc mộng ⁽⁴⁰⁾
Lâm nguy lòng vững khỏi kinh hoàng.⁽⁴¹⁾

⁽³³⁾ Đoàn giáng sinh đã có lệnh thiết lập từ trước. Khi hầu đàn, môn sanh nam rồi nữ lần lượt dâng thơ kính mừng. Các bài thơ này môn sanh soạn sẵn ở nhà; điểm ký không ghi lại.

⁽³⁴⁾ **thanh tình** 盛情: Tình cảm tràn trề, nồng ấm, tốt đẹp.

⁽³⁵⁾ Đức Chúa Giê-su ban điểm lành màu nhiệm vào hồn tất cả những người hầu đàn. (**chân linh**: *Chơn linh* 真靈, *linh hồn* 靈魂.)

⁽³⁶⁾ **Vĩnh**: Vĩnh Bình, tên cũ tỉnh Trà Vinh. Tỉnh Trà Vinh thành lập theo nghị định ngày 20-12-1899 của Toàn Quyền Đông Dương, là một trong hai mươi tỉnh thuộc Nam Kỳ. Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đổi tên tỉnh Trà Vinh thành tỉnh Vĩnh Bình (là một trong bốn mươi ba tỉnh thuộc lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, là một trong hai mươi hai tỉnh thuộc Nam Phần). Tháng 2-1976, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Vĩnh Long hợp nhất thành tỉnh Cửu Long. Ngày 26-12-1991, tỉnh Cửu Long giải thể để tái lập tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh.

⁽³⁷⁾ **Đạo huỳnh**: Huỳnh Đạo 黃道, Đạo vàng, Đạo quý.

⁽³⁸⁾ **đức kết ánh minh quang**: Có được điểm quang tỏa sáng.

⁽³⁹⁾ Tâm đạo lớn rộng, chan chứa khắp nơi.

⁽⁴⁰⁾ Không còn ác mộng.

⁽⁴¹⁾ Gặp nguy hiểm lòng vẫn bình thản.

Nhớ rằng có Mẹ nơi đàn Thánh
Cứ tưởng Trời Cha, đạo Khổng đàn ⁽⁴²⁾
Thì hết sầu đau trong cái khổ
Lòng tin giữ vẹn khỏi nguy nan.

[Đệ tử nữ phái dân thi mừng Chúa giáng sinh.]

CHÚA DẠY CHUNG

Lành thay! Mỗi Đạo rất thâm tình ⁽⁴³⁾
Giữ trọn cơ mầu khỏi nạn linh ⁽⁴⁴⁾
Hòa hiệp chung lo cầu nguyện đó
Nhơn sanh nhuần gội ánh cơ huỳnh. ⁽⁴⁵⁾

Phái nữ đàn trung ⁽⁴⁶⁾ khá ⁽⁴⁷⁾ lập công
Để tâm cho trọn vẹn trong lòng
Chung tay đoàn kết đừng chia rẽ
Nhẹ bước quay chèo tới bến trong. ⁽⁴⁸⁾

Cảm đàn Chí Thiện buổi hôm nay
Tá bút ⁽⁴⁹⁾ đôi câu để tỏ bày
Nhắc nhở đàn trung lo khẩn nguyện
Cho toàn sanh chúng chốn trần ai.

Thoát khỏi binh đao buổi nạn cùng ⁽⁵⁰⁾
Đôi lời ban chút điển đàn trung
Cho lòng thanh nhẹ vui niềm khổ
Đạo quả lo tròn gặt hái chung.

Giã từ điện Thánh chốn trần gian ⁽⁵¹⁾
Lệ thấm vành mi vẫn nhỏ tràn
Bủa điển hồng ân chan rưới khắp ^(52a)
Đàn trung Khổng Thánh và nhân gian. ^(52b)

Thăng.*



* Trích MINH ĐỨC KIM NGÔN (bài 7), quyển 131-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Gồm mười hai thánh giáo ban truyền tại Chí Thiện Đàn, Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo (Trà Vinh). Môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo chú thích, Ban Tu Thư & Ấn Tống hiệu đính. Ấn tống trong quý Bốn năm Canh Tý (2020).

⁽⁴²⁾ **đạo Khổng đàn:** Đàn cơ tại Khổng Thánh Miếu (Trà Vinh).

⁽⁴³⁾ **thâm tình** 深情: Tình cảm sâu đậm.

⁽⁴⁴⁾ **nạn linh:** Khổ nạn điều linh (điều linh 凋零: chết chóc).

⁽⁴⁵⁾ **ánh cơ huỳnh:** Ánh Đạo vàng.

⁽⁴⁶⁾ **đàn trung** 壇中: Có mặt trong đàn cầu cơ.

⁽⁴⁷⁾ **khá:** Nên, phải, do chữ khả 可.

⁽⁴⁸⁾ **quay chèo tới bến trong:** Lên thuyền đạo chèo về bến giác.

⁽⁴⁹⁾ **tá bút** 借筆: Mượn cơ bút.

⁽⁵⁰⁾ **nạn cùng** 難窮: Khổ nạn cùng cực.

⁽⁵¹⁾ **điện Thánh chốn trần gian:** Khổng Thánh Miếu ở Trà Vinh.

^(52a,b) Dùng điển quang ban ơn huệ khắp nơi, cho cả những người đang hầu đàn và toàn thể nhân loại. (**hồng ân** 洪恩: Ơn huệ to tát.)

NHỮNG NGÀY CÒN ĐƯỢC AN BÌNH HÃY LO CÔNG PHU

Chí Thiện Đàn (Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo
Đại Đạo, Trà Vinh), ngày 18-02 Ất Mão (Chủ Nhật 30-3-1975)
Pháp đàn: Minh Dân. Đồng tử: Chơn Như.

TIẾP ĐIỂN THI

THỔ linh ⁽¹⁾ Thầy độ trẻ bình an
ĐỊA điểm phúc tràn, ⁽²⁾ đệ chớ than
NAM cõi ⁽³⁾ ngày về ân đức đủ
PHƯƠNG trời Trung Việt lệ dầm chan. ⁽⁴⁾

Chan chứa bên lòng nỗi khổ đau
Đệ ôi! Thương xót lẫn đồng bào
Ít nhiều cơm áo dành chia sót ⁽⁵⁾
Đùm bọc nhau qua bước khổ sầu.

Địa có đôi lời chào mừng và cho chư đệ biết rằng cõi linh
địa bé nhỏ này ⁽⁶⁾ đã được lệnh Thầy Mẹ ân tứ ⁽⁷⁾ cho chư môn

⁽¹⁾ **thổ linh**: Linh thổ 靈土, đất linh, ám chỉ miền Nam Việt Nam.

⁽²⁾ **điểm phúc** 豔福: Phước lành. **địa điểm phúc tràn**: Vùng đất tràn đầy phước lành.

⁽³⁾ **Nam cõi**: Miền Nam Việt Nam.

⁽⁴⁾ Đồng bào miền Trung Việt Nam đang chạy loạn rất đau thương.

⁽⁵⁾ **chia sót**: Chia sẻ, san sót, san sẻ.

⁽⁶⁾ **cõi linh địa bé nhỏ này**: Miền Nam Việt Nam.

đệ và tất cả nhơn sanh được hưởng ân lành để mà lo tịnh tu
cho khỏi gián đoạn công phu. Vậy chư đệ hãy cố gắng làm sao
cho đường đạo được tiến triển, đáp lại lòng từ của Thầy Mẹ.
Đàn hôm nay Địa báo tin, khá ⁽⁸⁾ tịnh đàn tiếp Đức Bạch Hạc
lai cơ. Địa lui.

TIẾP ĐIỂN THI

BẠCH quang ⁽⁹⁾ chiếu diệu cõi trần trung ⁽¹⁰⁾
HẠC ré ⁽¹¹⁾ đài vân ⁽¹²⁾ chuyển lệnh Trùng ⁽¹³⁾
ĐỒNG ⁽¹⁴⁾ tiếp điển vàng Ân Giá ⁽¹⁵⁾ ngự
TỬ ⁽¹⁶⁾ lòng thành kính đón Hoàng Dung. ⁽¹⁷⁾

Dung đài tỏ rạng bóng Từ Thân ⁽¹⁸⁾
Buổi nạn trần ai đã đến gần

⁽⁷⁾ **ân tứ** 恩賜: Ban ân.

⁽⁸⁾ **khá**: Nên, hãy, do chữ *khả* 可.

⁽⁹⁾ **bạch quang** 白光: Ánh sáng trắng.

⁽¹⁰⁾ **cõi trần trung**: Trong (trung 中) cõi trần.

⁽¹¹⁾ **ré**: Kêu, gáy.

⁽¹²⁾ **đài vân**: Vân đài 雲臺, đài mây, ám chỉ đàn cầu Tiên.

⁽¹³⁾ **Trùng**: Nói tắt *Cử Trùng* 九重 (chín bề), chỗ vua ngồi; nghĩa rộng là Đức Thượng Đế. **lệnh Trùng**: Lệnh của Đức Thượng Đế.

⁽¹⁴⁾ **đồng** 同: Cùng nhau.

⁽¹⁵⁾ **giá** 駕: Tiếng tôn xưng nhà vua, Đức Thượng Đế. **Ân Giá** 恩駕: Đức Thượng Đế (Đấng hằng ban ơn cứu độ chúng sanh).

⁽¹⁶⁾ **tử**: Đệ tử 弟子, học trò, môn sanh 門生.

⁽¹⁷⁾ **Hoàng Dung** 皇容: Như *Thiên Nhan* 天顏, gương mặt (dung nhan 容顏) Đức Thượng Đế; nghĩa rộng là Đức Thượng Đế.

⁽¹⁸⁾ **Từ Thân** 慈親: Cha hiền, là Đức Thượng Đế.

Chư đệ nguyện cầu Thầy bố diễn⁽¹⁹⁾
Cho nhơn sanh đỡ nạn đôi phần.

Phần của Ta đây độ khắp nơi
Nạn chung tàn buổi rõ cơ Trời⁽²⁰⁾
Bước đường đạo đến hồi khai mở
Dù khách tang thương hiệp mặt Trời.⁽²¹⁾

Trời đất vắn xoay⁽²²⁾ buổi biến nguy
Chư môn đệ chớ khổ sầu chi
Nạn kẻ nhưng có Từ Ân⁽²³⁾ độ
Dầu cuộc binh đao⁽²⁴⁾ chớ chậm trì.⁽²⁵⁾

Trì⁽²⁶⁾ lòng vững bước buổi nản thôi
Thấm gội hồng ân cứ tịnh thời⁽²⁷⁾
Mỗi vị đệ hiền đều có mỗi
Một vì La Hán⁽²⁸⁾ tiếp quang ngời.⁽²⁹⁾

⁽¹⁹⁾ **bố diễn**: Ban bố diễn lành.

⁽²⁰⁾ **cơ Trời**: *Thiên cơ* 天機, máy Trời; sự vận hành của Trời (vượt khỏi khả năng hiểu biết của con người).

⁽²¹⁾ **hiệp mặt Trời**: Gặp mặt Đức Thượng Đế, tức là tu đắc đạo.

⁽²²⁾ **vắn xoay**: Xoay vắn, thay đổi lần lượt theo lẽ tự nhiên.

⁽²³⁾ **Từ Ân** 慈恩:Ơn lành, nghĩa rộng là Đức Thượng Đế.

⁽²⁴⁾ **binh** 兵: Vũ khí, quân lính, chiến tranh. **đao** 刀: Thanh đao (một loại vũ khí). **binh đao** 兵刀: Chiến tranh.

⁽²⁵⁾ **chậm trì**: Chậm trễ hoặc trì hoãn trên đường tu học.

⁽²⁶⁾ **trì** 持: Gìn giữ, nắm giữ.

⁽²⁷⁾ Đã thọ hưởng rất nhiều ơn huệ to tát của Trời ban bố thì cứ lo tu tịnh, sự đời biến chuyển ra sao cũng mặc. (**hồng ân** 洪恩:Ơn huệ to tát.)

⁽²⁸⁾ **La Hán**: *A La Hán* 阿羅漢 (*Arhat*), bậc Thánh không còn phải

Đồng⁽³⁰⁾ xin có đôi lời nhắn nhủ và giờ nay chư môn đệ khá tịnh tâm tiếp lĩnh Đức Ngọc Hoàng giá lâm. Đồng xin kiếu nghinh.

TIẾP LĨNH

Thầy lai đàn. Mừng tất cả các con nam nữ của Thầy.

THI

NGỌC lệnh CAO ban⁽³¹⁾ độ khách trần
HOÀNG cơ ĐÀI phổ lý huyền chân⁽³²⁾
THƯỢNG⁽³³⁾ dìu TIÊN tử⁽³⁴⁾ về hư vị⁽³⁵⁾
ĐẾ Đạo⁽³⁶⁾ ÔNG⁽³⁷⁾ khai điển huệ thần.⁽³⁸⁾

luân hồi sanh tử, không còn sai lầm, không còn bị trói buộc vì những ràng buộc thế gian như ngu dốt (vô minh), phiền não, tham sân si, kiêu ngạo, chấp trước, v.v...

⁽²⁹⁾ Hai câu cuối của khổ thơ này có nghĩa: Mỗi người tu tịnh đều có một vị La Hán tiếp điển quang do Thiêng Liêng ban bố.

⁽³⁰⁾ **Đồng**: Đức Bạch Hạc Đồng Tử.

⁽³¹⁾ **Ngọc lệnh** 玉令: Lệnh của Đức Ngọc Hoàng. **Ngọc lệnh cao ban**: Lệnh của Đức Ngọc Hoàng từ trời cao ban xuống.

⁽³²⁾ Đức Thượng Đế giáng đàn phổ truyền lý đạo huyền diệu và chân thật. (**Hoàng cơ**: Buổi giáng cơ dạy đạo của Đức Ngọc Hoàng. **đài** 臺: Đàn cầu Tiên.)

⁽³³⁾ **Thượng** 上: Đức Thượng Đế.

⁽³⁴⁾ **Tiên tử** 仙子: Học trò Tiên. (Đức Cao Đài Tiên Ông là Thầy; học trò Đức Cao Đài là học trò Tiên. Trong Kỳ Ba đại ân xá, ai tu hành theo cơ bút Tiên Gia đều là học trò Tiên.)

⁽³⁵⁾ **hư vị** 虛位: Ngồi vị ở cõi hư vô.

⁽³⁶⁾ **Đế Đạo** 帝道: Đạo của Đức Thượng Đế.

⁽³⁷⁾ **Ông** 翁: Đức Cao Đài Tiên Ông.

⁽³⁸⁾ **huệ thần**: Trí huệ siêu phàm. (*Huệ* 慧 là trí sáng suốt có được

Thầy cho phép các con bình thân.⁽³⁹⁾

Các con có hiểu rằng nơi cõi linh địa bé nhỏ này trải qua bao ngày rồi các con đều được yên lành mà hành đạo là do nơi lòng Thầy quá thương con, muốn cho các con được an nhàn và rảnh rang để công phu thường nhật. Vì ngày sau này các con sẽ còn bận rộn nhiều lo hoàng hóa ⁽⁴⁰⁾ cơ Thiên, nên **những ngày còn được an bình**, các con **lo công phu** ⁽⁴¹⁾ để Thầy tiếp huệ điển ⁽⁴²⁾ cho thần hồn các con sáng suốt rồi sẽ vượt thời gian lo đui dặt nhân sanh.

Thầy đã xem xét nấc tiến hóa về mặt tinh thần của mỗi con. Dầu cho Hiệp Thiên Đài ⁽⁴³⁾ hay Cửu Trùng Đài ⁽⁴⁴⁾ hay các trẻ mới vào Đạo, các con đều có tâm hồn từ ái cao siêu. Nên Thầy khuyên chung tất cả các con phải ngồi tịnh tâm mỗi ngày vài giờ vì các con phải bận lo sinh kế, thân thể và đầu óc phải mệt mỏi mỗi ngày lối ⁽⁴⁵⁾ mười hai tiếng rồi. Các con đâu có nhiều thì giờ nghỉ ngơi. Thầy khuyên mỗi con chỉ nên dành đôi giờ để gom thần và tiếp điển lành hầu sau này

do kết quả tu tịnh. *Thần* 神 là thần diệu, phi phàm.)

⁽³⁹⁾ **bình thân** 平身: Cho phép được miễn quỳ, có thể ngồi hầu đàn.

⁽⁴⁰⁾ **hoàng hóa** 弘化: Giáo hóa rộng khắp, rộng truyền khắp nơi.

⁽⁴¹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽⁴²⁾ **huệ điển**: Luồng điển khai sáng giúp người tu sáng suốt, thông hiểu sự lý, dứt mê muội.

⁽⁴³⁾ **Hiệp Thiên Đài** 協天臺: Bộ phận lo về phần vô vi, thông công giữa Ông Trên và nhân loại hay giữa Trời và người.

⁽⁴⁴⁾ **Cửu Trùng Đài** 九重臺: Bộ phận lo về phần hữu hình, về mặt xã hội, trợ giúp chúng sanh, cứu tế.

⁽⁴⁵⁾ **lối**: Khoảng chừng.

các con đủ sức mà chịu đựng với bao cuộc diện ⁽⁴⁶⁾ sắp xảy ra làm xáo trộn tâm thần của con không ít đó.

Ngay từ bây giờ biết bao nhiêu nhơn sanh phải oằn oại khổ đau từ mặt vật chất lẫn tinh thần. Thầy khuyên các con có dịp thì nên ban truyền lời của Thầy mà an ủi rằng trong buổi tàn,⁽⁴⁷⁾ cơ Trời biến chuyển, mọi sự vật đều phải trải qua luật định tang thương. Vậy thì trước cảnh tan tác não nùng,⁽⁴⁸⁾ sự nghiệp mất hết rồi, tấm thân cũng dầu dãi ⁽⁴⁹⁾ gian truân,⁽⁵⁰⁾ gia đình ly tán, đó là cảnh giá cuộc bày ra trước mắt để cho các con hiểu rằng thế gian là cõi tạm đau thương, chớ nên quá đau khổ mà tiêu tan thần trí.

Ngày nay hãy lắng nghe lời giáo lý của Đức Ngọc Hoàng Thượng Phụ là Đức Cha Lành hóa sanh hồn vạn loại nhân quần mà tạm quên đi hết mọi niềm khổ đau, lo quay về với Thầy là Đấng Cha Lành luôn luôn chờ đón, khai thần đón tiếp các con trở về cùng Thầy nơi cõi nghìn xuân,⁽⁵¹⁾ không cát lấp bụi bay, không biết đâu điều khổ nào. Chốn ấy là nơi muôn nghìn kiếp trước các con đã vui sống với Thầy. Thương ôi, Nhơn sanh còn phải chịu lắm điều tang biến! ⁽⁵²⁾ Khi nào các

⁽⁴⁶⁾ **cuộc diện**: *Cục diện* 局面, hoàn cảnh, tình hình, tình thế.

⁽⁴⁷⁾ **buổi tàn**: Buổi mặt pháp, thời hạ ngươn mặt kiếp.

⁽⁴⁸⁾ **não nùng**: Não nề, buồn bã lắm.

⁽⁴⁹⁾ **dầu dãi**: Dãi dầu; chịu đựng, trải qua nhiều vất vả.

⁽⁵⁰⁾ **gian truân** 艱屯: Gian nan, vất vả, khổ sở.

⁽⁵¹⁾ **cõi nghìn xuân**: Cõi vĩnh hằng, cõi thượng giới.

⁽⁵²⁾ **tang biến**: Nói tắt thành ngữ *tang điền biến vi thương hải* 桑田變為滄海 (ruộng dâu biến thành biển xanh), ý nói những thay đổi lớn lao và khốc liệt trong đời.

liệt cường ⁽⁵³⁾ chưa đem khí giới vùi lấp dưới lòng đại dương và chưa chôn lấp khí giới trong lòng đất sâu thì nhơn sanh vẫn còn vương tai họa.

Hòa bình chỉ hiện ra trên quả địa cầu khi nào các thứ khí giới ấy đều bị hủy diệt hết cả. Các siêu cường ⁽⁵⁴⁾ đâu có nghĩ rằng những thứ khí giới có mầm nguyên tử kia vì một nguyên do nào đó nó sẽ tự nổ tung rồi nhơn sanh sẽ bị ảnh hưởng, tai họa thật là khủng khiếp. Khi nào các liệt cường không còn gì để chống đối nhau thì chừng đó tự nhiên nhân loại sẽ hưởng thái bình. Tại sao họ không nghĩ rằng Thầy ban các nguồn nhiên liệu, của cải là để chia nhau sống, chứ Thầy đâu phải tạo ra cõi thế gian này để mà gom góp tài nguyên ⁽⁵⁵⁾ rồi giết hại lẫn nhau.

Nhưng các con ôi! Cũng còn một điều tối ư may mắn là họ chiếm đoạt lãnh thổ lợi quyền, tài nguyên nhưng mà họ đâu có chiếm được bầu không khí bao la của đất trời... Nên mặc cho ai cứ lo tranh giành vật chất, các con của Thầy cứ lo cướp khí hạo nhiên ⁽⁵⁶⁾ đi, rồi ngày sau tất cả đều vào cõi chết cõi xác trần. Tâm hồn kẻ mê muội phải tối đen, còn tâm hồn của các con biết luyện đạo sẽ sáng chói và được trường tồn nơi cõi hư linh. Vậy thì:

⁽⁵³⁾ **liệt cường** 列強: Các nước mạnh, các cường quốc.

⁽⁵⁴⁾ **siêu cường** 超強: Quốc gia đứng hàng đầu trong hệ thống quốc tế, có khả năng gây ảnh hưởng tới kinh tế - chính trị thế giới. Thấp hơn siêu cường (*superpower*) là cường quốc (*great power*).

⁽⁵⁵⁾ **tài nguyên** 財源: Những nguồn lực sẵn có trong thiên nhiên (quặng, rừng, dầu mỏ...) có thể tạo thành của cải.

⁽⁵⁶⁾ **khí hạo nhiên**: *Hạo nhiên chi khí* 浩然之氣, chánh khí, tinh thần chánh đại và cương trực.

THI BÀI

Các con ôi! Mặc dầu vật chất
Có hao mòn tiêu mất đừng than
Miễn còn dưỡng khí ⁽⁵⁷⁾ lan tràn
Thì con tiếp luyện hồn vàng cho thanh.

Đó là Đạo, Cha dành cho trẻ
Một kỳ này ⁽⁵⁸⁾ mau lẹ tiến lên
Hồn con hiệp điển cao nhiên ⁽⁵⁹⁾
Thầy vui mừng tiếp huệ Thiên trường tồn.⁽⁶⁰⁾

Cuộc sinh ly ⁽⁶¹⁾ dập dồn tử biệt ⁽⁶²⁾
Cảnh chiến nàn ⁽⁶³⁾ chi tiết thảm thê
Con xem tỉnh mộng ⁽⁶⁴⁾ quay về
Màng chi cõi tạm thảm thê dương trần.

Cha gửi con mượn lần điển ngọc ⁶⁵

⁽⁵⁷⁾ **dưỡng khí** 養氣: Khí ô-xy, giúp con người và các sinh vật nuôi dưỡng sự sống.

⁽⁵⁸⁾ **một kỳ này**: Kỳ Tam, Tam Kỳ Phổ Độ, thời kỳ thứ ba mà Thượng Đế mở Đạo để cứu độ nhơn sanh.

⁽⁵⁹⁾ **điển cao nhiên**: Điển thanh của Ơn Trên.

⁽⁶⁰⁾ **tiếp**: Thêm vào. **trường tồn** 長存: Tồn tại lâu dài, còn mãi mãi. **tiếp huệ Thiên trường tồn**: Ban thêm điển Thiên sáng suốt (*huệ Thiên*) bất diệt.

⁽⁶¹⁾ **sinh ly** 生離: Sự chia ly trong lúc sống.

⁽⁶²⁾ **tử biệt** 死別: Xa cách vì cái chết.

⁽⁶³⁾ **chiến nàn**: *Chiến nạn* 戰難, tai họa chiến tranh.

⁽⁶⁴⁾ **tỉnh mộng**: Thức tỉnh, không còn say mê những giả tạm trong đời vốn là ảo mộng.

⁽⁶⁵⁾ **ngọc điển** 玉電: Luồng điển do Đức Ngọc Hoàng ban bố.

Ngày nay con ăn học đủ đầy
 Huệ ân ⁽⁶⁶⁾ con hưởng của Thầy
 Con ngày sau sẽ độ rày ⁽⁶⁷⁾ toàn linh.⁽⁶⁸⁾

Một buổi nạn, tai inh ⁽⁶⁹⁾ nhức óc
 Đạn bom rền ⁽⁷⁰⁾ nát óc rã thân
 Máu xương cát đất trộn đầy
 Còn chi nhân loại, những ngày đau thương!

Cha vì con, thế trường ⁽⁷¹⁾ mở Đạo
 Khuyên con hiền không nã lòng từ
 Con ôi! Buổi nạn chẳng từ ⁽⁷²⁾
 Thân con tan rã bấy chừ ⁽⁷³⁾ ai chôn.

Con đừng tiếc, mảnh hồn ⁽⁷⁴⁾ khá luyện ⁽⁷⁵⁾
 Hiệp về Thầy một chuyến đồ linh ⁽⁷⁶⁾
 Con ôi! Tan nát thế trình ⁽⁷⁷⁾

Dù nhau đến trước sân Trình ⁽⁷⁸⁾ từ đây.
 Trống đã đổ canh chầy thúc hối ⁽⁷⁹⁾
 Các con ôi! Bao nỗi thảm sầu
 Tiêu tan nghiệp dĩ trần dâu ⁽⁸⁰⁾
 Chỉ còn lòng đạo để hầu đưa nhau.⁽⁸¹⁾

Về đến cõi Thiên Đào Ngọc Điện ⁽⁸²⁾
 Tiếc làm gì những miếng bả trần ⁽⁸³⁾
 Dầu cho châu báu ngọc vàng
 Cũng không giúp trẻ an nhàn tâm cơ.⁽⁸⁴⁾

⁽⁶⁶⁾ **huệ ân**: Ân huệ 恩惠, ơn và tình thương.
⁽⁶⁷⁾ **độ rày**: Độ rồi (nói chệch *rối* thành *rày* để hiệp vận với *Thầy*).
⁽⁶⁸⁾ **linh**: Linh hồn 靈魂. **toàn linh** 全靈: *Chúng sanh* 眾生.
⁽⁶⁹⁾ **tai inh**: Tai bị chói, khó chịu, do tác động của âm thanh có cường độ quá lớn.
⁽⁷⁰⁾ **rền**: Vang dội liên tục từng hồi.
⁽⁷¹⁾ **thế trường** 世場: Chốn trần gian.
⁽⁷²⁾ **chẳng từ**: Chẳng chừa (một ai).
⁽⁷³⁾ **bấy chừ**: Bấy giờ.
⁽⁷⁴⁾ **mảnh hồn**: Phần linh hồn.
⁽⁷⁵⁾ **khá luyện**: Hãy rèn luyện (bằng cách tu tịnh).
⁽⁷⁶⁾ **chuyến đồ linh**: Chuyến đồ linh thiêng, chính là Đạo do Đức Thượng Đế khai mở trong Kỳ Ba để cứu vớt chúng sinh ra khỏi sông mê biển khổ.

⁽⁷⁷⁾ **thế trình** 世程: Đường đời, nghĩa rộng là cõi trần.
⁽⁷⁸⁾ **Trình**: *Trình Tử* 程子, một danh Nho thời Tống. **sân Trình**: Trường học đạo Nho, nghĩa rộng là trường học đạo lý Kỳ Ba với chủ trương *Nho Tông chuyển thế*; do đó, Ôn Trên giảng cơ thường gọi môn sanh hầu đàn là *chư Nho, chư Nhu*.
⁽⁷⁹⁾ **canh chầy**: Canh khuya. (Một đêm chia làm năm canh. Một canh dài hai giờ.) Câu này ý nói ngày giờ đã trễ, hãy mau lo tu.
⁽⁸⁰⁾ **ngiệp dĩ** 業已: Tài sản, sản nghiệp đã có. **trần dâu**: Cõi trần luôn biến động đổi dời, không có gì tồn tại lâu bền. *Dâu* là do thành ngữ chịu cảnh *tang điền biến vi thương hải* 桑田變為滄海 (ruộng dâu biến thành biển xanh).
⁽⁸¹⁾ **lòng đạo**: Lòng đạo đức, lòng ham tu mộ đạo. **để hầu đưa nhau**: Để mong dắt dìu nhau cùng trở về cõi thượng giới.
⁽⁸²⁾ **Thiên Đào** 天桃: Quả đào tiên cõi Trời (Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu ban). **Ngọc Điện** 玉殿: Bạch Ngọc Cung, nơi Đức Thượng Đế ngự. **cõi Thiên Đào Ngọc Điện**: Cõi Tiên, cõi thượng giới.
⁽⁸³⁾ **bả**: Mồi độc để nhử con thú. **miếng bả trần**: Những thứ phù phiếm trần gian (như danh lợi, tình tiền, v.v...) nay còn mai mất lại là bả độc câu nhử con người đem thân vào chỗ chết.
⁽⁸⁴⁾ **tâm cơ** 心機: Suy tư, tính toán, mưu kế. **an nhàn tâm cơ**: Không phải lo lắng, tính toán.

Các con thương em khờ lạc bước ⁽⁸⁵⁾
Thì gọi về non nước ngày tàn
Con ôi! Thầy Mẹ lòng vàng
Đón đau thấy cảnh nào trần diễn ra.

Vì nạn dữ Thầy Cha tiếp diễn
Hộ trì con qua biển mê đào ⁽⁸⁶⁾
Con ôi! Lệ ứa hồn đau
Ngày mai sẽ rõ ân trao cha truyền.

Ngay từ giờ gọi hiền nam tử
Gọi nữ lưu ⁽⁸⁷⁾ học chữ tịnh huyền
Gạt đi lớp bụi trần viên ⁽⁸⁸⁾
Đưa nhau đến điện Huyền Thiên hưởng mẫu.⁽⁸⁹⁾

Công việc Thầy ngày sau con lãnh
Không có gì khó lắm đâu con
Con khuyên nhơn loại tỉnh hồn
Ngày ngày tiếp diễn cho tròn công phu.

Đạo của Thầy không đâu huyền hoặc ⁽⁹⁰⁾
Không như là bói ⁽⁹¹⁾ khắp thường tình

Chỉ khuyên con giữ hồn minh ⁽⁹²⁾
Để cho sáng tỏ vóc linh ⁽⁹³⁾ trở về.

Đạo của Thầy đâu chê cao thấp
Thấp cao gì cũng hiệp một Cha
Trẻ nào tinh tấn Thiên hòa ⁽⁹⁴⁾
Trẻ nào chậm hiểu cũng qua lớp này.

Con chỉ cần tịnh đi bốn buổi
Rồi giải lòng ⁽⁹⁵⁾ những nỗi sầu thương
Hiểu rằng trần thế là đường
Chuyển luân mượn xác hiệp dương âm tùy.⁽⁹⁶⁾

Kết âm dương triều nghi ngũ khí ⁽⁹⁷⁾
Bánh xe Tiên ⁽⁹⁸⁾ hiệp vị linh mẫu
Vượt ra sinh tử bể sầu
Con đâu còn trở lại cầu trần ai.⁽⁹⁹⁾

⁽⁸⁵⁾ **em khờ lạc bước:** Người chưa biết đạo, chưa tu hành.

⁽⁸⁶⁾ **biển mê đào:** Sóng lớn biển mê, ám chỉ nạn tai lớn ở cõi trần.

⁽⁸⁷⁾ **nữ lưu** 女流: *Nữ giới* 女界, phái nữ nói chung.

⁽⁸⁸⁾ **trần viên** 塵園: *Trần lao* 塵牢, ý nói cõi trần giam hãm con người như nhà tù.

⁽⁸⁹⁾ **Huyền Thiên:** Nói đủ là *Huyền Thiên Thượng Đế* 玄天上帝, tức Đức Chí Tôn. **điện Huyền Thiên:** Điện của Đức Thượng Đế Chí Tôn. **hưởng mẫu:** Thọ hưởng những mẫu nhiệm thiêng liêng.

⁽⁹⁰⁾ **huyền hoặc:** *Ảo hoặc* 幻惑: Giả dối, gạt lừa.

⁽⁹¹⁾ **bói:** Bói toán.

⁽⁹²⁾ **hồn minh:** Tinh thần sáng suốt.

⁽⁹³⁾ **vóc linh:** Xác thân linh, tức là nhị xác thân do tu luyện (công phu) mà tạo được.

⁽⁹⁴⁾ **tinh tấn Thiên hòa:** Tiến bộ đến mức hiệp được Thiên điển.

⁽⁹⁵⁾ **giải lòng:** Giải tỏa nỗi lòng để được thanh thản, nhẹ nhàng.

⁽⁹⁶⁾ Ý nói luân hồi chuyển kiếp mang thể xác có đủ âm dương (và ngũ hành) để tu luyện cho đắc đạo.

⁽⁹⁷⁾ **triều nghi ngũ khí:** Tức là *ngũ khí triều nguyên* 五氣朝元, tu luyện cho nguyên khí của ngũ tạng (tim, gan, lá lách, phổi, thận) trụ lại ổn định, không bị thất thoát hư hao.

⁽⁹⁸⁾ **bánh xe Tiên:** *Luân xa* 輪車 (*chakra*). Câu này ý nói khai khiếu, có thể tiếp được huyền linh Thiên điển.

⁽⁹⁹⁾ **cầu:** Cây cầu bắc qua sông Nại Hà (*Nại Hà kiều* 奈何 [河]橋) ở âm phủ mà linh hồn phải đi qua sau khi lìa trần hoặc trước khi đầu thai kiếp khác (*âm gian đích xuất nhập khẩu* 陰間的出入口).

Kìa xưa Đức Như Lai ⁽¹⁰⁰⁾ giáng thế ⁽¹⁰¹⁾
Ngài tịnh thiền thấu lý huyền cơ ⁽¹⁰²⁾
Đắc trong chỉ có một giờ
Ngài đi độ chúng thiên thu giác truyền.⁽¹⁰³⁾

Ngày nay mở cơ Thiên thầy chọn
Các con hiền trau trọn điển huyền ⁽¹⁰⁴⁾
Con nên xóa hết ưu phiền
Tịnh tâm để đoạt lý huyền Cha ban.

Dầu cao thấp một tràng ⁽¹⁰⁵⁾ Thầy tuyền
Con đừng nên lười biếng trễ qua ⁽¹⁰⁶⁾
Rồi con ân hận đó à
Ngày nay yên tịnh ráng mà tiến đi.

trở lại cầu trần ai: Qua cầu Nại Hà khi đầu thai trở lại cõi trần.

⁽¹⁰⁰⁾ **Như Lai** 如來: *Tathāgata*, một trong mười tôn hiệu của Đức Phật. Kinh Kim Cương có câu: Đức Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi tên là Như Lai. (*Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai*. 如來者, 無所從來, 亦無所去, 故名如來).

⁽¹⁰¹⁾ **giáng thế** 降世: Xuống thế gian, xuống cõi trần.

⁽¹⁰²⁾ **huyền cơ** 玄機: Cơ mầu; những nguyên lý mầu nhiệm, ẩn áo, bí mật của trời đất.

⁽¹⁰³⁾ **thiên thu** 千秋: Ngàn năm, thời gian rất lâu dài. **thiên thu giác truyền:** Truyền lại cho muôn đời phương pháp tu hành để giác ngộ.

⁽¹⁰⁴⁾ **trau trọn điển huyền:** Tiếp trọn điển huyền diệu của Ông Trên để trau hồn luyện phách.

⁽¹⁰⁵⁾ **tràng:** Trường học.

⁽¹⁰⁶⁾ **trễ qua:** Tu hành chậm trễ rồi sẽ để qua mất ơn đại xá cứu độ của Thượng Đế Kỳ Ba.

Kìa cây cỏ vô tri còn có
Phần sinh hồn biến hóa điển mầu
Nuôi con thanh đạm thể châu ⁽¹⁰⁷⁾
Đừng dùng ngũ trược, thú đầu thai lên.⁽¹⁰⁸⁾

Trong chất đậu nhiều thêm đạm tố ⁽¹⁰⁹⁾
Con mượn dùng đúng chỗ khỏe ra
Có đâu yếu ốm mà lo
Con nhìn kỹ lại, đăn đo chi nhiều.

Dùng thanh đạm, khí thiều ⁽¹¹⁰⁾ nuôi máu
Dòng máu trong châu báu ân huyền ⁽¹¹¹⁾

⁽¹⁰⁷⁾ **thể châu:** Thân thể quý như châu ngọc (vì nhờ có xác phàm mà dễ tu hành đắc thành đạo quả).

⁽¹⁰⁸⁾ **ngũ trược** 五濁: *Ngũ huân 五葷, ngũ tân 五辛*, năm loại rau, củ có mùi hôi, vị cay, bao gồm: Hành, họ, kiệu, nén, tỏi. Theo kinh *Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm* 大佛頂首楞嚴經, quyển 8, nếu ăn ngũ tân nấu chín thì sinh lòng dâm dục, ăn sống thì tăng thêm sân giận (*thực thực giả phát dâm, sinh đạm giả tăng khuể* 熟食者發婬, 生啖者增恚), các vị Thiên Tiên mười phương không ưa mùi xú uế của chúng, tất cả đều lánh xa (*thập phương Thiên Tiên hiềm kỳ xú uế, hàm giai viễn ly* 十方天仙嫌其臭穢, 咸皆遠離), v.v...; vì thế những người cầu bồ đề [giác ngộ] nên kiêng cử năm loại rau cay của thế gian (*cổ cầu bồ đề giả đương đoạn thế gian chi ngũ chủng tân thái* 故求菩提者當斷世間之五種辛菜).

⁽¹⁰⁹⁾ **đạm tố:** Chất đạm (*protein*), *dẫn bạch chất* 蛋白質, *dẫn bạch tố* 蛋白質, giúp cho cơ thể khỏe mạnh. Chất đạm có trong thịt, cá, trứng... nhưng người ăn chay có thể thay thế thịt, cá, trứng... bằng các loại hạt, đậu, ngũ cốc.

⁽¹¹⁰⁾ **khí thiều:** *Thiều khí* 韶氣, khí tốt lành.

⁽¹¹¹⁾ Dòng máu trong sạch (do ăn chay) quý như châu ngọc vì nhờ đó tu luyện mà tiếp nhận ơn mầu nhiệm (*ân huyền*) của Trời ban.

Con ôi, phép báu đơn Tiên ⁽¹¹²⁾
Là âm dương khí thượng thiên hiệp hòa.⁽¹¹³⁾

Nay rốt ráo ⁽¹¹⁴⁾ lời Cha phân giải
Cho con hiền quang đại tâm từ ⁽¹¹⁵⁾
Độ nhơn, ái chúng chớ từ ⁽¹¹⁶⁾
Góp vào cơm áo, nếu dư giúp người.

Rồi con cứ tươi cười tịnh tọa
Dầu mai kia luân quả ⁽¹¹⁷⁾ chuyển xây
Non sông đổi, mặt trời thay ⁽¹¹⁸⁾
Con nên cứ tịnh, an bài trong tâm.

Đừng xao xuyến đau thềm dạ ngọc
Đừng tiếc gì gấm vóc ⁽¹¹⁹⁾ tạo ra
Giang san dầu có biến qua
Lòng con cứ vững như hoa không tàn.

Nay tất cả trung đàn Cha gọi
Một lời chung tiến tới tịnh nhàn
Gạt đi hết chuyện khổ nài

Cha đây độ dẫn lên hoàn từ linh.⁽¹²⁰⁾

Thôi từ già trẻ minh ⁽¹²¹⁾ Cha trở
Trở về cung ban tỏa diển lành
Độ con nơi cõi trần thành ⁽¹²²⁾
Cho yên bước đạo dốc dành nhơn sanh.

Thăng.

THỔ ĐỊA NAM PHƯƠNG

Tai nạn đã dập dồn tứ phía. Nơi đây chư đệ **còn chút ngày yên ổn, ráng lo bước lên nấc thượng thừa** ⁽¹²³⁾ để ngày sau Thầy cậy nhờ công tế thế.⁽¹²⁴⁾ Địa cho phép xả đàn.*



* Trích MINH ĐỨC KIM NGÔN (bài 11), quyển 131-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo. Gồm mười hai thánh giáo ban truyền tại Chí Thiện Đàn, Khổng Thánh Miếu, Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo (Trà Vinh). Môn sanh Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo chú thích, Ban Tu Thư & Ấn Tổng hiệu đính. Ấn tổng trong quý Bốn năm Canh Tý (2020).

⁽¹¹²⁾ **phép báu đơn Tiên**: Phép quý để luyện đơn của Tiên Gia.

⁽¹¹³⁾ Phép luyện đạo là dùng âm dương (và ngũ hành) sẵn có trong cơ thể để hòa hiệp với khí tiên thiên cõi trời.

⁽¹¹⁴⁾ **rốt ráo**: (Lời phân giải) tới mức hết lý hết lẽ.

⁽¹¹⁵⁾ Dạy cho con hiền hãy có tấm lòng yêu thương rộng khắp.

⁽¹¹⁶⁾ Chớ từ bỏ lòng cứu độ người khác (*độ nhơn* 度人) và yêu thương mọi người (*ái chúng* 愛眾).

⁽¹¹⁷⁾ **luân quả**: Bánh xe quả báo.

⁽¹¹⁸⁾ **mặt trời thay**: Mặc kệ, mặc cho trời đất đổi thay, biến chuyển.

⁽¹¹⁹⁾ **gấm vóc**: Gấm và vóc, hai thứ hàng dệt đẹp và quý; ám chỉ của cải, vàng bạc châu báu, danh vọng đã tạo ra ở trần gian.

⁽¹²⁰⁾ **hoàn từ linh**: Chiếc thuyền từ bi và linh thiêng giúp nhân sinh thoát khỏi sông mê bể khổ, đó chính là Đạo, chánh pháp.

⁽¹²¹⁾ **trẻ minh**: Con trẻ sáng suốt (vì đã biết tu).

⁽¹²²⁾ **trần thành** 塵城: Thành lũy trần gian (vì cõi trần giống như thành lũy vây hãm con người trong bốn thứ khổ là sanh, lão, bệnh, tử).

⁽¹²³⁾ **thượng thừa** 上乘: Bậc tu cao nhất. Bậc này mới mong giải thoát.

⁽¹²⁴⁾ **tế thế** 濟世: Giúp đời.

TÌM HIỂU BÀI *PHẦN HƯƠNG CHÚ* TRONG *ĐẠO LÃO*

LÊ ANH MINH

Phần Hương Chú 焚香咒 là bài chú đốt nhang thuộc phần chỉ dẫn cách cầu cơ thỉnh Tiên (*thỉnh Tiên cơ pháp* 請仙算法) ngay đầu sách *Vạn Pháp Quy Tông* 萬法歸宗.

Trong chữ Hán, cầu cơ gọi là *bái loan* 拜鸞, *cơ bút* 箕筆, *giá kê* 架乩, *giáng bút* 降筆, *huy loan* 揮鸞, *phi loan* 飛鸞, *phù cơ* 扶箕, *phù kê* 扶乩, *phù loan* 扶鸞, *thỉnh tiên* 請仙.

Phù 扶 là trợ giúp, nương vào, tựa vào, ta quen đọc là *phò*.

Vạn Pháp Quy Tông là một tác phẩm của Đạo Giáo, bao gồm các nghi thức cúng tế, cầu cơ, bùa chú, pháp thuật, v.v... do đạo sĩ Lý Thuần Phong 李淳風 (602-670) biên soạn.

Lý Thuần Phong người huyện Ung 雍 thuộc Kỳ Châu 岐州 (nay là huyện Phụng Tường 鳳翔, tỉnh Thiểm Tây 陝西). Ông sống đầu đời Đường, tinh thông toán học, thiên văn, dịch học, phong thủy, lịch pháp. Năm 619 ông được tiến cử làm tham quân cho Đường Cao Tổ (tức Lý Uyên). Năm 627 ông làm thượng thư dưới triều Đường Thái Tông (tức Lý Thế Dân).

Những câu trong bài *Phần Hương Chú* được chép rải rác trên internet, bị tam sao thất bản, không đáng tin cậy; nhưng có thể tin cậy vào các bản *Vạn Pháp Quy Tông* quét ảnh từ sách in xưa đang phổ biến trên internet. Hiện nay ta có thể tải xuống các bản *Vạn Pháp Quy Tông* (pdf) cổ xưa, hoặc khắc

gỗ (mộc bản) hoặc in đá (thạch ấn), như sau: a/ *Bí Truyền Vạn Pháp*

Quy Tông 秘傳萬法歸宗;

b/ *Tăng Định Bí Truyền Vạn Pháp*

Quy Tông 增訂秘傳萬法歸宗;

c/ *Tăng Bổ Bí Truyền Vạn Pháp*

Quy Tông 增補秘傳萬法歸宗, in

lại năm Quang Tự 光緒 18 (tức

1892, Nhâm Thìn), đời Thanh, Lý

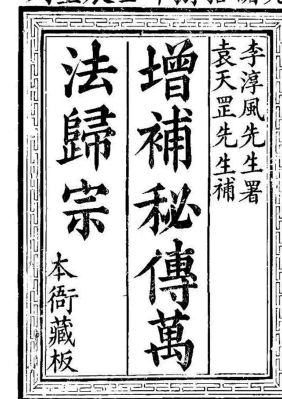
Thuần Phong biên soạn, Viên

Thiên Cương 袁天罡 (573-645)

tăng bổ (ảnh bìa bên cạnh);

d/ *Tân Khắc Vạn Pháp Quy Tông* 新刻萬法歸宗, v.v...

光緒拾捌年壬辰重刊



Căn cứ các bản *Vạn Pháp Quy Tông* (pdf) này và *Bài Niệm Hương* trong đạo Cao Đài (gốc từ Minh Lý Đạo),^(*) ta có thể đối chiếu để hiểu rõ thêm ý nghĩa. *Bài Niệm Hương* của Minh Lý Đạo do Đức Nam Cực Chương Giáo giảng cơ ban cho.

焚香咒	PHẦN HƯƠNG CHÚ
道由心合	Đạo do tâm hợp (1)
心假香傳	Tâm giả hương truyền (2)
香焚玉爐	Hương phần ngọc lô (3)
心注仙願	Tâm chú Tiên nguyện (4)
真靈下降	Chân linh hạ giáng (5)
仙珮臨軒	Tiên bội lâm hiên (6)
今臣關告	Kim thần quan cáo (7)

(*) Xem: Huệ Khải, *Bài Niệm Hương*, in trong *Đạo Uyển Tập Hạ 2018* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức), tr. 84-101.

逕達九天	Kính đạt cửu thiên (8)
所啓所願	Sở khải sở nguyện (9)
咸賜如言	Hàm tứ như ngôn.(10)

CHÚ THÍCH

(1) **Hợp** 合: Hiệp lại. **Tâm** 心 ở đây hiểu là tâm các tín đồ, đức tin, “lòng thành tín”. **Đạo do tâm hợp** 道由心合: Đạo dựa trên lòng thành tín (hay đức tin) của tín đồ hợp lại. *Bài Niệm Hương*: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp.”

(2) **Giả** 假: Nghĩa trong bài là “mượn, nương theo”. Thí dụ: *hồ giả hổ uy* 狐假虎威 (cáo mượn oai hùm). **Tâm giả hương truyền** 心假香傳: Lòng mượn (nương theo) nhang truyền đi. *Bài Niệm Hương*: “Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.”

(3) **Ngọc lô** 玉爐: Lư ngọc. **Phản** 焚: Đốt. Thí dụ: *phần thư khanh Nho* 焚書坑儒 (đốt sách và chôn Nho sĩ). **Hương phần ngọc lô** 香焚玉爐: Nhang đốt trong lư ngọc. *Bài Niệm Hương*: “Mùi hương lư ngọc bay xa.”

(4) **Chú** 注: Tập trung tâm ý vào, chăm vào. **Tâm chú tiên nguyện** 心注仙願: Lòng thành chuyên chú vào sự cầu nguyện Tiên gia. *Bài Niệm Hương*: “Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng.”

(5) **Chân linh** 真靈: Thiêng liêng, thần tiên. **Chân linh hạ giá** 真靈下降: Thiêng liêng giá xuống [đàn cơ]. *Bài Niệm Hương*: “Xin thần thánh ruổi giông cưỡi hạc.”

(6) **Bội** 珮 (佩): Mang, đeo; trang sức. Thí dụ: *ngọc bội* 玉佩 đồ trang sức bằng ngọc đeo trên thắt lưng. **Lâm** 臨: Tới,

đến. **Hiên** 軒: Cái xe uốn hình cong, hai bên che màn, các loại xe nói chung. Xe Thần Tiên do chim loan kéo (*loan xa*), vì thế gọi cầu cơ là *phù (phò) loan, phi loan*. **Tiên bội lâm hiên** 仙珮臨軒: Tiên mang trang sức và đi xe loan xuống trần. *Bài Niệm Hương*: “Xuống phàm trần vội gác xe tiên.”

(7) **Kim** 今: Ngày nay, hôm nay. **Thần** 臣: Tôi, chúng tôi (tiếng khiêm cung). **Quan cáo** 關告: Quan tâm kính báo. **Kim thần quan cáo** 今臣關告: Ngày nay chúng tôi quan tâm kính báo. *Bài Niệm Hương*: “Ngày nay đệ tử khẩn nguyện.” (**Khẩn nguyện**: khẩn nguyện, lời cầu xin thành khẩn.)

(8) **Kính** 逕: Thẳng, trực tiếp. **Đạt** 達: Đạt tới. **Cửu thiên** 九天: Chín tầng trời. **Kính đạt cửu thiên** 逕達九天: [Lời khẩn nguyện] thẳng tới chín tầng trời. *Bài Niệm Hương*: “Chín tầng trời đất thông truyền chứng tri.”

(9) **Khải** 啓: Mở ra, bày tỏ. **Sở** 所: Hợp với động từ thành danh từ: “cái mà, điều mà”. **Sở khải** 所啓: Điều mà tôi bày tỏ. **Sở nguyện** 所願: Điều mà tôi cầu nguyện. *Bài Niệm Hương*: “Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo.” (**Đảo cáo** 禱告: Cầu nguyện.)

(10) **Hàm** 咸: Tất cả, khắp, hết thảy. **Tứ** 賜: Ban tặng, ban ân, ban phước. **Như ngôn** 如言: Như đã nói. **Hàm tứ như ngôn** 咸賜如言: Ban phước hết thảy như đã nói. *Bài Niệm Hương*: “Nhờ Ơn Trên bố báo phước lành.” (**Bố báo / báo bổ**: Trả lại, đền lại, ban cho.)

LÊ ANH MINH
Bà Chiếu, 28-7-2020



VỀ BÀI KỆ KHAI KINH

LÊ ANH MINH

Kệ 偈 là bài tụng 頌 (*hymn, chant, song, verse*) có vần điệu, đọc ngân nga. Thuật ngữ này gốc tiếng Phạn (*Sanskrit*) là *gāthā* mà các nhà Phật học phiên âm Hán là 伽陀 *cà đà*, 伽他 *cà tha*, 偈陀 *kệ đà*, 偈佗 *kệ đà*, gọi tắt là *kệ*; hoặc ghép âm Phạn với nghĩa Hán là 偈句 *kệ cú*, 偈言 *kệ ngôn*, 偈語 *kệ ngữ*, 偈頌 *kệ tụng*, 偈文 *kệ văn*.

Đọc giai thoại về các danh tăng, ta thường thấy các ngài nói: “Nghe kệ ta đây!” Tức là kệ có thể do cá nhân nói. Ngoài ra, kệ là một phần của kinh điển, thường gồm bốn câu (*tứ cú kệ* 四句偈), mỗi câu có thể gồm bốn, năm, hay bảy chữ.

Thí dụ bài kệ nổi tiếng của ngài Huệ Năng (638-713) chép trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* (*Hành Do phẩm đệ nhất*), gồm bốn câu, mỗi câu năm chữ:

Bồ đề bản vô thụ	菩提本無樹
Minh kính diệc phi đài	明鏡亦非臺
Bản lai vô nhất vật	本來無一物
Hà xứ nhạ trần ai?	何處惹塵埃

(Bồ đề chẳng phải cây / Gương sáng chẳng phải đài / Xưa nay không một vật / Chỗ nào vướng trần ai?)

Hay bài kệ nổi tiếng trong *Kim Cương Kinh*, gồm bốn câu, mỗi câu năm chữ:

Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán.

一切有爲法
如夢幻泡影
如露亦如電
應作如是觀

(Tất cả pháp hữu vi / Như mộng, ảo, bọt, ảnh / Như sương cũng như chớp / Nên quán xét như thế.)

Bài kệ mở đầu các kinh Phật Hán tạng (Nhị Kỳ Phổ Độ) gồm bốn câu, mỗi câu bảy chữ:

Khai Kinh Kệ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thực nghĩa.

開經偈
無上甚深微妙法
百千萬劫難遭遇
我今見聞得受持
願解如來真實義

Chú thích

Câu 1: Vô thượng: Tối cao, không có gì ở trên nữa. **Thậm thâm:** Rất sâu, sâu thẳm. **Vi diệu:** Tế vi (nhỏ nhất, tinh tế) và huyền diệu. **Pháp:** Phật pháp. **Câu 1:** Phật pháp vi diệu, sâu thẳm, tối cao.

Câu 2: Bách (bá): Trăm. **Thiên:** Ngàn. **Vạn:** Muôn, mười ngàn. **Bách thiên vạn:** 1.000.000.000 (một tỷ), nhưng đây là số tượng trưng, ý nói nhiều lắm không kể xiết (*countless*), vô số. **Kiếp:** 1/ Nghĩa thông thường là kiếp người (*human life*), như nói: tiền kiếp (*former life*), kiếp này (*this life*), kiếp sau (*afterlife*). 2/ Kiếp gốc tiếng Phạn là *kalpa*, được chuyển âm Hán là 劫波 (*kiếp ba*), 劫簸 (*kiếp bá*), 劫跛 (*kiếp bả*), nói tắt là 劫 (*kiếp*). Kiếp là một khoảng thời gian rất dài (*aeon*) của vũ trụ. Từ lúc hình thành cho đến tái tạo, vũ trụ trải qua bốn đại

kiếp 大劫 (*mahākalpa*): thành kiếp 成劫 (*vivarta kalpa*), trụ kiếp 住劫 (*vivarta-siddha kalpa*), hoại kiếp 壞劫 (*saṃvarta kalpa*), không kiếp 空劫 (*diệt kiếp 滅劫: saṃvarta-siddha kalpa*). Một đại kiếp chia ra hai mươi tiểu kiếp 小劫 (*antara-kalpa*). Theo *Từ điển Phật học* của William Edward Soothill, một tiểu kiếp dài 16.800.000 năm; một kiếp dài 336.000.000 năm; và một đại kiếp dài 1.334.000.000 năm. Tóm lại, dù hiểu kiếp người hay kiếp vũ trụ, thì *bá thiên vạn kiếp* là một thời gian vô cùng lâu dài. **Nan:** Khó. **Tao ngộ:** Gặp. **Câu 2:** Dù con người trải qua vô số kiếp cũng khó gặp [pháp Phật].

Câu 3: Ngã: Tôi. **Kim:** Ngày nay. **Kiến:** Thấy. **Văn:** Nghe. **Đắc thọ trì:** Được nhận lãnh và giữ lấy. **Câu 3:** Ngày nay tôi thấy, nghe, và được thọ trì [Phật pháp].

Câu 4: Nguyện: Mong muốn. **Giải:** Hiểu rõ (liễu giải 了解). **Như Lai:** Dịch từ tiếng Phạn là *Tathāgata*, một trong mười danh hiệu của Đức Phật Thích Ca. *Kim Cương Kinh* có câu: “*Vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai.*” 無所從來, 亦無所去, 故名如來. (Chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, nên gọi là Như Lai.) **Chân thực nghĩa:** Ý nghĩa chân thật. **Câu 4:** Tôi nguyện hiểu rõ ý nghĩa chân thật lời Phật dạy.

Cụ Đoàn Trung Còn (Thích Hồng Tại, 1908-1988) dịch:

Bài Kệ Khai Kinh

Pháp mầu của Phật sâu thẳm và cao diệu không chi sánh bằng,

Cho đến trăm ngàn muôn kiếp cũng khó mà gặp được;

Nay tôi thấy, nghe, và được thọ trì,

Nguyện rõ nghĩa chơn thật của Đức Như Lai.

Ngài D.T. Suzuki (Linh Mộc Đại Chuyết 鈴木大拙, 1870-1966) dịch:

Gatha on Opening the Sutra

*The Dharma incomparably profound and exquisite
Is rarely met with, even in hundreds of thousands of
millions of kalpas;*

*We are now permitted to see it, to listen to it, to accept and
hold it;*

*May we truly understand the meaning of the Tathagata's
words!*

(Phật pháp thâm sâu vô đối và tinh tế

Hiếm khi được gặp, dù trải hàng trăm hàng ngàn hàng triệu kiếp;

Chúng ta nay được gặp, nghe, nhận giữ,

Nguyện xin hiểu rõ ý nghĩa lời nói của Như Lai.)

Bài Kệ Khai Kinh của Phật Giáo được dùng trong *Di Lạc Chơn Kinh* của đạo Cao Đài với chút sửa đổi ở câu 3 (*kiến văn* → *thính văn*) và câu 4 (*Như Lai* → *tân kinh*).

Như vậy, trong hai câu “*Ngã kim thính văn đắc thọ trì / Nguyện giải tân kinh chơn thiệt nghĩa*”, hai từ gạch dưới có nghĩa:

Thính 聽: (Chú ý) lắng nghe (*listen*). **Văn** 聞: Nghe được, nghe ra, nghe thấy (*hear*). Chẳng hạn, ngồi làm việc trong nhà, dù không chú ý lắng tai nghe (*thính / listen*), chúng ta vẫn nghe được (*văn / hear*) tiếng xe cộ ngoài phố, v.v...

1. Khi đọc lại lời Phật thuyết, Ngài A Nan (*Ānanda*, thế kỷ 5-4 trước Công Nguyên) mở đầu mỗi quyển kinh bằng cách

xác định: “*Evaṃ mayā śrūtaṃ*.” Các bản chữ Hán dịch là: *Như thị ngã văn*. 如是我聞. (Tôi đã nghe được như vậy: *So I have heard / Thus I have heard*.)

2. *Đạo Đức Kinh* (chương 14): “*Thính chi bất văn*.” 聽之不聞. James Legge (1815-1897) dịch: *We listen to it, and we do not hear it*. (Chúng ta lắng nghe, mà không nghe được.)

Dùng như từ ghép (*compound*), **thính văn** 聽聞 có nghĩa là lắng nghe được với sự chú ý, chú tâm (*listening; hearing what somebody says*).

Tân kinh 新經: Kinh mới (*new sutras*), là các kinh của đạo Cao Đài (thuộc Tam Kỳ Phổ Độ), phân biệt với kinh cũ (*cựu kinh* 舊經: *old sutras*) là những kinh của các tôn giáo thuộc Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ.

LÊ ANH MINH
Bà Chiếu, 28-7-2020

ĐỢI

Đêm dài cỏ thức đợi xanh
Hạt sương vắt vẻo trên nhành đợi tan
Trăng rơi đáy nước đợi vàng
Bờ dương thấp thỏm hai hàng đợi reo

Câu thơ chong mắt đợi Kiều
Vàng mây vít ngọn gió chiều đợi bay
Tháng năm xoa tóc đợi ngày
Tôi giờ tịch mịch đợi say hương thiền.

HUỲNH VĂN MƯỜI



**NÀY
LÀ
NGƯỜI**

THÁI HOÀNG TÚ
(mười sáu tuổi)

Vì chúng ta Người đã đến
Trong máng cỏ, giữa đêm đông
Trên bầu trời ngàn sao sáng
Tiếng khải ca vọng cánh đồng.

Vinh diệu thay cho nhân loại
Ơn cứu chuộc bởi yêu sinh
Rời Thiên Đàng, Người tình nguyện
Đến trần gian chịu khổ hình.

Ai bác ái và thánh thiện
Đem chân lý, dạy vị tha
Ai khiêm nhường, lòng cao cả
Phép thiêng liêng cứu vạn nhà.

Kìa bóng ai trên đồi Sọ
Mang thập tự, nhỏ máu tươi
Đã gánh gồng bao tội lỗi
Thay cho ai, chính là Người.

Từ cõi chết Người bất tử
Thắp đèn soi giữa bão đông
Dẫn đường đi và lẽ thật
Để đàn chiên hưởng phước hồng.

Này là Người, hỡi bạn ơi
Hiển cho ta cả cuộc đời
Là tình thương và sự sống
Vĩnh cửu và ở mọi nơi.

Cần Giuộc, 06-3-2020

GUƠNG HÀNH ĐẠO CỦA GIÁO HỮU THƯỢNG CHỮ THANH

SỬ KIẾN NGUYÊN *suu tầm*

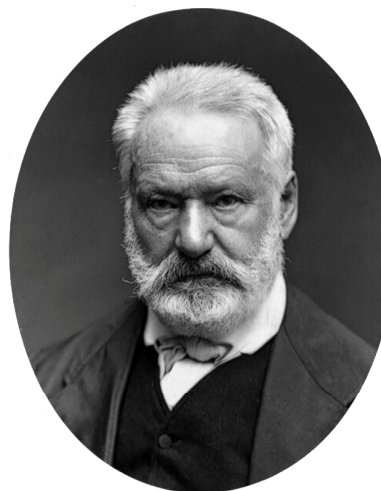
Trước khi Giáo Hữu Thượng Chữ Thanh ⁽¹⁾ lãnh lĩnh đi mở Đạo nơi Ai Lao tức nước Lào, Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ⁽²⁾ giảng cơ cho ông một bài thi:

Vùng Thiên mạng đến nơi đất lạ
Nơi Ai Lao trời gót quan hà
Làm trai bốn biển là nhà
Nên dân ích nước mới là trượng phu.

Chí Tôn mở đường tu thêm mới
Vệ non sông mới tới Bồng Lai
Trương ngời Thánh Nhân Cao Đài
Xem toàn thể giới các loài chúng sanh.

⁽¹⁾ Thế danh Đặng Trung Chữ, đạo hiệu Ngạn Sơn, sau thăng Phối Sư cầm quyền Thượng Chánh Phối Sư, quy vị năm 1947 tại Chợ Lớn.

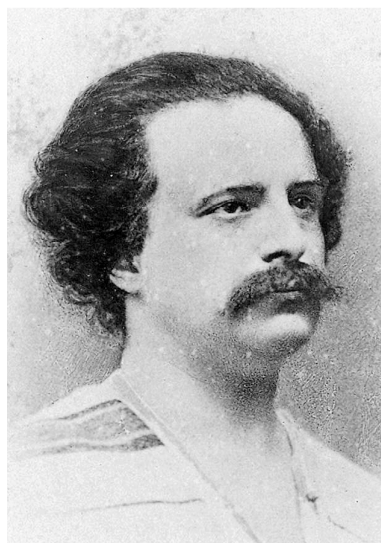
⁽²⁾ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tiền kiếp là văn hào Victor Hugo (1802-1885, Pháp). Hugo và vợ là Adèle Foucher (1803-1868) có năm người con. Con trai thứ hai là Charles-Victor Hugo (1826-1871) làm ký giả, nhiếp ảnh. Con trai thứ tư là François-Victor Hugo (1828-1873), dịch các tác phẩm của văn hào William Shakespeare (1564-1616, Anh) sang tiếng Pháp, in thành mười tám quyển (từ 1859 đến 1866). Theo cơ bút do Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh thông công, ông Chữ kiếp trước là Charles-Victor Hugo; và ông Trần Quang Vinh (1897-1975), đạo hiệu Hiến Trung, tức Phối Sư Thượng Vinh Thanh, kiếp trước là François-Victor Hugo.



Victor Hugo



Adèle Foucher Hugo



Charles-Victor Hugo



François-Victor Hugo

Nơi Ngọc Hư Chí Linh sẵn định
Cả nguyên nhân phải tính quy nguyên
Thiên cơ trước đã để tên
Cái công cứu thế Ơn Trên sẵn dành.

Con ⁽³⁾ đã đứng vào tranh Tiên phẩm
Khá trau thân đừng lấm bụi hồng
Xưa quan với vẻ đại cân
Nay quan với mảnh Tô Tần vinh thân.

Thuyền bát nhã dòng ngân vịnh bãi
Dựa bến mê chớ mãi tội tình
Con nên trọng lấy quần sanh
Đem thân thánh đức che lòng Ai Lao.

Con đã có chí cao bao lớn
Buông lợi danh nắm phước tiêu điều
Kìa khổ cảnh, nọ phạm phiêu
Trai duyên vì vợ con nhiều tội căn.

Con nên biết gánh oằn hơn đạo
Con thảo thân ai tảo ai tần
Chưa an lấy phận hơn luân
Thầy khuyên lời dạy ân cần đôi câu.

Khá khuyên lấp mạch sầu đôi lúc
Lập nên thân đặng phục lòng người
Nay đi còn chút hổ người
Sau về con đặng vào ngồi đài mây.

Phải nhớ lấy ơn Thầy nghĩa bạn
Để trông gương cho sáng Đạo nhà
Nước non chẳng quản đường xa
Thầy theo từng bước gọi là về con.

Con phải chịu thon von khổ hạnh
Nổi cút côi khó lánh cường quyền
Tập mình nhịn nhục cho quen
Trải gan sắt đá cho bền nên công.

Nước Lào vốn là nơi du khách
Màu Trung Huê chưa sạch nơi tâm
Vì mê tín, thích thần phong
Thờ ma kính quỷ khó mong cải tà.

Con nên để đạo tà chiêm ngưỡng
Vì cung trung tư tưởng nhà Nam
Con đem thánh đức thử phạm.

Ông Chử là một người con chí hiếu, sống ở Nam Vang (Cam Bốt, tức Campuchia); tuy hành đạo mặc dầu, nhưng việc dưỡng nuôi mẹ không hề xao lãng. Khi có lệnh Ơn Trên sai ông đi hành đạo bên Ai Lao, Hội Thánh phải cất người chăm sóc mẹ ông, để ông an lòng ra đi mở Đạo.

Lúc ấy hoàn cảnh gia đình nghèo, lệnh trên xuống ông phải tuân. Khi lên đường, chỉ một chiếc xe đạp và một gói hành lý đơn giản; ông gói gọn rồi cột vào xe; một thân một bóng, đạp xe trong gió sương, dầm trong mưa nắng. Ông cố gắng lấy hết sức để vượt qua chặng đường mà lòng vẫn biết còn bao nỗi gian truân sẵn chờ phía trước. Trên đường sang Ai Lao, một đức tin vững mạnh nơi Đức Chí Tôn, và các Đấng thiêng liêng, một hy vọng tràn trề là làm tròn sứ mạng để một ngày

⁽³⁾ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (một trong ba vị Thánh ở Bạch Vân Động) là sư phụ của ông Chử trong Kỳ Ba nên Ngài xưng là *Thầy*, gọi ông Chử là *con*.

kia dâng thành quả về cho Hội Thánh. Đó là tâm huyết của ông.

Đến biên giới, ông xuống tàu. Tàu cập bến nước Ai Lao. Mọi người lần lượt lên bờ. Đội kiểm soát đã chực sẵn để kiểm soát. Ông Chữ biết mình chẳng có miếng giấy lộn lưng, nên ẩn núp lại. Tàu có hai tầng, ông cố gắng lắm mới đẩy được xe đạp qua một xó của tầng dưới rồi núp theo xe đạp. Bọn lính kiểm soát người xong, đến kiểm soát tàu. Quyền Thiêng Liêng khiến sao mà lính chỉ coi sơ sơ rồi bỏ đi. Chờ cho bọn lính và người ta đi hết, nghe không còn ồn ào nữa, ông thông thả dẫn xe lên rồi ra khỏi tàu, thản nhiên đi như mọi công dân Lào khác.

Giờ đây xứ lạ quê người, ngôn ngữ bất đồng. Ông ngơ ngác không biết đi đâu, ở đâu. Vừa dẫn xe đi vừa nghĩ đủ thứ trong đầu. Không chạy xe, vì có biết đường đâu mà chạy. Ông chợt nhớ lại một đàn cơ dạy ông rằng trước khi mở Đạo, ông phải trị bệnh cho một người đàn bà điên. Vừa đi vừa mong mỗi cơ hội ấy. Nếu gặp bà đàn bà điên là cơ hội đến vậy, tư tưởng nghĩ như thế.

Rồi chẳng thấy gì, mà trời về đêm, ông tấp vô một mái hiên nhà của một quán cà phê co mình ngủ thiếp đi vì mệt.

Cả tháng nơi đất Lào, ông ăn cơm tiệm rồi ngủ bên mái hiên quán cà phê. Chủ quán để ý, thấy ông này không tệ lắm sao lại ngủ như vậy.

Một là vì thương người, hai là để dò xét, nên không đuổi. Người chủ quán là một người Tàu biết tiếng Việt.

Một hôm, người chủ quán hỏi ông (bằng tiếng Việt):

– Ông ở Việt Nam qua đây phải không?

Ông đáp:

– Phải.

– Qua đây để làm gì?

– Để truyền Đạo.

Chủ quán nghe nói ngẩn người nhìn ông, hồi lâu nói:

– Nghe nói người tu hành thường giải được bệnh căn, vậy chớ ông có trị bệnh được không?

Ông đáp nhanh:

– Được chứ.

– Vậy ông theo tôi.

Thế rồi chủ quán đóng cửa quán, dẫn ông về nhà. Trong nhà có một cái cũi, nhốt một người điên.

Chủ quán chỉ ngay vào cũi nói:

– Người này.

Rồi nhờ ông Chữ giúp trị bệnh, còn ông ta trở lại quán.

Ở nhà lúc này vắng vẻ, không người, mà ông cũng nghĩ là lạ, sao chủ quán không ở lại xem mình trị bệnh ra sao, mà lại tin rồi giao cả nhà lẫn người không ngăn ngại.

Thôi kệ! Ông mon men tới gần để hỏi chuyện người trong cũi, rõ là một bà điên. Chưa được một phút, thì một người đàn bà khác từ đâu về xưng là mẹ của người trong cũi, rồi sinh ngờ vực chửi bới, mắng nhiếc, lấy chổi đánh ông. Thấy không thể mình oan được trong cơn phẫn nộ của bà ta, ông

chạy nhanh ra cửa thoát thân, rồi bỏ chỗ ấy đi nơi khác ngụ.

Qua cơn khủng hoảng, ông bình tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng hộ trì cho ông sớm gặp được cơ duyên để hoàn thành sứ mạng mở Đạo.

Một hôm, ông gặp một người bạn làm thông phán. Hai người mừng rỡ hỏi thăm nhau. Ông thật tình kể rõ chuyện của ông cho người bạn biết. Người bạn nói:

– Thôi được, anh về nhà tôi nghỉ ngơi trước đã, còn việc làm thì tính sau.

Nhà bạn ông có một người bệnh, là một người đàn bà. Ông Chữ hỏi:

– Ai bệnh vậy?

– Vợ tôi. Bà ấy bệnh điên, đã trị nhiều rồi mà không hết.

– Quả thật bệnh điên thì tôi trị giúp cho.

Ông thông phán ngạc nhiên hỏi lại:

– Anh trị được hả?

– Thật mà.

Ông thông phán mừng rỡ:

– Vậy thì anh giúp giùm tôi; chớ tôi thì đã hết đường rồi.

– Anh sắm bông hoa, đèn nhang, trà rượu để tôi cúng.

Ông mở gói hành trang, trong ~~chỉ~~ có một thánh tượng Thiên Nhân và một bộ Thiên phục. Thánh tượng Thiên Nhân được đặt trên bàn cao giữa nhà. Ông đem bông hoa, trà, rượu, nhang đèn sắp đặt theo nghi thức Đạo. Ông mặc Thiên

phục, bái lễ Đức Chí Tôn, cầu nguyện, trình bày việc làm, xin giải bệnh cho . . . (Ông đọc tên người bệnh). Ông hành pháp xong, lấy rượu cho bệnh nhân uống, lấy bông nhúng nước âm dương rảy trên đầu người bệnh. Bệnh nhân hết bệnh lạ thường, tỉnh táo y như hồi còn mạnh khỏe.

Ông thông phán không thể nói gì khác hơn là chân thành cảm ơn rồi rút, nổi vui mừng đến không cầm được nước mắt. Ông trọng đãi ông Chữ như một khách quý.

Rồi một hôm ông thông phán dẫn một người bạn Lào về nhà chơi. Trong lúc chuyện trò, ông huyên thuyên ca ngợi việc làm của ông Chữ. Người bạn Lào nhìn vào thấy thánh tượng Thiên Nhân vẫn còn trên bàn thì vừa mừng vừa sợ, nói với ông thông phán là hồi hôm ông nằm mơ thấy Thần mách bảo phải thờ Trời và nhập môn theo Đạo có thờ hình này, y như vậy.

Ông người Lào hỏi (ông thông phán dịch lại cuộc đối thoại):

– Tôi theo Đạo được không?

Ông Chữ mừng quá nói liền:

– Được! Được chứ!

Ngay ngày đó nơi nhà ông thông phán làm lễ thượng thánh tượng. Cả nhà ông thông phán đồng thuận nhập môn một lượt cùng với ông bạn Lào.

Ông người Lào là quan chức địa phương, nên việc ông nhập môn Cao Đài làm cho dân trong vùng cũng noi gương theo Đạo và kiếm đất để tạo dựng nơi thờ phượng. Đất có, ông Chữ liền cất ngôi thánh thất lợp bằng cây lá.



Giáo Hữu Thượng Chử Thanh (X) và bốn đạo trước thánh thất Vientiane, Lào. Ảnh trên *Phụ Nữ Tân Văn*, số 199, 11-5-1933. Chụp lại từ kho lưu trữ của Thư Viện Quốc Gia Việt Nam (Hà Nội).

Ông có chụp một bức ảnh kỷ niệm trước thánh thất cùng với một số đồng đạo hữu, đem về trình lên Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung, 1876-1934) kèm theo phúc trình về chuyến đi Lào cùng với sổ bộ thánh thất, danh sách Bàn Trị Sự và tín đồ.

Sau khi về nước, ông Đặng Trung Chử có chân trong phái đoàn đi truyền Đạo ở Bắc Hà. Lúc ấy bộ Thiên phục của ông đã bạc màu, vá vúi nhiều chỗ.

SỬ KIẾN NGUYÊN *sưu tầm*

GỐC ẢNH LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

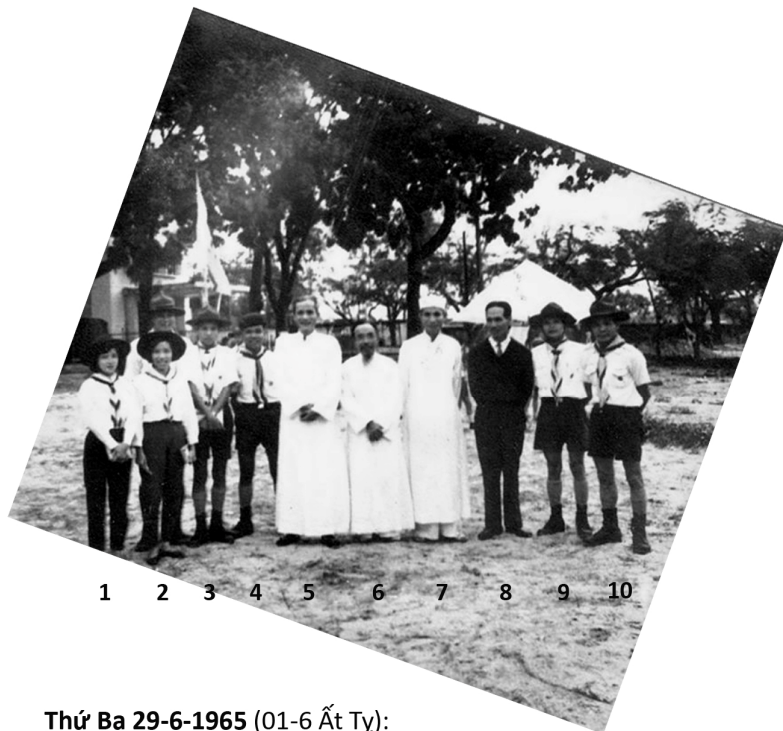
Đạo Uyển Thu 2020 (tập 35) đã đăng hồi ức *NHỮNG NĂM THÁNG Ở SÀI GÒN* của Giáo Hữu Thượng Công Thanh (tr. 74-80). Trong đó có nhắc tới **Trại liên giao thanh niên Cao Đài**, tổ chức ở thánh thất Bình Hòa, tỉnh Gia Định (sinh hoạt hai ngày và một đêm), quy tụ khoảng hai trăm trại sinh thuộc các hội đoàn, Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn, Thanh Niên Văn Phòng Đại Đạo, Thanh Thiếu Niên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, Thanh Niên Minh Lý Thánh Hội, và thanh niên các thánh sở trong thành phố như: Liên Hoa Cửu Cung, thánh thất Bàu Sen, thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc. Trại trưởng là Đỗ Phú Công (Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn). *Xem ảnh 3.*

Lại còn có **Trại họp mặt toàn quốc**, mang tên “Trại Đồng Tiến”, đóng ở phía sau thành phố Vũng Tàu (1970). Thời gian dài một tuần lễ, bao gồm các hội đoàn và đại diện bốn mươi hai tỉnh thành. *Xem ảnh 4.*

Ngoài hai ảnh lịch sử quý trên đây, Thượng Giáo Hữu Đỗ Phú Công còn gửi tặng Đạo Uyển ba tấm ảnh xưa, ghi lại mấy nét sinh hoạt của lớp trẻ Cao Đài một thuở. Ngày nay, các thanh niên ấy đang là chức sắc cao niên phụng đạo trong Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Xin trân trọng cảm ơn **Giáo Hữu Thượng Công Thanh** đã gìn giữ và gửi tặng Đạo Uyển năm tấm ảnh đính kèm theo đây. Cũng cảm ơn hiền muội **Đỗ Mỹ Linh** đã giúp ghi chú tỉ mỉ cho năm ảnh này.

Ban Tu Thư & Ấn Tổng



Thứ Ba 29-6-1965 (01-6 Ất Tỵ):

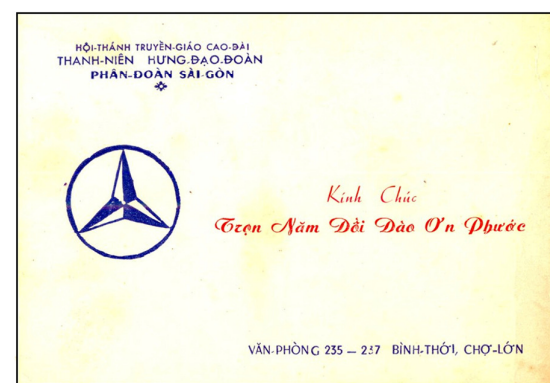
Kỷ niệm một năm ngày thành lập Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn
(Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). *Từ trái sang:*

- 1/** Chị Dung (Ủy Viên Tài Chính của Phân Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo Đà Nẵng). **2/** Chị Diệu Liên (Ủy Viên Tài Chính của Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo). **3/** Anh Lương Tiến Toàn. **4/** Anh Trần Phan.
- 5/** Anh Lớn Thanh Long. **6/** Anh Lớn Phối Sư Ngọc Tín Thanh.
- 7/** Giáo Hữu Ngọc Dinh Thanh. **8/** Anh Lê Hoàng (Phân Đoàn Trưởng Phân Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo Đà Nẵng). **9/** Anh Hà Minh Đức (Tổng Ủy Viên của Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo).
- 10/** Anh Trương Công Bán (Tổng Ủy Viên Xã Hội Phước Thiện, Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo)

*Ảnh chụp ở phía sau Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
Thượng Giáo Hữu Đỗ Phú Công (thánh thất Trung Hiền) gửi tặng.*



Từ trái sang: Anh Lớn Phối Sư Ngọc Tín Thanh, anh Đỗ Phú Công, Ngọc Giáo Hữu Ngô Chánh Duy, và bốn vị thành viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Phái đoàn cứu trợ lũ lụt miền Trung (năm ?). Ảnh chụp trước thánh thất Trung Minh.



Một thiệp xuân (1968-1970?) của Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn Phân Đoàn Sài Gòn (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài). Khổ 14x9,5cm.



1970: Đỗ Phú Công (X) trong đêm văn nghệ của Trại Họa Bạn Các Hội Thánh Cao Đài, do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (Sài Gòn) tổ chức tại thánh thất Bình Hòa (tỉnh Gia Định).



Trại Đồng Tiến ở Bãi Sau Vũng Tàu (1970):
T.T. Nguyễn Văn Thiệu hỏi chuyện trại trưởng Đỗ Phú Công (X).

THƯƠNG VỀ THANH HÓA

ĐỖ THỊ KẾT

Đã hơn hai mươi sáu năm từ khi Đạo Trời xuất hiện tại xứ Thanh, vùng địa linh nhân kiệt: tháng 4 Giáp Tuất (1994) – tháng 4 nhuận Canh Tý (2020). Và đã hơn mười một năm từ ngày cơ sở đạo Thanh Hóa được thành lập: 15-3 Kỷ Sửu (2009) – 23-4 nhuận Canh Tý (2020). Ấn tượng trong tôi là sự huyền vi mầu nhiệm thiêng liêng, là giấc mơ được khai mở, tiếp nhận mối Đạo Trời từ những vị tiền bối: Nguyễn Hữu Văn, Lê Hợi; từ những người tiếp bước đầu tiên như: chị Quy, chị Tuyết, chị Ngà, anh Tư, chị Báu, chị Nguyên, v.v... Bao vị đã về châu Thượng Phụ, bao vị còn đây, bên Thầy, bên bạn, rồi bao người kế gót tiền nhân tầm tu nhập Đạo, tưởng tin một dạ một lòng, bao người đã từng kề vai sát cánh, đã quan tâm đến việc dựng xây mỗi đạo.

Tôi mến mộ những anh chị với giọng đọc thánh giáo, giọng ngâm thơ truyền cảm có sức lay động lòng người. Đúng là những tình cảm ấy đã khắc sâu trong tôi tự bao giờ. Yêu con người, yêu non sông gấm vóc Việt Nam, tự hào về những vị anh hùng dân tộc, tôi đã từng viết về xứ Thanh, nơi sản sinh bao nữ liệt, anh hùng; Nông Cống, Cửu Chân, núi Tùng; Nghi Sơn với Giếng Ngọc; truyền thuyết An Tiêm; hội thề Lũng Nhai, mười năm Lê Lợi, nghĩa quân Lam Sơn nằm gai nếm mật; Tiền Lê, Hậu Lê, nhà Hồ, bao danh nhân huyền tích; mười hai đời Chúa Trịnh, chín đời Chúa Nguyễn... Đúng là nơi phát tích vương triều, nhiều đời vua chúa, nơi có lịch sử diệu kỳ. Vùng đất biểu trưng. Di tích lịch sử xứ Thanh để gì kể hết, thắng cảnh xứ Thanh nơi đâu có thể nhiều hơn.

Và tôi từng nghĩ: Nền Tam Kỳ xuất hiện nơi đây đâu phải ngẫu nhiên, đâu thể thiếu bàn tay Tạo Hóa. Từ khắp nơi, anh chị em về đây tay bắt mặt mừng trong tình yêu thương huynh đệ, con cái một Cha. Tất cả cùng thắp lửa đức tin, hướng về nguồn cội.

Nơi đây không thiếu những người sẵn sàng kề vai gánh Đạo, phụng sự xả thân, đâu không ít những bốn đạo chịu đựng gian nan vất vả, những hạn chế khó khăn. Vẫn có trong tôi bao điều cảm phục những cảnh con cái của Thầy bươn bả đường xa, dốc đèo gập ghềnh, nắng bụi mưa bùn, từ miền núi cao chí miền biển xa, lắm lúc cháy da, lắm khi buốt lạnh, lặn lội đi về để được hành lễ, sinh hoạt.

Bà Đỗ Thị Loan ở tận thôn Pà Cầu, xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân, địa phận giáp Lào, nơi định cư gồm đa số là dân tộc Thái, Mường, đã từng túi vải, nón lá đội nắng đội mưa, khuyú gối, phồng chân với những đoạn đường không phải lúc nào muốn đi xe là xe sẵn có. Đường sá đâu dễ như bây giờ, mà có dễ thì điều kiện đâu để gọi xe máy, bước xe đồ. Lợi bộ cả giờ, đón xe khách, đến điểm dừng rồi lại cả giờ ngược bộ từ điểm dừng tại thành phố Thanh Hóa tới chợ Bôn, vào cơ sở Đạo ở thôn Ngọc Tích, xã Đông Thanh. Bà Loan cũng đã từng vào lập công nhiều đợt tại Hội Thánh (63 Hải Phòng, Đà Nẵng). Bà quy vị ngày mùng 5 tháng 4 năm Canh Tý. Tuần lục cửu đúng vào 28 tháng 4 nhuận năm Canh Tý (2020).

Nhà bà Loan cũng như nhiều nhà nơi đây có ngôi thờ Đấng Chí Tôn với Thiên Nhân gắn lên tường, với kệ thờ thật cao, khi đặt lễ phẩm phải bắc ghế thang một mét mới tới. Tôi đề cập đến chi tiết này bởi đặc điểm giống nhau của nhiều

nhà là thờ ông bà cùng gian chính, hai bên kệ thờ Thầy, chỉ thấp hơn khoảng ba tấc, bên dưới, lại là salon, bàn tiếp khách. Tôi hiểu vì nhiều lý do, điều kiện, trong đó có lý do là không có sự thống nhất của toàn gia đình. Gia đình đó thường chỉ có một người nhập môn. Nếu người này ra đi thì sau các tuần cửu hoặc qua đại tường thì nơi thờ Thầy cũng không còn nữa. Hiện tại, con trai và dâu út (ở với bà) cũng rất tích cực hưởng ứng các tuần cửu, cúng chay. Đang lúc tình hình cơ sở có những trở ngại về nhân sự và địa điểm sinh hoạt nên các thành viên Ban Cai Quản, Ban Trị Sự và bốn đạo phải đến tận nhà để lo cúng tuần.

Đường xa vời vợi, nắng nóng cháy da, đa số là phụ nữ, người già, có nơi phải vượt qua gần hai trăm cây số mới đến chỗ cúng tuần. Làm sao đây? Không thể bỏ rơi bà, mà người dâu, tiền bạc đâu, sức khỏe đâu để đến nhà lo cho trọn vẹn. Lần đầu tiên huy động người đi cúng, thuê xe mười sáu chỗ, phí tổn một triệu tám trăm ngàn đồng. Ít người đi thì thuê xe nhỏ hơn, tiền ít hơn. Vấn đề ở đây là bốn đạo khó khăn, chi phí đâu đáp ứng ít nhất mười hai lần đi như thế. Ấy thế mà, duyên may lại đến, lúc khốn khó, nan giải lại có quý nhân phò trợ. Thương bà, thương nhơn sanh, hiểu được thực trạng này, chị L ở Đà Nẵng ngỏ ý hỗ trợ chi phí thuê xe đi cúng tuần bà Loan với số tiền tám triệu đồng. Mong sao mọi người được khỏe mạnh, an lành để hộ trì giác linh bà Loan cho tròn tình trọn nghĩa.

Vô cùng biết ơn những tấm lòng đã ưu ái, quan tâm đến bốn đạo Thanh Hóa trong bao việc từ trước đến nay và sau nữa.

Ngày 23-4 nhuận năm Canh Tý này cũng là ngày đáng nhớ

của cơ sở Đạo nơi đây. Nhà bà Hường cho mượn cách đây hơn mười một năm, nay phải hoàn trả để con cháu trong gia đình bà tiện bề ăn ở, sinh hoạt.

Điều kiện thực tế của cơ sở đạo Thanh Hóa hiện nay vô vàn khó khăn. Ban Cai Quản nhiệm kỳ mới phần lớn là nữ... Địa điểm sinh hoạt chung tạm thời của bốn đạo cũng không có, nói chi đến ngôi Tam Đài.

Vị trí khu đất cơ sở đạo Thanh Hóa xin giao để làm nơi đặt trụ sở sinh hoạt lễ bái tôn giáo Cao Đài tại thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn “đã không phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn huyện lỵ huyện Đông Sơn... quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Đông Sơn” (theo văn bản trả lời của Phó Chủ tịch thường trực Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thanh Hóa ngày 16 tháng 4 năm 2019). Như vậy có nghĩa là cơ sở đạo Thanh Hóa nên tìm khu đất khác có đủ điều kiện, phù hợp với yêu cầu xây dựng “trụ sở sinh hoạt lễ bái tôn giáo”.

Man mác những nỗi niềm... Hơn hai mươi lăm năm rồi! Bao người đã ra đi khi chưa một lần nghe tiếng trống Lôi Âm vang vọng, tiếng chuông Bạch Ngọc ngân nga tại chốn địa linh này!

Trong vô vàn khó khăn gian khổ, trong chao đảo gập ghềnh, mong sao tất cả cố vượt qua, thể hiện sự vững vàng đức tin, sự bền tâm tu học. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, mong cho tất cả thân hòa dịu dắt nhau, sao cho ý Trời, lòng người hiệp một.

ĐỖ THỊ KẾT

Thanh Hóa 16-6-2020

TUỔI THƠ, MIÊN MAN NỖI NHỚ

SỬ KIẾN NGUYỄN

Nếu có ai hỏi tôi thích làm gì nhất trong đời tu học của mình, tôi sẽ không chần chừ nói ngay: “Làm đồng nhi.” Thiệt, không có làm chức gì mà ngon lành bằng làm đồng nhi.

Tuổi thơ tôi gắn bó với lời kinh tiếng kệ. Tôi thấy anh chị em đồng nhi giống mấy con chim họa mi vậy, có thể ca hát giữa rừng cây bạt ngàn. Giữa Đền Thánh, giữa bao nhiêu người thành kính cúng Đức Chí Tôn, tất cả gần như lắng nghe đồng nhi ngân nga, nhịp nhàng.

Làm đồng nhi có thể nhìn bao quát nội điện nguy nga lộng lẫy và trang nghiêm trong giờ cúng từ vị trí trên lầu Hiệp Thiên Đài, được đi lên từng bậc bao lơn Thanh Đăng cặp vách hông Cửu Trùng Đài để đọc kinh trong chín lần dẫn Cửu,⁽¹⁾ hôm nào có cúng Đại Tường là tiến thẳng vào Bát Quái Đài, được nhìn thật gần những nét từ bi của Thiên Nhân để tối đó về ngủ, mơ ước gặp được cả đôi mắt của Trời.

Đi giáp vòng trên bao lơn Thanh Đăng vẫn chưa phải là cuối cùng cho bước chân đồng nhi. Sau khi đọc kinh dẫn Cửu, tất cả các anh chị em đồng nhi sẽ được đặc cách quỳ ở giữa chánh điện để tụng Di Lạc Chơn Kinh. Đặc cách vì nơi này là vị trí của các vị chức sắc, chức việc.

⁽¹⁾ Mỗi khi cúng Cửu tại Đền Thánh (Tòa Thánh Tây Ninh), đồng nhi sẽ đứng nơi bao lơn Thanh Đăng để đọc kinh. Bao lơn này cũng chia chín bậc như nền Cửu Trùng Đài bên dưới. Qua mỗi tuần cửu sẽ bước lên một bậc; ở Đền Thánh thường gọi là “dẫn Cửu”. Từ Sơ Cửu tới Chung Cửu có chín lần dẫn Cửu.



Ảnh mượn từ FB Nguyễn Kiến Sử

Khi tôi lớn lên, trở thành một tín hữu thì chỉ ngồi ở phía bên; còn các ngày đại lễ thì tôi an tọa ở cội bồ đề hay ngoài hành lang nghe đồng nhi đọc kinh lãnh lót giữa khuya. Có lúc gà gáy, tôi cứ ngỡ tiếng kinh đó từ trời rơi xuống như mưa vậy, thấy mát dịu lòng mình như tuổi thơ tôi.

Ngôi Báo Ân Từ (Đền Thờ Phật Mẫu tạm) uy nghiêm tráng lệ, người thăm viếng tấp nập, nhưng phía sau là Lễ Viện trầm lắng và giản dị vô cùng.

Các cây chổi quét bàn, quét ván đều là vải vụn từ Sở May kết lại. Cây chổi quét lá ngoài sân là râu ria cành nhánh tre, hay chà chôm gom từ những bụi cây dại. Nhánh nào to thì ôm vào bếp làm củi.

Dì Tư hay quét sân bằng chổi lá dừa; nó quét sạch lá

nhưng cũng dễ bén lửa. Sáng nào cúng ở Đền Thờ Phật Mẫu xong, tôi xách nước tưới mấy bụi bông trang và lấy chổi quét lá nhãn rụng để gom đốt. Không nhớ mùa hè đó tôi làm được bao lâu nhưng tôi đã đốt hết mấy cây chổi rồi.

Trên bàn nước phía trước (không có ghế, mà hình như khách toàn leo lên ván ngồi khi được mời) tất nhiên có ly tách và bình trà đủ loại hương. Hôm thì mùi bông vụn thơm phơi khô, hôm bông lái, bông sen... có khi là hoa hướng dương nữa. Nhưng tôi thích nhất là trà hoa huệ (mà nhiều người khác cũng nói vậy). Không biết hồi ấy ai nhặt mấy hoa đó từ bình bông cúng? Ai cắt xắt rồi phơi? Bây giờ còn làm trà như vậy không? Và ai làm? Dĩ nhiên không phải tôi. Trà cúng ở Đền Thờ Phật Mẫu toàn là mùi thanh nhẹ và cao quý, nhưng cúng xong là người ta thỉnh uống hết. Di Tụ ở đó bấy lâu mà cũng không mấy khi được hưởng.

Trở lại trà làm từ bông phơi khô, chẳng biết có ngon không, nhưng kể ngày nào chú Sáu ở bộ Lễ trung ương qua thì chú nốc cạn bình còn kều ít. Nhìn chú như nhịn khát mấy hôm trước khi sang chơi. Nói là chơi vì mấy việc chú làm theo tôi toàn là những trò thú vị. Chú chỉ giùm củi gộc, chú leo thang hái dừa khô... Hình như ở đó mấy dì không ai biết ăn dừa tươi, chờ tới khi quày dừa khô queo thì hái xuống nấu chè cúng. Tôi nghĩ mấy cây dừa ở đó tu một cái vèo là thành Tiên vì nó cố gắng sạch sành sanh rồi.

Chị Hai Nhẫn mỗi khi đốt gáo dừa nấu cơm, thì gom tro dừa pha nước để dành gội tóc. Tôi nghĩ mớ râu bấp trên đầu của tôi mà cũng làm vậy, không chừng nó cũng bóng mượt như vuốt dầu dừa. Chị Hai không mấy khi thả tóc. Chị búi rất gọn và chắc chắn mà không cần dùng trâm hay cái kẹp nào

ghim cả. Trưa vắng chị cũng ngồi chằm nón. Lúc đó chưa biết làm nón, tôi ngồi không nên quơ cái nón quạt cho chị. Chị nói cái nón chưa vuốt keo, tôi mà quạt một hồi là bung chỉ, rách lá hết. Chị nghĩ chắc tôi thấy nóng bức nên lấy lược ra chải cho, rồi búi tóc tôi thành hai củ tỏi, ai nhìn cũng cười.

Có lần chú Sáu vô chơi, chú cũng thấy và hỏi: “Tiểu đồng tu với sư phụ ở núi nào? Có biết Ông Trời là ai không?” Không đợi trả lời, chú nói tiếp: “Ngộ ha, ông nội tui kêu Ông Trời là Ông Trời; tui cũng kêu là ông Trời. Theo lẽ, phải nói là Ông Nội Trời mới đúng lý.” Tôi ngồi nghe bỗng nhiên nhìn lên bức tranh thủy mặc đã ngả màu vẽ Đức Phạm Hộ Pháp ngồi trên ghế, đội nón lá, nhìn hiền ời là hiền. Sau này mỗi khi về Báo Ân Từ ghé thăm Lễ Viện, lần nào tôi cũng nhìn lên bậc cửa, bức tranh vẫn nguyên chỗ cũ. Chú Sáu vẫn thỉnh thoảng ghé vào thăm nhưng không còn leo dừa nữa. Hình như cây dừa cũng thương chú mà lão theo nên không ra trái nữa.

Bây giờ trên bàn nước không biết còn đĩa bánh trái đào mà một thời làm tâm điểm mỗi khi tôi ra vô ngang qua. Hồi đó tôi hay hỏi dì Tư: “Bánh đó bằng nhựa hả Tư?” Dì nói: “Bánh thiệt của Hội Yến mấy năm trước đó.” Tôi hỏi: “Sao không ăn? Giờ còn ăn được không?” Tư nói: “Để cho đẹp. Bây giờ ăn hết được rồi.” Tôi nhìn nó vẫn còn giống trái đào lắm, vẫn chúm chím hồng. Lúc đó tôi ngẫm nghĩ nó đúng là trái đào tiên nên trường thọ; giá mà tôi được cắn một miếng, có khi tôi sống tới mấy ngàn năm...

SỬ KIẾN NGUYÊN

Thánh địa Tây Ninh

Tiết Hạ Chí năm Canh Tý (2020)

ƠN THẦY, ƠN CHÚA

TRẦN DÃ SƠN

Mười bốn năm (1979-1993) kể từ khi đến sống ở Phước An,⁽¹⁾ lần đầu tiên tôi rủ hai thanh niên trong xóm đi tìm đất để trồng đậu bắp. Lúc đó việc thuê đất của người Ê Đê đang là phong trào khá rầm rộ.

Trong bọn tôi có người quen với Ma Noon là đội trưởng sản xuất ở địa phương nên việc giao dịch tiến triển dễ dàng. Anh dẫn chúng tôi tới nhà ông già Ea Thiem bàn bạc. Ông ấy đồng ý cho chúng tôi thuê một héc-ta đất sạch trong sáu năm với giá sáu chỉ vàng. Tôi lớn tuổi nhất nên hai người kia cử hôm sau tới nhà ông Ea Thiem để chổng vàng và nhận đất.

Người dân tộc bấy giờ rất tốt. Họ đã hứa cái gì là y lời, không hề thay đổi nên chẳng cần viết giấy tờ. Xong việc tôi ra về, cùng với hai người kia chọn ngày lên dọn rẫy.

Không ngờ mấy hôm sau chúng tôi hay tin đất ấy ông Ea Thiem đã bán cho ông Ph. T. để trừ nợ làm nhà. Chuyện xảy ra quá đột ngột, tôi lặng cả người. Ba chúng tôi đều khó khăn, túng thiếu, đành dùm được bấy nhiêu để xoay xở làm ăn, chẳng lẽ bây giờ lại phải tay không?

Vì là kẻ đứng mũi chịu sào, một mình tôi đạp xe đi đòi nợ mất hai ngày. May được ông Ea Thiem trả cho bốn chỉ. Mấy đêm trằn trọc không ngủ, tôi quyết định đem số vàng kia trả

⁽¹⁾ Thành lập năm 1996, rộng 40,82km², thị trấn Phước An thuộc huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây có thánh thất Trung Phước An (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

cho hai bạn trẻ, còn phần mình dành trông vào số mệnh. Chẳng hiểu nhờ ân điển thiêng liêng nào mà tôi suy nghĩ được thoáng như thế. Thông thường cái khó bó cái khôn, trong lúc đang nghèo khổ dễ gì chịu thiệt về phần mình.

Có điều lạ là gia đình ông Ph. T. kêu bán đất nhưng chẳng ai hỏi mua vì họ đồn đại là đất tranh chấp.

Một hôm, tôi nhớ là Thứ Sáu, vừa đi làm về thì nghe vợ tôi nói:

- Vợ ông Ph. T. xuống tìm anh, hẹn trưa mai Thứ Bảy, lên nhà cho họ tính chuyện đất đai.

Đêm đó tôi cầu nguyện Thầy. Sáng ra vẫn còn nôn nao lo lắng. Sau giờ cơm trưa, tôi lặng lẽ đạp xe đi. Tới nơi, tôi gõ cửa. Một người đàn bà còn trẻ, tướng phúc hậu ra chào, mời tôi vào nhà. Chị không giới thiệu mình, cũng chẳng hỏi tôi là ai, làm như chị đã biết tôi từ lâu. Chị nói:

- Anh ngồi chơi, chờ tôi một tý.

Rồi chị quày quả xuống nhà dưới. Trong lúc chờ đợi, tôi đưa mắt quan sát phòng khách. Bất ngờ tôi thấy ảnh Chúa Giêsu in trên bức sáo tre, chiều ngang độ bốn tấc, chiều cao chừng bảy tấc, được treo trang trọng trên tường. Bên trên ảnh Chúa là hàng chữ in hoa màu đỏ: *HÃY THỨC CANH VÀ CẦU NGUYỆN*. Phía dưới cũng hàng chữ đỏ nhưng in thường và cỡ chữ nhỏ hơn: *Bền lòng trong sự nhẫn nhục*.

Tự nhiên lòng tôi thấy dịu lại, không còn bồn chồn lo lắng như khi mới vào. Ảnh Chúa sáng tỏ hơn, đôi mắt Ngài nhìn tôi đầy nhân từ, độ lượng. Cho đến bây giờ tôi vẫn không sao diễn tả được giây phút thiêng liêng ấy. Lòng tôi thanh thản lạ

thường. Tôi đắm mình trong huyền diệu yêu thương của Chúa, không còn bận bịu tính toán.

Tiếng chị chủ nhà kéo tôi về thực tại:

- Mời anh dùng nước.

Tôi nhìn sang. Chị bưng một khay nhỏ, có hai ly nước đá chanh, kế bên là chiếc đĩa để hai muỗng lá Jet.

Sau khi dùng nước, chị thông thả nói:

- Mai là Chúa Nhật, một giờ chiều anh lên đây tôi dẫn anh tới nhà con gái lớn Ea Thiem. Tôi sẽ đưa anh hai chỉ vàng gọi là cho họ mượn để trả lại anh. Tôi bằng lòng. Chị nói tiếp:

- Tôi biết anh đã dọn sạch được năm sào. Hết bao nhiêu công, tính tiền để tôi trả luôn.

- Tất cả mười công, mỗi công hai chục ngàn.

Chị đưa tiền không thắc mắc. Tôi cảm ơn chị rồi ra về.

Đêm đó tôi ngủ một giấc thẳng tới sáng.

*

Cái tiếng đất tranh chấp kéo dài mãi về sau, không ai dám hỏi mua. Cho tới ngày 02-9-1993 tôi mới rủ một người trong đạo cùng mua, thời gian là hai mươi năm, và được hợp tác xã nông nghiệp Ea M'lo giao trồng cà phê.

Lúc đầu cà phê còn xấu, tôi trồng xen hai vụ đậu xanh, đậu phụng, dặm thêm ít bắp để chăn nuôi. Nhờ đó tôi có vốn, mấy năm sau mua thêm năm sào đất nữa ở kế bên, cũng thời gian hai mươi năm.

Chùng như...

Ai cũng ghé qua

Thế gian nhà trọ

Nữa là

Dạo chơi

Ngồi nghe

Thiên hạ lắm lời

Người khôn, kẻ dại

Một thời

Đa đoan

Ai từng

Dạo khắp thế gian

Không nơi vương bận

Tâm càng

Khỏe ra

CHỪNG NHƯ

Nhìn theo

Mây trắng xa xa

Con tim nhịp thở

Cũng là

Hư vô

Biển đời

Chảy mãi về mô

Đục trong, trong đục

Thế đồ

Là đây.

Thiện Thắng

TRẦN NGỌC LỢI

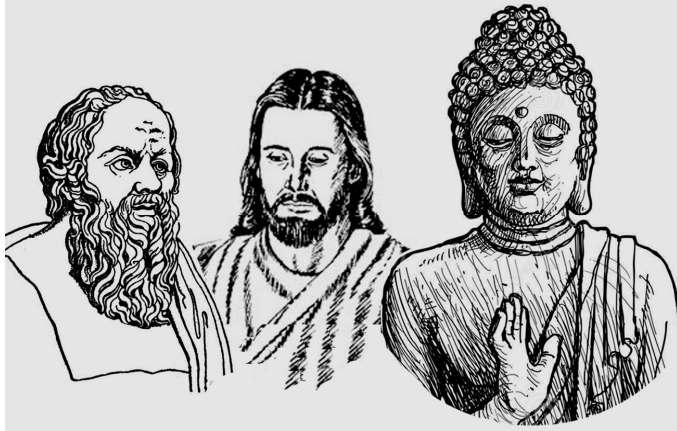
Krông Pắc, Đắk Lắk

Dần dà kinh tế gia đình khá hơn, không còn ăn bữa trưa lo bữa tối như lúc trước. Rồi tôi xây được ngôi nhà cấp bốn, trên gác thờ Thầy, có nơi ăn ở sinh hoạt tương đối tốt, có điều kiện cho con học hành đàng hoàng.

Tôi thầm tạ ơn Thầy, tạ ơn Chúa Cứu Thế đã ban bố cho gia đình tôi một cuộc sống yên lành trong những tháng năm dài.

TRẦN DÃ SƠN

Phước An, ngày 22-7-2020



SOCRATE, ĐỨC GIÊSU, VÀ ĐỨC PHẬT: BA TÔN SỰ SỰ SỐNG

Socrate, Jésus, Bouddha: trois maîtres de vie
Paris: Nxb Fayard, 2009. Khởi đăng từ Đạo Uyển tập 35.

FRÉDÉRIC LENOIR
VĨNH AN dịch

Phần thứ nhất: Các Ngài là ai?

Chương 1. Làm thế nào để nhận ra các ngài?

Các ngài có thật sự hiện hữu?

Đức Phật, Socrate và Đức Giêsu đã thật sự hiện hữu? Vấn đề xem ra có thể lạ lùng, kể cả gây sốc, khi di sản của các ngài đáng kể. Dù vậy, câu hỏi này vừa hợp pháp vừa chính đáng. Không ai có thể phủ nhận dấu ấn sâu xa mà ba nhân cách ấy đã để lại trong ý thức tập thể của một phần lớn nhân loại.

Nhưng liệu người ta có hoàn toàn chắc chắn về đời sống lịch sử của các ngài? Ở đây tôi không nói đến tính xác thực của các hành động hoặc các lời nói được gán cho các ngài: Đây là một vấn đề mà chúng ta sẽ xem xét sau này. Không, trước tiên một câu hỏi khác triệt để hơn: Liệu chúng ta có những chứng cứ không thể bác bỏ các ngài đã hiện hữu bằng xương và bằng thịt? Câu trả lời cũng bất ngờ như câu hỏi: Không.

Thật vậy, không có bất kỳ chứng cứ quyết định nào về đời sống lịch sử của các ngài. Người mà chúng ta gọi là “Phật”, tôn hiệu có ý nghĩa “Đấng Giác Ngộ”, đã sống tại miền Bắc Ấn Độ hai ngàn năm trăm năm trước đây. Socrate, người Hy Lạp, đã sống ở Athènes khoảng hai ngàn ba trăm năm. Đức Giêsu sinh ở Palestine hơn hai ngàn năm chút ít. Ngôi mộ và cốt của ngài không được giữ gìn. Không có đồng tiền nào, cũng như dấu vết khảo cổ nào đồng thời với các ngài có thể xác nhận đời sống và hợp thức hóa các biến cố trong đời sống các ngài, như trường hợp của các ông vua lớn như đại đế Alexandre hoặc hoàng đế Jules César. Chính các ngài cũng không viết điều gì, và các văn bản thuật lại đời sống các ngài chủ yếu là tác phẩm của các môn đệ và được soạn thảo vài năm sau khi tạ thế đối với Socrate, một vài thập niên đối với Đức Giêsu, nhiều thế kỷ đối với Đức Phật.

Trong sự thiếu thốn những di chỉ khảo cổ và những chứng từ lịch sử đa dạng và ăn khớp nhau, các sử gia không thể khẳng định với sự chính xác tuyệt đối sự hiện hữu của ba nhân vật ấy. Tuy nhiên họ đều nhất trí thừa nhận “khả năng rất cao” sự hiện hữu lịch sử của Đức Phật, Socrate và Đức Giêsu. Và một lần nữa, điều đó được nhất trí dù thiếu những chứng cứ cụ thể về sự hiện hữu ấy, những sắc lệnh được ký

về danh xưng của các ngài, những dấu vết hiển nhiên mà các ngài trực tiếp để lại cho hậu thế. Tại sao?

Giả thuyết cho rằng các ngài không hiện hữu trong lịch sử quả thật sẽ đặt ra nhiều vấn đề hơn thực tế các ngài hiện hữu. Vì thế, trước hết, khi dùng lý luận phản chứng mà các sử gia đã đi đến xác tín rằng ba nhân cách ấy dù sao đã hiện hữu.

Nếu các ngài là những huyền thoại, làm thế nào để giải thích những người chuyển giao sứ điệp của các ngài đã rất thấm nhuần nhân cách của các ngài, đến mức đôi khi họ hy sinh mạng sống của họ, như trường hợp phần lớn các tông đồ của Đức Giêsu? Người ta không dễ dàng hy sinh mạng sống vì một huyền thoại như khi vì một nhân cách có thật mà người ta duy trì những liên hệ cảm xúc trước mọi thử thách. Những Phúc Âm kể lại đời sống Đức Giêsu, biểu lộ tình yêu và sự thán phục mạnh mẽ của các môn đệ đối với ngài.

Người ta cũng cảm thấy trong các văn bản của Platon, môn đệ chính của Socrate, tất cả tình yêu mà Platon có đối với người thầy của ông. Những văn bản Platon viết ra không có gì là thờ ơ, nhưng chứng minh một cảm xúc rất con người, một sự đồng cảm có thể sờ mó được.

Được viết nhiều thế kỷ sau khi tôn sư tịch diệt, các tiểu sử của Đức Phật không có được mùi vị và hương thơm đích thực của chứng từ trực tiếp. Nhưng cùng một câu hỏi đặt ra cho sử gia: Làm thế nào giải thích việc các thế hệ đàn ông và đàn bà hoàn toàn hy sinh đời sống họ, đi theo một người nếu người này không hiện hữu?

Đã có một biến cố quan trọng không thể chối cãi làm đảo

lộn Phêrô, Platon, Ananda và nhiều người khác theo chân các ngài. Những môn đệ xa hay gần ấy gọi tên biến cố đó là “Socrate”, “Đức Giêsu” và “Đức Phật”. Liệu họ có truyền lại trung thành đời sống và lời nói của các tôn sư là một vấn đề khác mà tôi sẽ trở lại. Nhưng chắc chắn đời sống các môn đệ được đánh dấu bởi một cái gì đó cụ thể, bởi một tiếng nói, một diễn từ, những cử chỉ phát xuất từ “một ai”. Trước tiên là ký ức của lời nói, rồi chữ viết, để lại cho chúng ta danh của người “nào đó” ấy.

Việc không có những di tích khảo cổ trực tiếp về đời sống của ba nhân cách ấy được giải thích bởi sự kiện không vị nào nắm quyền chính trị. Trong thời thượng cổ xa xôi ấy, chỉ những ông vua và những tổng trấn mới có thể để lại dấu vết cho hậu thế khi cho khắc những đồng tiền có hình của họ, hoặc những sắc chỉ trong đá, và dựng những lăng tẩm hoành tráng.

Lịch sử trực tiếp là lịch sử của những người mạnh trong thế giới này. Và lại Đức Phật, Socrate và Đức Giêsu không phải là những người mạnh, trái lại là đàn ông khác. Các ngài sống đơn sơ, lúc sinh thời các ngài chỉ có sự tỏa sáng hạn chế, và không để lại văn bản nào do các ngài viết ra. Các quyền lực công của thời kỳ ấy không có lý do gì để ghi lại trong sử biên niên tên và đời sống của nhà khổ hạnh rao giảng việc dập tắt ước muốn, của triết gia gây hấn, và của một thanh niên Do Thái loan báo triều đại của vương quốc Thiên Chúa.

Cả ba vị đã dạy từ bỏ những ảo tưởng của thế gian này, và vai trò của các ngài trong đô thị là thứ yếu, căn cứ vào phương tiện tài chánh yếu kém của các ngài và ảnh hưởng chính trị tầm thường.

Môn đệ của các ngài dù xác tín vào sự cao cả tinh thần và tâm linh của thầy họ, cũng không đủ sức xây dựng cho các ngài những công trình. Cách duy nhất để truyền lại ký ức về các ngài là sự truyền lại bằng lời nói rồi bằng văn tự. Những chứng từ ấy, không ngừng mở rộng đến các nhóm ngày càng lớn hơn, qua nhiều thế kỷ tạo nên danh tiếng cho Đức Phật, Socrate và Đức Giêsu.

Người ta có thể nói rằng sự thành công của các ngài giống như sự thành công của một bộ phim ngày nay. Nó không được thực hiện bởi sự giới thiệu rầm rộ, nhưng bởi sức mạnh rĩ tai chậm chạp và hiệu quả. Chính vì đời sống và lời nói của các ngài đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với những người đi bên cạnh và chúng không ngừng được họ chuyển giao lại với lòng nhiệt tình để đến tận chúng ta. Chung quy đó là dấu hiệu tốt nhất về thực tại của đời sống các ngài.

(Còn tiếp)

FRÉDÉRIC LENOIR / VĨNH AN dịch

AN LẠC

Sanh tử vốn vô cùng
Ai người luôn tỉnh thức
Nhìn đời đẹp bao dung
Với lòng luôn thành thực

An lạc từng hơi thở
Ra vào biết tại đây
Chuyện xưa thôi nhắc nhở
Tuyệt diệu phút giây này

Tương lai thì chưa đến
Lo nghĩ chi bận lòng
Rằng thì ta quên hết
Mỉm cười tâm thông dong

Đạt được là như thế
Chẳng khó, không dễ dàng
Đường đời ai dấu bể
Từng bước chân thanh thang.

**Thiện Thắng
TRẦN NGỌC LỢI**

MÙA ĐÔNG Ở LẠI

Dọc bờ tre gió mùa hun hút thổi
Chạm đồng chiều ngọn cỏ biếc run xanh
Bầy lia thia quấy tím cụm lục bình
Mong mông nắng cho mùa Đông ở lại

Đêm thức trắng nôn nao vàng hoa cải
Nụ sầu đông bịn rịn buổi son môi
Mây lang thang gác gió ngủ lưng đồi
Cơm nếp mới ủ tình xanh lá chuối

Nghe phảng phất hương hoa bông hoa bưởi
Nước gội đầu thơm ngát nửa mùa sau
Đêm chong đèn bà kể chuyện trầu cau
Thương tóc ngắn tủi hờn lên cổ tích

Rơi thánh thót giữa bờ khuya tịch mịch
Tiếng đàn bầu ru ớt mảnh trăng xa
Thuyền ai xuôi trong khói sóng nhập nhòa
Trôi lững thững giữa hai bờ sông rét

Mai ước nụ gọi Giêng về kịp Tết
Sắc vàng rơi lấm tấm nụ hôn đầu
Tiếng ai cười trên đồng cạn đồng sâu
Mưa lất phất băng qua bờ qua bãi

Thăm thăm gió cho mùa Đông ở lại
Và bên trời còn một ánh sao nghiêng.

HUỲNH VĂN MƯỜI

TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC CỦA MỘT MÔN SANH CAO ĐÀI

CAO PHONG

Hiền tỷ Bạch Liên Hoa (thế danh Huỳnh Thị Tín, tám mươi chín tuổi), môn sanh Cao Đài, Trưởng Ban Hành Lễ Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi (Thánh Đức Tổ Đình, Cần Thơ) đã bán căn nhà đang ở (trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh), để lấy tiền xây năm cây cầu giúp bà con vùng sâu vùng xa bớt khó khăn trong giao thông vùng sông nước, các em nhỏ an toàn đến trường hằng ngày.

Năm cây cầu này gồm có: một cây cầu ở Cần Thơ, một cây cầu ở Phú Yên, một cây cầu ở Cần Giờ, và hai cây cầu ở Sóc Trăng.

Kinh Sám Hối vốn do Minh Lý Đạo tiếp nhận; sau đó, các tiền khai đạo Cao Đài đã vâng thánh lệnh sang thỉnh về dùng chung). Khi ban một phần nội dung Kinh này, vào ngày 27-11-1925 (12-10 Ất Sửu), Đức Đông Huê Đế Quân dạy (câu 131-133):

*Bắc cầu, đắp sửa đường liền
Kẻ qua người lại, bước yên gọn gàng
Thi ân hậu, bạc ngàn khó sánh . . .*

"Bắc cầu" hay "xây cầu" cũng như nhau. Hiền tỷ Bạch Liên Hoa đã thực hành đạo đức người Cao Đài, thực hành lời dạy của Đức Đông Huê Đế Quân.

Hiền tỷ độc thân tu hành từ thuở còn thanh nữ, sau nhiều lần thay đổi chỗ ở, sau cùng về cư ngụ tại quận Bình Thạnh.

Hiền tỷ là dưỡng nữ của tiền bối Cao Sĩ Tấn (1893-1974). Bác sĩ Cao Sĩ Tấn tu pháp môn Chiêu Minh, đắc quả Đạo Hạnh Kim Tiên. Hiền tỷ đã ấn tống quyển *CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG* trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tái bản 2011, 96 trang); sách kể về hành trạng tiền bối Cao Sĩ Tấn.

Hiền tỷ Bạch Liên Hoa ► thăm cầu ấp Bình Trường, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, do hiền tỷ công quả.



GIỌT SƯƠNG BÉ BỎNG

Đêm khuya lạnh lẽo
Giọt sương trong treo
Bơ vơ một mình
Gió như vô tình
Tạt qua từng đợt
Giọt sương giạt thốt

Giá buốt căm căm
Nó vẫn âm thầm
Nhưng lòng quặn thắt
Từng nhà đèn tắt
Nệm ấm gối êm
Dường như bỏ quên
Để lại giữa đêm
Giọt sương bé bỏng.

HOÀNG NGUYỄN
Nhà tu Trí Huệ (Tam Kỳ)

HƯƠNG XƯA

Chiều tan muộn cây im lìm chờ gió
Mảnh trăng non lấp ló tận xa mờ
Thấm nỗi buồn đem vắt chảy thành thơ
Trải lối mộng; mơ về phương trời ấy
Miền ký ức đã bao lần thức dậy
Xa vời xa mà sao thấy thật gần
Hoa sứ thơm ngào ngạt một góc sân
Còn không nhĩ dấu chân trần thuở nhỏ
Mỗi hoàng hôn men lần ra lối ngõ
Dễ dẽ thơm đầu đó ở ven đường
Bông chịu chịu lả tả rụng như sương
Vương trong gió mùi hương quen mà lạ
Bữa cơm chiều bếp nhà ai nhà khói
Mùi thơm mùi rạ nếp bông bầu
Người thân ơi dù cho ở nơi đâu
Sao quên được cơm gạo đời chảy mỡ
Cháo bát ngoạt ⁽¹⁾ mùa đông về lại nhớ
Rổ rau tròng mọc dại ở sầm ⁽²⁾ sâu
Quê hương ơi dù xa cách bao lâu
Hương vị cũ chẳng thể nào quên được.

LÊ THỊ TÂM (Củ Chi)

⁽¹⁾ *bát ngoạt* (tháng tám): Một giống lúa cũ tại miền Trung, thường gieo cấy ở vùng ruộng sâu từ tháng 5 và thu hoạch vào tháng 8 âm lịch trước khi những cơn mưa lớn làm ngập lụt. Vì vậy gọi là lúa bát ngoạt. ⁽²⁾ *sầm*: Vùng đất cát thấp (giữa vùng cát rộng khô cằn), đủ độ ẩm, có thể canh tác. Mùa mưa, vùng này ngập nước, rau tròng mọc ngằm trong nước, lá nổi trên mặt nước giống như những đồng tiền. Rau tròng thân mềm, ăn với cháo nóng rất ngon.

ÔNG GIÀ SAU CƠN BÃO

LÊ THỊ TÂM

Quê tôi vùng đông Thăng Bình, Quảng Nam, miền đất mưa dầm nắng dài, có dải cát trắng như sa mạc trải dài dọc theo con sông Trường Giang trong xanh hiền hòa, có biển ồn ào với những con sóng vỗ bờ ngày đêm. Quê tôi thật đẹp.

Vậy mà khí hậu nơi đây rất khắc nghiệt, quanh năm chỉ có hai mùa hạn hán và bão lũ. Mùa hè kéo dài từ cuối tháng Hai đến đầu tháng Mười âm lịch với cái nắng nung người mang theo từng đợt gió Lào như thiêu như đốt, cháy hết cỏ cây. Trên sa mạc cát trắng ấy, dưới cái nắng mùa hè nóng bỏng da chân đó chỉ có năm ba cây thông liễu cọc còi, vài bụi dứa dại mới tồn tại nổi mà thôi.

Dọc theo quốc lộ 1 về hướng tây cũng có những đồng lúa xanh tươi, những mùa vàng bội thu. Đó là vào vụ đông xuân, nước chưa khan hiếm. Vụ hè thu vì là ruộng ở cuối kênh thủy lợi nên đất thường nứt nẻ, lúa héo khô, phải đào ao, vét mương tìm nguồn nước để tưới cho lúa. Để rồi khi lúa vừa chín tới, nước lũ về, tất cả chìm trong biển nước mênh mông. Người nông dân trắng tay như loài dã tràng xây nhà trên cát biển. Họ kiếm ăn qua ngày rồi lại tiếp tục sản xuất. Cuộc sống vẫn tiếp diễn, vẫn vui vẻ gắn bó với quê hương. Bởi sự khắc nghiệt ấy đã sinh ra những con người ý chí kiên cường. Khó khăn gian khổ không làm họ nản chí, biết chấp nhận và sống chung với lũ, và hơn ai hết họ hiểu ý nghĩa của hai chữ vô thường.

Có một chuyện làm tôi nhớ mãi không thôi. Những năm

sau chiến tranh, vào một buổi chiều mùa thu, khi quê tôi vừa chịu một trận bão lũ lớn. Mưa đã dứt nhưng trời vẫn âm u xám xịt. Heo gà bị nước cuốn trôi, nhà cửa bay cả mái, cây cối ngã nghiêng, những bụi tre bật gốc, trụi lá nằm chắn cả lối đi. Tôi đang dọn dẹp trước nhà, lòng nặng trĩu âu lo. Một ông già tay chống gậy, người nhỏ bé, vai mang cái bọc có lẽ là áo quần, gói trong chiếc áo mưa cũ ngả màu vàng đất, đôi chân trần chai sần cong vẹo, đầu đội chiếc nón tạm gọi là lành hơn bộ đồ ông đang mặc. Ngửa bàn tay thô ráp trước mặt tôi, ông bảo: “Con ơi, nhà có gạo cho ông một ít. Cho ông miếng nước nóng nữa con hỉ. Đi từ sớm mai đến chừ mệt, khát nước quá!”

Nhìn ông tôi bỗng giật mình. Không biết ông đi bằng cách nào mà tới được đây. Không để ông đợi lâu, tôi đi vào trong xúc chén gạo đổ vào cái túi vải ông đeo trước ngực và cũng không quên đem ra mời ông ly nước nóng. Ông đón ly nước trên tay tôi, ngồi xuống thềm nhà và uống cạn. Đợi ông uống xong, tôi nhận lại ly trên tay ông rồi hỏi nhỏ: “Ông ở mô? Con cháu có đông không mà đi ri ông? Nhà cửa ông có hư không? Làng ông có thiệt hại nhiều không?”

Ông chậm rãi: “Ông ở thôn Thái Nam kế đây. Chỗ mô cũng y cảnh hết con ơi! Còn nhà há?” Ông bỗng bật cười ngặt nghẽo. Tôi tò mò không biết ông cười vì điều gì, hay ông sắp kể cho tôi nghe một câu chuyện thú vị lắm chăng? Tôi chờ đợi.

Về mặt bình thân, ông bắt đầu kể: “Hồi trước ông cũng có nhà cửa, có gia đình đàn ông hoàng chớ. Năm xảy chiến tranh, nhà ông trúng bom, vợ con chết hết, nhà cháy luôn. Lúc đó ông đang ở ngoài đồng, may còn sống sót. Bà con lối xóm cho

tre, cho rạ ông cất lại cái chòi nhỏ trên nền đất cũ. Vừa rồi nó đột quá nên ông xuống bầu cất cỏ lát lợp lại xong. Bão mới đây lại thổi bay mất rồi. Ông ở hiền trường bình dân xưa rày. Mưa thì lấy mấy miếng áo mưa che đỡ. Già tám mươi tuổi rồi, con ơi! Biết sống mấy bữa nữa mà lo nhà.”

Rồi ông lại cười và thông thả đứng lên: “Thôi, ông về kẻo tối không thấy đường đi. Nấy gạo đây để dành bữa mô mưa gió không đi được thì có nấu.”

Vừa nói ông vừa bước đi. Tôi áy náy: “Rồi ông ăn cơm với chi? Để con vào sốt cho ông ít nước mắm gỏi ông hỉ?”

Ông khoát tay: “Thôi con ơi, nấu cơm bỏ vài hột muối hơi mặn mặn là ăn được rồi.”

Ông vừa nói vừa đi. Tôi chẳng biết nói chi, chỉ nhìn theo: “Dạ ông đi. Cui chừng đạp gai nghe ông.”

Thực sự trong lòng tôi muốn giúp ông lắm nhưng cái thời bao cấp thiếu thốn đủ thứ mà cơn bão mới vừa tàn phá nữa. Thương lắm mà chẳng biết làm chi. Dáng liêu xiêu, ông lần ra ngõ, qua đám cành cây ngổn ngang chưa kịp dọn. Không biết ông có về kịp trước khi trời tối.

Tội nghiệp ông khi tuổi đã gần đất xa trời mà tất cả chỉ là con số không: không nhà cửa, không gia đình, không người thân, và cả miếng ăn cũng không có. Vậy mà ông vẫn vui vẻ chấp nhận, vẫn cười khi nhắc lại câu chuyện buồn của đời mình.

Tôi cảm phục ông quá, rồi bỗng nhiên tôi ngộ ra một điều: Phải chăng sướng khổ tự nơi tâm?

LÊ THỊ TÂM (Củ Chi)

CỤ ÁN RÒM

TRẦN HUIỀN ÂN

*Thương em anh cũng muốn theo
Sợ truông Giọt Ngược, sợ đèo Đá Dẫm.*

Đó là câu ca dao nói về Láng Thơm, một làng nhỏ trên một cao nguyên nhỏ Nam Trung Bộ, phong cảnh kỳ vĩ, gió lành, nước ngọt, nhưng đường đến thì vô cùng hiểm trở. Chỉ có hai lối thông với bên ngoài, lối nào cũng là tử lộ. Phía đông có đèo Đá Dẫm, quanh co gấp khúc, toàn đá dẫm bén nhọn. Mùa nắng qua đèo, như đi trong lò thiêu, mồ hôi nhễ nhại, bước chân loạng choạng, thế nào cũng bị đá dẫm cắt cứa chảy máu. Mùa mưa qua đèo, cái lạnh của đá núi đến buốt xương, trợ lực cho những giọt mưa như ngọn roi tàn bạo quất xuống, bước chân con người lại loạng choạng cho đá dẫm cắt cứa chảy máu. Truông Giọt Ngược ở phía Tây, ngắn hơn, không ngoằn ngoèo bằng thì độ dốc cao hơn, khách bộ hành bám vào rễ cây, vào bụi đất trèo lên, cứ bị giật ngược trở lại. Lồng ngực như muốn vỡ tung, thở đến hụt hơi.

Tạo Hóa trớ trêu, ban cho hết thế hệ này đến thế hệ khác con gái Láng Thơm trắng da dài tóc, gương mặt sáng sủa, đẹp hồn nhiên, đẹp tự tại; ngược lại con trai Láng Thơm cục mịch, đen đũi, dẫu nhà giàu có quanh năm ăn không ngồi rồi, chẳng hề biết một giọt sương, một tia nắng. Con gái Láng Thơm có dịp đi ra khỏi làng liền được các chàng trai phương xa để ý, song tất cả đều ngã lòng trước truông Giọt Ngược và đèo Đá Dẫm, nên con trai Láng Thơm xấu xí, vụng về đến mức độ nào cũng cưới được cô vợ xinh xinh.

Nơi đầu đèo Đá Dẫm cách xóm không xa, có ngôi miếu nhỏ gọi là miếu Học Trò. Cứ như lời xưa truyền lại, vào thời nào đó có người học trò nghèo không rõ từ đâu định đến Láng Thơm làm nghề dạy học, trước là đem đạo lý Thánh Hiền giảng giải nơi quê mùa hẻo lánh này, sau nữa mong tìm một đời sống ấm no, vì nghe nói dân Láng Thơm từ lâu ao ước có được ông thầy. Người học trò còn trẻ có chút lãng mạn trong đầu, hình dung ra cái cảnh tượng được trọng vọng, rồi cưới một hoa khôi ở Láng Thơm, vợ chồng tâm đầu ý hiệp, anh ta lều chõng ứng thí, đỗ đạt, vinh quy, ơn Trời lộc nước, thỏa nguyện làm trai. Rất tiếc là bao nhiêu mộng mơ đẹp để ấy không còn thực hiện kịp. Đói quá, mệt quá, anh ta là người, gục xuống khi vừa vượt khỏi đèo Đá Dẫm trong tầm mắt lò mờ trông thấy mấy nóc nhà ẩn hiện. Gục xuống và vĩnh viễn nằm lại. Khi dân làng phát giác, anh ta đã là cái xác khô cứng, co quắp dưới nắng hè.

Không đào huyệt được, mọi người khuân đá đến đắp cho anh ta nằm mộ. Cảm cái ơn ấy, ngay đêm anh ta báo mộng với vị tiên chỉ. Ông thầy số luận rằng người này chết đúng giờ Ngọ, ngày Ngọ, tháng Ngọ, năm Ngọ, bất đắc kỳ tử, ắt là linh hiển. Làng Láng Thơm liền lập miếu thờ. Không biết tên họ, nguyên lai, bài vị viết là ông Học Trò, ngôi miếu mang danh miếu Học Trò. Già trẻ, trai gái ở Láng Thơm hết lòng tôn kính ông Học Trò, vì nghiệm thấy từ khi ông chọn xứ này làm nơi định phận thì Láng Thơm mỗi ngày một khá hơn, mùa màng luôn luôn được, cây già trái chín sum suê, trâu bò heo gà không bị ác thú nhiều hại. Từ tôn kính đi đến sợ sệt. Bạn bè kết nghĩa sinh tử, đưa nhau đến miếu Học Trò nguyện ước. Muốn bày tỏ sự ngay thật, tranh cãi, đôi chối, thách nhau đến

miếu Học Trò khẩn vái thề thốt. Lời nói tại miếu Học Trò bảo đảm sự trung thực tuyệt đối.

Rồi làng Láng Thơm phát được một người học giỏi. Đó là Tám Ròm, con ông Năm Râu. Vợ chồng Năm Râu hiền lành, nhưng không hiểu sao sinh sáu người con đều không nuôi được. Phải đến người thứ bảy. Tục lệ ở Láng Thơm không có thứ cả, người đầu là thứ hai, nên người thứ bảy gọi là tám. Cậu ta gầy đét, khăng khiu, dân làng tặng cho cái tên Tám Ròm. Tám Ròm được cha mẹ cho xuống miền đồng học hành. Ở trường huyện rồi trường tỉnh, anh ta được thầy đồ, quan Huấn, quan Đốc khen ngợi và thương mến, vì thông minh, linh hoạt, ứng đối nhanh chóng, văn thơ già dặn, súc tích. Ở làng anh ta luôn giữ đúng lễ phép, khiêm cung, kính trên nhường dưới, chẳng mất lòng ai.

Năm ấy, Tám Ròm mười tám tuổi, chuẩn bị để sang năm lễ chõng ứng thí. Ngày Tết, Tám Ròm về quê với gia đình.

Ba mươi tháng Chạp là tiết Lập Xuân. Tối hăm chín, Tám Ròm cảm thấy trong lòng bao nhiêu ý tưởng miên man. Sắp tới là một năm quan trọng của Tám Ròm. May nhờ ân đức, bảng vàng ghi tên thì con đường trước mặt thêm thang mở rộng đưa tới vinh dự tuyệt đỉnh. Ngày mai Lập Xuân, ngày mốt Nguyên Đán, Xuân và Tết liền kề nhau trong sự chuyển điệu nhiệm màu. Tám Ròm nghe như tứ thơ dâng tràn, khêu cao ngọn đèn, mở rộng trang giấy định viết nên bài thơ *Xuân Ý*. Khác với mọi lần, lúc này xúc cảm dào dạt quá, Tám Ròm thấy bài thơ mông lung, dàn trải, thiếu phần chặt chẽ. Anh ta buông bút, nhẹ nhàng mở tấm cửa phen bước ra ngoài, chủ ý tìm sự lắng đọng tĩnh tâm.

Đêm thật yên lặng. Trời đầy sao tỏa ánh sáng mờ mờ lên cảnh vật. Nghe rõ cả tiếng gió thì thào trên ngọn trúc bá diệp, tiếng dế ri rỉ dưới chân rào. Tám Ròm thả bước chậm chậm quanh sân. Mùi lá cam hăng hăng lẫn trong mùi những nụ hồng thoang thoảng. Mấy khóm hoa ban ngày trông ẻo lả, giờ này vươn cao, thẳng cánh, mở lá. Chợt có tiếng động ở sau hè, Tám Ròm vội vàng bước quanh ra. Một người từ chuồng gà Tám Ròm bước tới trên tay ôm vật gì. Tám Ròm đến gần. Đó là Sáu Đét, chẳng biết từ đâu trôi dạt tới Láng Thơm hồi mùa thu, sống trong một căn lều nhỏ ở xóm dưới. Cái vật trên tay Sáu Đét là con gà trống, con gà duy nhất Tám Ròm dùng để cúng rước. Rất đổi ngạc nhiên, Tám Ròm nắm hai tay Sáu Đét kêu lên:

- Ăn trộm.

Bị bắt quả tang bất ngờ, Sáu Đét khựng lại giây phút rồi vùng mạnh, xô Tám Ròm ngã xuống để thoát thân, tất nhiên mang theo con gà. Tám Ròm lồm cồm gượng dậy, đánh thức hàng xóm kể lể sự việc, rồi không tìm được tức giận, chạy thẳng đến nhà Sáu Đét. Sáu Đét đã kịp phi tang, giả vờ chẳng biết ất giáp gì, buông lời mắng nhiếc Tám Ròm. Tám Ròm vô cùng ảm ức. Thà Sáu Đét chịu nhận lỗi, Tám Ròm dễ dàng bỏ qua. Đàng này, Sáu Đét tố ngược là Tám Ròm vu oan giá họa cho kẻ nghèo khó, thì sao chịu được. Tám Ròm về nhà trần trọc thâu đêm. Bài thơ *Xuân Ý* thế là dang dở...

Sáng ngày Tám Ròm thưa làng. Trước mặt ông Lý, Sáu Đét vẫn một mực khai là chẳng biết gì. Ngày cuối năm rồi bận bao công việc, ông Lý hẹn ra Giêng, ngày dài tháng rộng, việc cũ giở ra sẽ mới. Không còn cách nào hơn, Tám Ròm thách

Sáu Đét ra miếu Học Trò, Sáu Đét dám thề Tám Ròm sẽ bỏ qua. Sáu Đét nhận lời ngay...

Ở miếu Học Trò hai người đã nói lời thề độc, nếu gian dối sẽ bị Ông Học Trò vắn cổ học máu chết tươi tại sân, không ra khỏi cổng. Kết quả cả hai người đều ra về bình yên. Sáu Đét cười hí hửng; ngược lại, Tám Ròm ảm ức không thôi.

Bấy giờ dân làng có dịp bàn tán với nhau. Không ai nghi ngờ tính trung thực của Tám Ròm. Nhưng phái người già thì e rằng trời tối Tám Ròm đã nhận lầm ai đó là Sáu Đét chẳng. Phái người trẻ bắt đầu hoài nghi sự linh thiêng của miếu Học Trò. Tên ăn trộm nhất định là Sáu Đét chứ còn ai nữa? Một tên vô lại không hiểu rằng ở đời nhập gia tùy tục, lại còn vênh váo đắc ý. Té ra dân làng Láng Thơm chỉ tự đánh lừa nhau, hù dọa nhau thôi. Làm gì có chuyện Thần Thánh vắn cổ con người học máu ngã lăn chết.

Đêm giao thừa, bài thơ *Xuân Ý* của Tám Ròm vẫn không làm xong. Sáng Nguyên Đán cũng vậy. Tám Ròm đành viết bốn chữ *Minh Niên Khai Bút* lên hồng đơn dán ở cột giữa. Không làm xong bài thơ, Tám Ròm giận Sáu Đét và càng trách ông Học Trò. Tám Ròm mang một nén hương đến miếu, khấn rằng ông là kẻ mị dân, mị đời. Đồng bào Láng Thơm cung kính thờ phụng ông để ông giữ yên thôn xóm, ai ngờ ông tiếp tay cho kẻ gian làm nhục người ngay. Tám Ròm nói sẽ không bao giờ bước chân vào miếu nữa.

Suốt ngày mồng một, cho đến tối bạn bè cứ hỏi Tám Ròm về chuyện mất gà và lời thề ở miếu. Trình bày, giải thích mãi, Tám Ròm thấy mệt mỏi, phiền bức. Đến gần khuya, mới thoát nạn. Tám Ròm lại bàn ngồi, quyết làm cho xong bài thơ *Xuân*

Ý, sợ rằng mồng một Tết không viết được câu nào, cả năm vắn điệu sẽ xiêu tán hết. Chống tay lên trán để tập hợp chữ nghĩa, Tám Ròm thấy gió đêm lành lạnh.

Có tiếng động nhẹ, Tám Ròm nhìn ra. Một người khách lạ chưa hề gặp. Người khách mặc chiếc áo dài cũ, đã bạc màu, chiếc khăn xếp đã sờn. Tám Ròm chưa kịp chào hỏi, người khách nói:

- Ta là người học trò ở miếu. Bởi anh có lời trách cứ, ta phải đến.

Tám Ròm mừng rỡ, vội mời khách ngồi:

- Hân hạnh được đón tiếp ngài. Cảm ơn ngài đã hạ cố. Trước hết xin mời ngài một ly rượu xuân.

Người khách ngồi đối diện với Tám Ròm, đón ly uống cạn, hỏi:

- Anh có đồng tình với các quy ước bất thành văn trong dân gian, bắt gà bẻ bí chỉ là chuyện trộm vặt?

- Thưa ngài, đúng vậy. Tám Ròm đáp.

- Thế thì... sau này đồ đạc làm quan, coi giữ hình án, anh có định kết tội tử hình một kẻ trộm gà chẳng?

-Thưa ngài, làm gì có điều đó.

Người khách cười:

-Vậy, sao anh trách ta không vắn cổ Sáu Đét cho hấn học máu tươi ra chết ngay nơi sân miếu? Hấn còn một tội nữa là nói dối. Song, cả bắt trộm gà và nói dối, hai tội danh ấy hợp lại cũng chỉ là chuyện vặt, ở mức phạt vi cảnh...

- Thưa ngài...

Tám Ròm vừa mở miệng thì ông khách ngăn lại.

- Xin lỗi. Ta đang quá bận, anh để ta nói trọn ý. Khi được cầm quyền sinh sát trong tay, đầu phải dễ dàng tùy tiện hành xử. Ở cõi dương không thể muốn chém đầu ai thì chém. Ở cõi âm không thể muốn vắn cổ ai thì vắn. Kẻ có quyền, kẻ ở tầng lớp trên, nhiều khi phải thiệt thòi một chút, bị mang tiếng oan một chút. Trong trường hợp này, cả anh và ta đã gặp. Sáu Đét vốn là kẻ quá nghèo túng, bần cùng sinh đạo tặc, trôi dạt đủ phương, chân trời góc biển, mới đến Láng Thơm chưa được thuần phong mỹ tục xứ này cải hóa. Hắn sống cô đơn nên cái mặc cảm là kẻ cùng đinh cận bã bị xa lánh vẫn đè nặng trong lòng. Ta đã từng nghèo đói, còn nghèo đói hơn hắn nữa, không ít lần toan làm điều sai quấy, may mà cố giữ được trong sạch, ngay thẳng để rồi cuối cùng phải chết đường vì nghèo đói. Có lẽ vì vậy ta hiểu hắn hơn anh. Mai sau, anh làm quan, thăng tiến trên hoạn lộ, ta mong anh luôn luôn nhớ rằng giúp dân no cơm ấm áo, hòa hiếu yêu thương nhau, là bổn phận của người làm quan. Đừng để trong hạt còn có hạng người sống bên lề như Sáu Đét. Hắn đã quá chán chương kiếp sống, đã nghĩ sống cơ cực như thế thì chết sướng hơn. Trước lúc thề hắn đã cầu khẩn ta: Ông hãy vắn cổ tôi đi cho tôi sớm về cùng cát bụi thoát khỏi thân phận đau khổ hèn hạ này... Nhưng, ta là một vị Thần vâng theo luật Trời chứ không thể nghe theo ý hắn, ý anh. Tất cả, từ sự linh ứng của Thần Thánh đến sự phán xét giữa con người với nhau đều được vượt qua luật Trời. Do đó, phải thận trọng. Hết sức thận trọng.

Anh cũng nên lưu ý về sự bình tâm. Mất một con gà anh để

mất luôn lòng yên tĩnh. Bài thơ *Xuân Ý* biết bao tứ hay, lời đẹp là vậy mà anh bỏ hồng. Một Nho sĩ tài hoa mà tầm thường như vậy ư? Để cho ngoại cảnh chi phối thì làm sao có được những trang tuyệt cú tồn tại với thời gian?

Tám Ròm chưa kịp bày tỏ điều gì, người khách đã đứng dậy, thoát đi như thoát đến. Còn lại một mình Tám Ròm, bưng tỉnh, ngơ ngác trước trang giấy trắng, ngòi bút lông lăn nhón gác trên nghiên mực.

Tám Ròm đậu Cử Nhân. Dân xứ Láng Thơm thân mật gọi là ông Cử Ròm. Được bổ làm tri huyện. Cả làng vui mừng, hân hoan họ đã có một ông quan. Ông Huyện Ròm về tu bổ lại miếu Học Trò. Ông Huyện Ròm được thăng tri phủ. Ông Phủ Ròm kêu gọi sửa nắn đèo Đá Dẫm. Rồi thăng án sát. Dân làng tôn là cụ, song vẫn giữ cái tên thân mật. Cụ Án Ròm kêu gọi bạt trướng Giật Ngược, hạ thấp độ dốc. Từ đó hai nơi này không còn nguy hiểm nữa. Suốt quãng đời ngồi ở công đường, từ huyện lên phủ lên tỉnh, ông quan Ròm là vị đường quan thanh cần liêm chính. Một phần lương bổng dùng cho công việc từ thiện. Về hưu, giữ địa vị tiên chỉ làng Láng Thơm, cụ Án Ròm cầm cân nảy mực, phân xử mọi việc, trên dưới một lòng, trong ngoài yên ổn.

Đó là vị quan duy nhất ở Láng Thơm. Trước ông và sau ông đều không có ai.*

TRẦN HUYỀN ÂN (1995)

* In trong tập truyện *Khói Của Ngày Xưa* (Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Phú Yên, 2003). *Đạo Uyển* in lại với sự cho phép của tác giả, bản thảo gửi về từ Tuy Hòa (Phú Yên), ngày 19-3-2020.

NGUYỆT DẠ CẢM TÁC

Ngoài song mưa tạnh gió vờn,
Khắp sân tàn tạ hoa hờn xuân đi.
Chữ rằng vật hoá tinh di,⁽¹⁾
Hoa thì héo rụng người thì già nua.

Canh khuya vắng ngắt,
Giấu thân quèn luống buộc chặt bang gia.⁽²⁾
Tựa song thừa ngán cảnh phần hoa,
Khách muôn dặm sa đà chừng biết đủ.

Vạn sự bất như bôi tại thủ,
Nhất niên kỷ kiến nguyệt đương không.⁽³⁾
Khóa buồng mây⁽⁴⁾ mặc chuyện bụi hồng,
Bầu bạn có chén quỳnh cùng điệu nhã.

Quân bất kiến:⁽⁵⁾ Lưu thủy lạc hoa xuân khứ dã.⁽⁶⁾
Học người xưa bình chúc⁽⁷⁾ khá quên âu,
Màng chi thế sự đâu đâu...

Tác giả chú thích:

1. vật hoá tinh di 物換星移: Vật đổi sao dời.
2. bang gia 邦家: Nước nhà.
3. Vạn sự bất như bôi tại thủ / Nhất niên kỷ kiến nguyệt đương không. 萬事不如杯在手 / 一年幾見月當空: Vạn sự không bằng chén [rượu] trong tay / Một năm mấy lần trăng lên không. Câu đối trích từ *Tiểu Song U Ký* 小窗幽記 (Ghi chép bên cửa sổ nhỏ trong lúc ở ẩn) của Trần Kế Nho 陳繼儒

(1558-1639), đời Minh (Trung Hoa). Cũng là câu 9, trong quyển một (184 câu), nhan đề *Tập Tỉnh* 集醒 (Tập hết say). Trọn danh tác này gồm mười hai quyển, ghi lại tư tưởng của tác giả, được xem là phương châm tu thân xử thế của một danh sĩ học rộng, không màng thi cử để làm quan, chỉ ở ẩn và viết sách.

4. buồng mây: Vân phòng 雲房, cái phòng trong đám mây (ám chỉ chốn ẩn cư, nơi ở yên tĩnh của tu sĩ), cùng nghĩa với: vân thất 雲室 (buồng mây, nhà mây), vân cư 雲居 (chỗ ở trong mây), vân trai 雲齋 (thư phòng trong mây).

5. Quân bất kiến: 君不見 (Người chẳng thấy). Mượn ý câu mở đầu bài *Thương Tiến Tửu* 將進酒 (Xin mời rượu) của Lý Bạch 李白 (701-762).

6. Lưu thủy lạc hoa xuân khứ dã: 流水落花春去也: Nước chảy hoa rụng xuân đi rồi. Đây là câu thứ chín trong bài từ dài mười câu nhan đề *Lãng Đào Sa Lệnh* 浪淘沙令 của Lý Dục 李煜 (937-968), tức Lý Hậu Chủ 李后主, là ông vua cuối cùng của Nam Đường 南唐 (Trung Quốc).

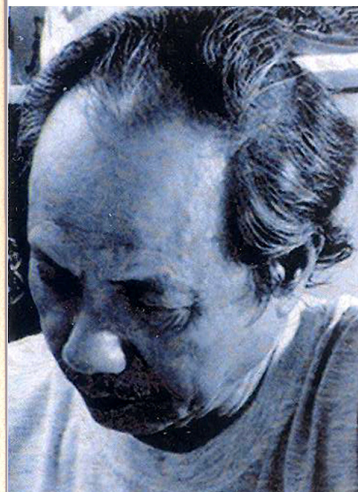
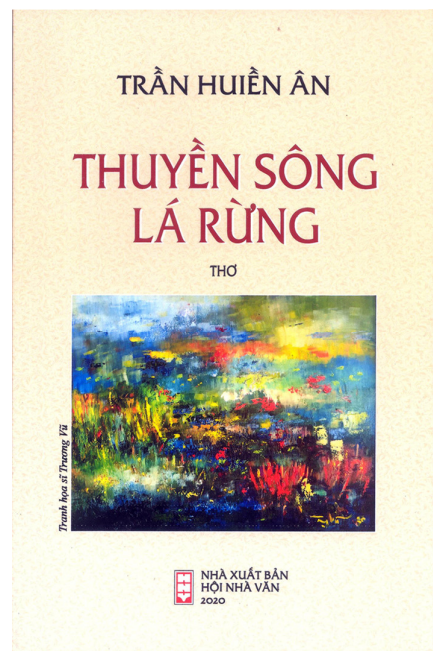
7. bình chúc 秉燭: Cầm đuốc. Thơ cổ Trung Quốc (khuyết danh tác giả) có bài *Sinh Niên Bất Mãn Bách* 生年不滿百 (Đời người chẳng được trăm năm) gồm mười câu. Trong đó hai câu 3-4 viết: *Trú đoản khổ dạ trường / Hà bất bình chúc du?* 晝短苦夜長 / 何不秉燭遊? (Ngày ngắn, khổ nỗi đêm lại dài / Sao chẳng cầm đuốc mà rong chơi?)

SỬ KIẾN NGUYÊN

Tín hữu Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh

TẢN MẠN VỀ MÓN QUÀ THƠ XA

HUỆ KHẢI



TRẦN HUYỀN ÂN

Ảnh: Phạm Cao Hoàng (2012)

Vâng, cần nói ngay là “tản mạn” để liên xác định rằng đây chẳng phải một bài điểm sách, mà chỉ miên man chuyện mới chuyện cũ.

Còn “món quà thơ xa” thì quả đúng là món quà đặc biệt, đã vượt quãng đường xa hơn năm trăm cây số từ Tuy Hòa, ngày 15-8-2020 (theo con dấu bưu điện), để tới tôi ở Bà Chiểu đúng ba hôm sau. Kể hậu bối không khỏi chạnh lòng khi lần giở từng trang món quà “thân mến tặng Huệ Khải” của bậc tiền bối.

1. Gọi ông Trần Huyền Ân, tác giả tập thơ, là “tiền bối” thì đúng quá rồi. Ông sinh năm 1937, hai mươi tuổi chọn nghề gõ đầu trẻ. Hằng tuần, ông giáo thanh xuân tài hoa ở làng quê tỉnh nhỏ khi xưa sớm có bài vở cộng tác với tuần báo *Tuổi Xanh* do một nhóm giáo chức (Bùi Văn Bảo, Hà Mai Anh, Bùi Quang Kim, Đoàn Xuyên...) chủ trương. Thuở ấy tôi còn là đứa bé con ở trường tiểu học Hội An A (xã Cái Tàu Thượng, quận Chợ Mới, tỉnh An Giang); ba tôi dạy tại trường ấy, đặt mua cho tôi tuần báo này đọc cả năm. Dĩ nhiên tôi không nhớ nổi đã đọc những bài nào của ông Trần. Hồi đó mê nhất là những truyện tranh in màu kéo dài nhiều kỳ báo. Vẫn nhớ có một họa sĩ ký tên Tam Xuiên (vì chữ i ngắn lạ mắt), và chú bé con cứ quen đọc là “Tam Xiên”. Khi là thầy giáo trung niên, trong một đêm dự tiệc cưới ở Sài Gòn, tình cờ tôi được sắp chỗ ngồi cùng bàn, ngay bên cạnh họa sĩ ấy (nhờ nhà trai giới thiệu mà biết).

Niên khóa 1961-1962, thơ của thầy giáo trẻ họ Trần đăng trên tuần báo *Tuổi Xanh* được chọn làm các bài “học thuộc lòng” in trong bộ sách *Việt Ngữ Tân Thư* dành cho bậc tiểu học của nhóm soạn giả Bùi Văn Bảo, Bùi Quang Minh, Chu Đức Nhuận. Tôi vẫn nhớ bộ sách giáo khoa này, do nhà sách kiêm xuất bản Sống Mới (ở số 30 đường Phạm Ngũ Lão, quận Nhứt, Sài Gòn) in và phát hành khắp hai miền Nam, Trung. Lúc ba tôi chuyển về trường tiểu học Mỹ Luông A (xã Mỹ Luông, cùng quận Chợ Mới) thì tôi học trường này, dùng sách này. Vậy tôi đã sớm học thơ ông Trần từ tấm bé. Tôi nhớ, hồi đó ba tôi và các đồng nghiệp trước khi vào năm học mới đều được Sống Mới gửi biểu sách giáo khoa. Các trường mua sách trực tiếp từ nhà xuất bản để phân phối lại cho học

trò trường mình đều được hưởng huê hồng tính trên bìa sách và số lượng đặt mua.

2. Năm 2019 tôi bắt đầu viết điện thư làm quen ông. Vẫn là “mộ kỳ văn, vị kiến kỳ nhan” 慕其文, 未見其顏 (mến yêu văn mà chưa thấy mặt), trừ chân dung trên các bìa sách, trên vài trang mạng. Ông gửi tôi khá nhiều sách, lời đề tặng mỹ miều nét chữ, xinh xắn triện son. Truyện ngắn của ông nhiều bài đọc rất lạ, thú vị. Có vài truyện tôi nghĩ chẳng khác tân liêu trai. Thơ, ông gửi bốn tập: *Thuyền giấy* (Nxb Bách Khoa, 1963); *Năm năm dòng sông thơ* (Nxb Đồng Dao, 1973); *Lời trên lá* (Nxb Trẻ, 1997); *Rừng cao* (Nxb Thanh Niên, 2007).

Thơ ông lắm câu phảng phất nét cổ kính:

- *Người xưa bung bát com tân khách / Ba lần cao giọng vỗ guơm ca*

- *Ta người mặt khách / Giày cỏ còn không / Guơm cùn cứ vỗ...*

- *Nụ cười đan thanh / Hồn thu cổ độ / Em về đứng đó / Nhìn bốn phương thành.*

- *Hoàng Hoa trang còn chẳng / Những gót chân gõ giòn sạn đạo?*

- *Ta đốt hết cả năm xe khuyết sử / Tìm áo khăn em trong biển lửa vàng...*

- *Ngựa buộc đèo cao nghe vượn hú / Nào nùng lạnh buốt cả sơn Khê*

- *Điểm nguyệt cầu sương tiếng gà dậm cát / Bàn chân trần lơ lửng bước thanh hư*

Đây là những câu thơ đẹp. Lần theo từng bài, rải rác trong tập này tập khác, trang nọ trang kia, gặp những câu như vậy,

thử dừng lại, nhắm mắt, tưởng tượng một chút về hình ảnh câu thơ gợi ra, không thú vị lắm ru?

Cái thoang thoảng phong vị cổ kính điểm xuyết trong thơ như thế, có lẽ ông sớm thừa hưởng từ buổi ấu thơ, bên người cha là thầy dạy chữ Nho chẳng? Bút danh của ông được ghép họ Trần với tên tự buổi thiếu thời thân phụ chọn giùm: *Huyền Ân*. Có câu chữ Nho giải thích tên tự này: *Sĩ chi trí huệ thị huyền ân dã*. 士之智慧是玄恩也. Chưa truy ra xuất xứ nhưng dõi theo mặt chữ, tạm hiểu người xưa bảo trí huệ kẻ sĩ (*wisdom of scholars*) là ơn Trời ban bố vậy. Trí huệ kẻ sĩ tức là *Sĩ Huệ*, cũng là phương danh thân phụ ông chọn cho con.

3. Thơ ông nhiều vẻ, nhiều cách dàn trải con chữ thành dòng, khi đủ vận đủ vần, khi như thể câu xuôi ngắn dài nối tiếp. Có một đoạn bốn câu mà ông hạ thủ tới hai câu nhả lệ, linh động với phép nhân cách hóa:

Anh ở cao nguyên chắc cũng buồn

Chiều nhìn chim gõi cánh qua truông

Con đường Gia Nghĩa nhiều cô quạnh

Khói xám tìm ai quyện dưới buồn.

Thỉnh thoảng tôi gửi điện thư hỏi ông về những tên gọi thảo mộc địa phương có nhắc tới trong thơ. Ông ân cần giảng giải, và tôi không khỏi nghĩ vụng nghĩ trộm: Lẽ ra khi in phải có thêm chú thích; nhưng chú thích nhiều thì hết còn là tập thơ, e ra thành sách giáo khoa văn học mất thôi.

Nhưng thiếu chú thích thì biết đâu phần nào gây ra trục trặc cho phần đông người đọc thời nay, bởi thơ ông không vắng điển cố. Chẳng hạn hai câu này: *Ta trở lại tên Thừa Cung quá khứ / Chí tung trời từng mẫu tự dò la*. Tôi không

chắc bây giờ phần đông dễ hiểu nếu chưa đọc *Chuyện người Thừa Cung*, bài học thứ 17 trong *Quốc văn giáo khoa thư lớp dự bị* (Hà Nội: Nhà học chính Đông Pháp, 1935).

Hoặc: *Ba năm không được câu thơ nhỏ*. Ai chưa đọc Giả Đảo (779-843), chưa từng ngâm nga: *Nhị cú tam niên đắc / Nhất ngâm song lệ lưu* 二句三年得 / 一吟雙淚流 (HK dịch: *Ba năm làm được hai câu / Một lần ngâm để rơi châu đôi hàng*), thì e khó thấm thía chỗ người nay “mượn” lời người xưa.

Oái oăm chỗ này nữa chứ: *Ta chợt nhớ thương chàng Lưu vô định / Một quả cà phần chí bữa mời trưa...* Tôi tưởng lầm người sửa bản in trót bỏ sót lỗi, lẽ ra là Lưu, tức Lưu Bình có Dương Lễ bạn vàng. Nhưng ông bảo tôi rằng chủ ý không viết hoa, vì trước hai câu đó ông viết: *Ta dẫu muốn xa đường danh lợi / Đến lòng đo còn luyến bụi phù vinh...* Nhắc tích Hứa Do ra suối rửa tai sau khi trót nghe vua Nghiêu ngỏ lời đề nghị truyền ngôi.

Và câu này nữa: *Nhìn xiêm áo đã nhàu chần gối lạ*. Thoạt đọc thấy, tôi thích ngay bằng trực giác, dẫu mù mị nghĩa lý. Đến chừng đọc truyện ngắn của ông (*Câu chuyện của người giữ đèn*) mới vỡ lẽ có xa gần liên quan cái tích hai vua một hậu (Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, và Dương Vân Nga). Biết vậy rồi, càng thấy câu thơ hay vô cùng.

4. Tôi không còn dụng công học thuộc lòng những bài thơ yêu thích như thuở học trò mười lăm, mười sáu tuổi. Nhưng một số câu thơ của ông mà tôi nhớ lẽ tẻ cơ hồ như ám ảnh, để thỉnh thoảng lại giở xem tập thơ đã đọc, chẳng khác chi muốn củng cố trí nhớ.

Ví dụ câu này: *Tờ thư xưa mòn dấu xếp dần rơi*. Ôi chao,

hình ảnh quá đối lãng mạn. Người xưa mờ nhạt ảnh. Ngày cũ khuất xa rồi. Tờ pơ-luya mỏng manh nào gấp gọn, cất kỹ trong ví, cứ giở ra xem rồi gấp lại, lần này lượt nọ, nếp gấp mòn thêm hơn, rồi kỷ vật miến manh rơi rụng... Không nhớ nổi trọn bài, lắm khi chỉ nhớ một câu như thế, mà đủ băng khuâng với ý tình người viết.

5. Tuyển lại các bài đã in trong bốn tập thơ trước đây (*THUYỀN giấy; Năm năm dòng SÔNG thơ; Lời trên LÁ; RỪNG cao*), ông đặt nhan đề tập thơ vừa in xong tháng này là *THUYỀN SÔNG LÁ RỪNG*.⁽¹⁾ Trên bìa lưng, ông gọi thơ mình là “*thơ tình cảm*”. Đúng vậy, tập thơ có đủ tình mẹ con, tình cố hương, tình thơ dại, tình thầy trò, tình bạn bè, tình nam nữ, v.v...

Bốn tập thơ trước không đánh số các bài ở mục lục; tập này có, là chín mươi chín. Con số lẻ như ám chỉ điều gì dở dang, chưa tròn trịa à? Tôi mỉm cười, tự nhủ mình khéo vắn vơ. Lại nghĩ, tuyển trong một trăm hai mươi tám bài đã in để chọn lấy đúng chín mươi chín, lúc tuế nguyệt đã vượt ngoài tám chục, phải chăng với bề dày lịch duyệt tuổi đời và già dặn trải nghiệm tuổi nghề, nhà thơ Trần Huyền Ân tự mình tinh lọc, và chắt lấy những giọt châu sáng đẹp mà thâm tâm ưng ý hơn cả?

HUỆ KHÁI

Nhiều Lộc, 23-8-2020

⁽¹⁾ Nxb Hội Nhà Văn, 210 trang (13,5x20,5cm). Tranh bìa 1: họa sĩ Trương Vũ. Giá bìa 160.000 đồng.

ĐÔI ĐIỀU THÚ VỊ KHI ĐỌC KỶ YẾU TRUNG LAO



HUỆ KHẢI

Sách *Kỷ Yếu Trung Lao* do nhà xuất bản Đồng Nai in năm 2017 nhưng tôi mới được hiền huynh Vinh Sơn Vũ Đình Đường từ phương xa gửi tặng bản đặc biệt gần đây. Thật là hân hạnh cho tôi vì hai chúng tôi chỉ mới biết nhau không lâu, qua vài điện thư.

Nâng niu tập sách dày hơn 500 trang (16x24cm), bìa cứng bọc giả da nâu đỏ, chữ mạ vàng, lòng tôi thêm cảm kích tấm thịnh tình của Vũ huynh, là người chủ biên *Kỷ Yếu* này.

Lại qua điện thư Vũ huynh, tôi biết *Kỷ Yếu* có thể sắp tái bản, nên đang được sửa chữa và bổ sung nội dung. Bởi thế, không ngại bản thân rất kém hiểu biết về các cộng đoàn Công Giáo, tôi viết bài này để bày tỏ lòng cảm ơn được tặng sách quý, đồng thời chia sẻ một vài cảm nghĩ của một bạn đọc Cao Đài, gọi là chút ý mọn mọn đóng góp cho kỳ tái bản.

Tôi đã lần giở từng trang sách, dõi theo các bài viết, ngắm các ảnh chụp minh họa cho những thông tin rất phong phú. Đối với tôi, vốn dĩ là một người “non-Christian”,⁽¹⁾ như cách

⁽¹⁾ **non-Christian**: Theo từ điển *Merriam-Webster*, tiền tố (*prefix*) *non-* có nghĩa là *not* (không phải); *other than* (khác hơn). Do đó,

định danh trong *Nostra Aetate*, thì tất cả những nội dung và hình ảnh về làng Công Giáo Trung Lao đều mới lạ, lôi cuốn.

*

1. Trước tiên, xin thú thật đây là lần đầu tiên tôi được biết **địa danh Trung Lao**. Trong quốc ngữ, từ Hán-Việt đồng âm dị nghĩa vốn có rất nhiều; do đó, hai chữ Trung Lao khiến tôi không khỏi ngạc nhiên, thắc mắc.⁽²⁾

Các cụ chúng ta ngày xưa mỗi khi đặt tên làng, huyện, phủ, tỉnh... đều hàm ngụ trong đó ý nghĩa tốt đẹp, cũng là hoài bão, ước vọng cho dân sở tại. Tỷ dụ như chỗ tôi đang cư ngụ, từ xưa mang tên xã Phú Nhuận. Thầy Tăng Tử bảo: “*Phú nhuận ốc, đức nhuận thân...*” 富潤屋, 德潤身... (Giàu thì tô điểm nhà cửa, đức thì tô điểm bản thân...) Suy ra tiền hiền làng Phú Nhuận muốn cho dân làng được giàu có, nhà cửa đẹp đẽ. Thế thì, thử hỏi Trung Lao là chi?

À, đây rồi: Địa danh Trung Lao “*có từ thuở nào, không ai nắm rõ niên đại chính xác, nhưng chắc chắn một điều là làng hình thành từ xa xưa lắm rồi*” (tr. 26). Ngày nay, tên làng được hiểu theo ý nghĩa “*lao động vừa phải mà vẫn đủ ăn*”; cách giải thích này “*được nhiều người làng nhắc đến và chấp thuận*” (tr. 28).

Hiểu như vậy, thì tên làng quả thật đã “*ứng*” với đời sống

tuy các văn bản phổ biến xưa nay trong Công Giáo hầu như đều dịch *non-Christian* là “ngoài Kitô Giáo”, tôi quen dịch *non-Christian* là “không phải Kitô Giáo”.

⁽²⁾ Xác định vị trí làng Trung Lao, *Kỷ Yếu* cho biết rằng làng này “*chiếm trọn thôn Trung Lao, xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định*”. (tr. 21)

dân làng vì hiện nay làng này “được xếp vào hàng những làng khấm khá, khang trang nhất ở vùng quê miền Bắc” (tr. 29); “lúc nào người Trung Lao cũng thông dong: Sáng lễ, chiều kinh, ăn trắng mặc trơn, đôi khi còn có cửa ăn, cửa để.” (tr. 55)

2. Đặc điểm của làng Trung Lao là “đất đai dành cho nông nghiệp không nhiều, do đó giới các ông phần đông cất bước ra đi có mặt nhiều nơi, bán hàng bồ phiếu dạt tận Thái Nguyên, Lạng Sơn hoặc theo nghề gỗ lên đến Tuyên Quang, Việt Bắc” (tr. 64). Dân làng thì có đến 80% mang hai họ Phạm và Vũ (tr. 33).

Nghề truyền thống của làng gồm có: thêu ren (tr. 55-56); khai thác, mua bán gỗ (tr. 57-60); gánh Hàng Bồ (tr. 61-63) dành cho đàn ông, dùng đòn gánh, bốn sợi dây gai, và “hai cái bồ lớn đan bằng tre với hình dáng đáy vuông, bề cao khoảng một mét ta, trên miệng được vê tròn, có nắp đậy”, mà loại bồ này phải mua ở phố Hàng Bồ trên Hà Nội (tr. 61).

Tục làng: Khi thông gia (sui gia) này chết thì thông gia kia để tang cho tới khi đưa đám xong (ba ngày) vì coi hai thông gia là một nhà (tr. 35).

3. Đặc điểm chợ Tết làng Trung Lao (chợ Lao) là “phiên chợ ngày 30 Tết lại càng chen chân không lọt, vì chợ Lao là đầu ngõ tiêu thụ các nông sản, vải vóc, gia cầm, gỗ lạt, tre nứa, thịt cá cần thiết của dân làng cũng như các nơi khác chuyên chở đến” (tr. 65).

Có lẽ những người hâm mộ thơ tiền chiến nào ngờ rằng bài thơ *Chợ Tết* nổi tiếng một thời của Đoàn Văn Cừ (1913-2004) đã in lần đầu tiên trên tuần san *Ngày Nay*, số xuân Kỷ Mão (Hà Nội, 1939) chính là hình ảnh chợ Lao ngày xưa.

Bài thơ dài bốn mươi bốn câu, mở đầu là: “Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi / Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh [tranh] / Trên con đường viền trắng mép đồi xanh / Người các ấp tung bừng ra chợ Tết”; và kết thúc là: “Chợ tung bừng như thế đến gần đêm / Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh / Trên con đường đi các làng hẻo lánh / Những người quê lũ lượt trở ra về / Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê / Lá đa rụng rơi bời quanh quán chợ”.

Theo *Kỷ Yếu Trung Lao* (tr. 451), ngày 01-5-2003, tác giả bài thơ này xác nhận: “Bài thơ ‘Chợ Tết’ mà tôi viết đây chính là cái cốt cách của phiên chợ ngày ba mươi Tết làng Trung Lao, nó tiêu biểu và là thực tế của nhiều chợ quê.”

4. Chuông cổ chùa Đức Long trong nhà thờ Đức Bà. Thêm một chi tiết thú vị là quả chuông đồng nặng khoảng một trăm ký của chùa Đức Long sau khi sư trụ trì đem cầm cố quá hạn mà không chuộc về, đã được chủ mới (bá hộ Vũ Đình Tứ) hiến cho nhà thờ Đức Bà nhân lễ khánh thành vào năm 1896. Vậy, tính từ lúc chuông được đưa vào nhà thờ thì đã trải qua hơn một thế kỷ, chuông chùa Phật vẫn vang tiếng trong nhà thờ đạo Chúa (tr. 446). Nói theo ngôn ngữ bây giờ, phải chăng chúng ta có thể mạo muội nghĩ rằng dân làng Trung Lao tận sâu xa trong tiềm thức đã sẵn có mầm mống của tinh thần “liên tôn” rất sớm, trước cả *Nostra Aetate*?

5. Trong nhiều năm biên khảo, tôi hay tìm hiểu các thuật ngữ; do đó, đọc về lễ cưới ở địa phương, tôi liền chú ý rằng dân làng Trung Lao có ba thuật ngữ rất riêng (tr. 31-32). Tôi thử tìm qua công cụ Google và tra một số từ điển thông dụng thì không thấy. Đó là:

“*Cổ dựa*”: Cổ bàn ăn uống tại chỗ. / “*Cổ biện*”: Cổ nhà gái làm ra mang đi biếu người có vai vế. / “*Cổ tống*”: Cổ nhà trai đưa sang cho nhà gái mang đi biếu.

6. Tôi lại thấy rằng người làng Trung Lao vẫn còn dùng **từ Việt cổ** (*archaic*). Bằng chứng là cửa hàng bán hòm (áo quan, quan tài, săng) ở Trung Lao gọi là “hàng xũ” (tr. 59, 60). Đây là danh từ chung, lẽ ra trong sách không cần viết hoa.

Có lẽ ít người biết rằng “xũ” là tiếng Việt cổ, đã được P.G. Vallot (thừa sai ở Bắc Kỳ / missionnaire au Tonkin) giải thích là “un cercueil”. Xem: *Petit dictionnaire annamite-français* (Hanoi: F.H. Schneider, 1904, 2e édition, tr. 289).

Ngoài ra, J. F. M. Génibrel (thừa sai tông tòa / missionnaire apostolique), khi giải thích mục từ “xũ” là “[un] cercueil” hay “[une] bière” còn giải thích thêm từ “thợ xũ” là “fabricant de cercueils” (những thợ đóng hòm). Xem: 南語釋西總約 / *Nam Ngữ Thích Tây Tổng Ước* / *Petit dictionnaire annamite-français* (Saigon: Imprimerie de la Mission, à Tân Định, 1906, 2e édition, tr. 805).

Tôi dè dặt suy đoán rằng có lẽ “xũ” là từ Việt cổ chỉ dùng ở Bắc Kỳ, nên sau này còn được ghi trong *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà Nội: Trung Bắc Tân Văn, 1931, tr. 659).

Lại trộm nghĩ, có thể vì dân Nam Kỳ không dùng từ “xũ”, nên mục từ “cercueil” trong *Petit dictionnaire français-annamite* của P. J. B. Trương Vĩnh Ký không được giải thích là “xũ” (Saigon: Imprimerie de la Mission, 1884, tr. 334). Cũng vậy, Huỳnh Tịnh Paulus Của không có mục từ “xũ” trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*, Tome II (Saigon: Imprimerie Rey, Curiol

& Cie., 1896, tr. 590-591). Petrus Ký và Paulus Của đều là người Nam Kỳ.

7. Nhân nói về chữ và nghĩa, khi có điều kiện tái bản *Kỷ Yếu*, tôi nghĩ rằng có lẽ **cần thêm một ít chú thích** để giải thích cho bạn đọc trẻ tuổi ngày nay dễ hiểu. Chẳng hạn:

Về “mét ta” (tr. 61): Thật ra phần đông dân gian quen gọi là “thước ta” hay “thước mộc”, và nên cho biết là một thước ta tương đương khoảng 0,425 mét (thước tây).

Về “xa-phăm” (tr. 78): Đây là danh từ chung, lẽ ra trong sách không cần viết hoa, và nên ghi chú là “sage-femme” (tiếng Pháp: bà mụ, bà đỡ); hoặc bỏ luôn cách phiên âm này mà viết là “bà mụ, bà đỡ” cho gọn.

*

Sau cùng, nếu cần một nhận định tổng quát, cô đọng về cả tập *Kỷ Yếu* rất dày dặn này, thì có thể nói ngay rằng đây là tập địa phương chí mang đặc điểm Công Giáo được biên soạn công phu, cung cấp nhiều hình ảnh và thông tin hữu ích về “*Trung Lao là một làng nông thôn miền Bắc Việt Nam*” (tr. 20), một làng toàn tông⁽³⁾ mà tên làng “*đã được nhắc đến trong lịch sử truyền giáo cách đây 400 năm*” (tr. 20). Nội dung và hình ảnh trong *Kỷ Yếu*, do đó, chủ yếu là lịch sử, sinh hoạt, v.v... của một làng Công Giáo toàn tông, được ghi chép rất phong phú, tỉ mỉ. Trộm nghĩ, nếu có nghiên cứu sinh nào làm luận án về làng Công Giáo ở Việt Nam, thì chắc hẳn kỷ yếu này là một tài liệu vô cùng cần thiết, không thể thiếu trong

⁽³⁾ **toàn tông**: Tất cả các gia đình trong làng đều theo Công Giáo.

danh mục sách tham khảo. Và dĩ nhiên, giá trị của tập *Kỷ yếu* này không phải chỉ có như thế.

Tôi xin hiệp tâm cùng đồng bào Trung Lao đang ở chính quê cha đất tổ, hay đang lập nghiệp ở nhiều nơi khác trong và ngoài nước, kính thành cầu nguyện Thiên Chúa ban ơn lành phúc huệ đến tất cả mọi người.

Tôi cũng cầu nguyện Đức Thánh Đaminh Vũ Đình Tước ban ơn soi dẫn, phù trì để hiền huynh Vinh Sơn Vũ Đình Đường cùng các đồng sự tâm huyết sẽ tiếp tục không ngừng tăng bổ, hiệu đính, tái bản tập *Kỷ Yếu Trung Lao*, ngõ hầu sau này trong thư tịch văn hóa tôn giáo nước Nam nói chung, và trong thư tịch văn hóa Công Giáo nói riêng, sẽ có một quyển chính sử cho riêng ngôi làng Trung Lao toàn tòng cổ kính.

HUỆ KHẢI

Nhiều Lộc, 18-5-2020

TUỔI BẢY MƯƠI TÌNH YÊU THƯƠNG

Bảy mươi, bóng xế chiều tà
Tình yêu thương vẫn la cà trong ta
Ta yêu trời đất bao la
Yêu thương nhân loại thiết tha trong lòng
Hôm nay giọt lệ tuôn dòng
Vì đâu thảm cảnh bời bồng thế gian
Nguyện cầu Phật Tổ Tây Phang
Tiêu trừ đại dịch cứu an muôn loài.

CHƠN MINH TRÍ (*Khổng Thánh Miếu, Trà Vinh*)

THÁI HOÀNG TÚ

ĐÃ TỪNG

Hai ta từng đã thân nhau
Còn đây ngoảnh lại khi nào tôi quên
Nhớ năm tháng, nhớ tuổi tên
Nhớ từng kỷ niệm lòng mình mang buồn
Người nay ngày cũ xuôi buồn
Mất tôi gần lệ chực tuôn bên đời
Đã đành giữa chốn trần khơi
Vào ra mấy bận, rong chơi những hời
Thì thôi xin cúi chào người
Mở lòng ưu lự gió trời cuốn bay
Xưa là bạn xin nay vẫn bạn
Bước phong trần dày dạn gió sương
Dắt nhau qua nẻo tang thương
Đưa nhau một đoạn trên đường vĩnh sanh.

Cần Giuộc, 13-3-2020

CHIỀU

Nắng chiều tắt, cơn mưa chiều đã tạnh
Đạo viện chìm trong mây gió thiên thanh
Có một kẻ đã qua rồi ngoảnh lại
Lối ta đi, đâu là bước Trọn Lành.

Cần Giuộc, 30-6-2020

NGƯỜI SẼ VỀ KHI TẮT DỊCH, AN YÊN

Ta đã thấu lòng nhau
Trong sâu thẳm niềm đau
Chờ. Mong. Khắc khoải
Đã tự mình trả lời câu hỏi
Vì đâu chưa có cuộc tương phùng
Nghĩa yêu thương cả nước chung cùng
Tình nhân ái từ muôn trùng vạn dặm
Ta đã hiểu bao đêm dài thăm thẳm
Trí não căng, tim hồi hộp, mắt thâm quầng
Đồng loại ôi, ôi những thiên thần
Chẳng giới ranh, ta-người, được-mất
Nghèn nghẹn rưng rưng
Bao điều rất thật...
Người sẽ về khi tắt dịch, an yên
Ta đã thấu lòng nhau
Bao nỗi chung riêng
Dấu khắc khoải. Chờ. Mong
Vẫn giấu vào trái tim
Sâu thẳm...

ĐỖ THỊ KẾT

Đà Nẵng 12-8-2020

GIỮA MÙA DỊCH

Những cảnh báo đi xa thăm thẳm
Lạc mất niềm tin ở lòng người
Những con đường ít thấy nụ cười
Ánh mắt hoài nghi, chân bước vội
Đầu thập niên, những điều bực bội
Người trẻ đâm chiêu, già chênh vênh
Nhiều đứa trẻ chưa hiểu sự tình
Còn ngây thơ giữa đời định mệnh
Cái giàu và nghèo, lòng người tính
Chuyện của tự nhiên chẳng chữa ai
Những tháng năm sống bồng một Noah
Thêm một giấc thiên thu khắc khoải
Hôm bình minh mặt trời sáng chói
Chưa đủ niềm tin với nhân gian
Những yêu thương, nhân ái lạc quan
Không làm yên lòng người khảng khái
Ở đâu đó, một Noah trách nhiệm
Những trái tim, hơi thở tròn đầy
Mong tìm ra một lối đường mây
Dẫn an yên vào lòng thế giới
Chúng ta sống những ngày sắp tới
Bằng khát khao, bảo bọc sẻ chia
Giữ cho mình hạnh phúc thật thà
Chúng ta đừng chỉ nhau lạc lối...

SỬ KIẾN NGUYỄN

VƯỜN TRƯA

Lao xao lá xô bóng nắng
Tiếng chim chuyền rót hồn nhiên
Gió qua cũng chùng đón đợi
Cùng hòa tấu khúc bình yên.

Giao mùa vàng rơm rớm mật
Chảy tràn trên lối cỏ xanh
Đôi chú chuồn kim mê mãi
Tìm gì mà lượn lờ quanh?

Vườn xanh an lành đến lạ
Tôi nghe cả tiếng trưa đưa
Lá thở và tim mình đập
Vỗng bà ru vọng ngày xưa.

VÕ VĂN PHO

SÁCH CŨ

Sách cũ như bạn cũ
Nằm yên trong tủ cũng phong sương
Bìa long, vàng ố, lem nhem chữ
Mắt lệ nhòa soi bóng hóa Thần.

NGUYỄN QUỐC HUÂN

VỀ ĐI EM

Thơ: Huệ Khải
Phổ nhạc: Bửu Long

Em về tìm lại nhà Thầy, còn đây hơi ấm những ngày yêu
thương. Giang hà mấy độ phong sương, còn đây nguyên vẹn con đường quê
xưa. Niệm câu vô tự đại thừa, trôi đi chuyện nắng chuyện mưa phận
người. Về đi em Về đi em.
Em... Về đi em ơ... ơ... ơ... Đường trần
gian cơn gió rong chơi xa xôi ngày tháng ơ... ơ... chiều rồi
tan chiếc lá mong manh phơi pha thu tàn... Còn lại không Còn lại
không. Thôi về đi em về đi em.
Kia bóng trăng đã muộn bên trời mồn trông...

MINH GIÁO

NGUYỄN DUY CHÍNH

Hình như ai trong chúng ta khi đọc *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* của Kim Dung đều tự hỏi Minh Giáo 明教 có thực hay không, những bang phái, giáo hội đã sinh hoạt và ảnh hưởng thế nào trong xã hội.

Theo bộ tiểu thuyết kiếm hiệp này, Minh Giáo là một tôn giáo được tổ chức chặt chẽ và quy mô, đứng đầu phe tà và đã từng nhiều lần đụng độ với phe chính phái. Sự xuất hiện của họ thật kỳ bí và như một tấm màn dần dần vén lên, mỗi lúc lại cho chúng ta biết thêm một số chi tiết về hoạt động, về tổ chức cũng như về giáo quy của họ.

Trong sử sách, Minh Giáo cũng được nhắc đến, tuy không phong phú như những tôn giáo khác, nhưng đại biểu cho hệ thống tư tưởng nhị nguyên là hệ thống dễ dàng được chấp nhận vì phân biệt trắng đen, thiện ác, có những tiêu chuẩn nhất định không mơ hồ như hệ thống nhất nguyên.

Nhìn theo quan điểm xã hội, hệ thống tư tưởng của Minh Giáo lại tương đồng với Tây Phương và trong một thời gian khá dài, những cơ sở đó tranh huy với những tôn giáo khác, tuy trên bình diện triết học không áo diệu bằng Phật Học hay Lão Học, nhưng về phương diện tổ chức, Minh Giáo có tính quần chúng hơn và phát triển cũng có quy củ hơn.

Chỉ về sau này, khi Nho Giáo được đưa lên thành hệ thống học thuật làm thước đo cho khả năng của kẻ sĩ và đẩy lùi các tôn giáo khác ra khỏi quan trường, Minh Giáo mới suy yếu và dần dần biến mất.

MINH GIÁO: BÁI HỎA GIÁO HAY MA NI GIÁO?

Khi nói tới Ba Tư (tức Iran ngày nay), chúng ta vẫn hình dung đó là xứ “*ngàn lẻ một đêm*” với những chuyện thần kỳ thật phong phú. Ít ai biết rằng ở những thế kỷ đầu Công Nguyên, khu vực Trung Đông có nhiều giao tiếp với Trung Hoa, và tôn giáo của họ khi đó cũng khác hẳn với thế giới Muslim chúng ta thấy ngày nay. Ba Tư cũng có những triều đại thân cận với nước Tàu nên mỗi khi bị xâm chiếm lại chạy qua Trung Hoa cầu cứu và nhờ viện binh để quay về “*phục quốc*”, như một số vương tôn ở nước ta.

Đời nhà Đường, vì gốc tích của hoàng gia mang giòng máu ngoại vực, việc trao đổi văn hóa giữa Trung Đông và Hán tộc được dễ dàng đưa đến chính sách tương đối khai phóng đem lại phát triển và thịnh trị. Không những khoa học, kỹ thuật, các loại sản phẩm công nghiệp được trao đổi, mà tôn giáo từ bên ngoài cũng du nhập Trung thổ rất nhiều.

Thời kỳ đó, phía Tây Trung Hoa có một chi lưu của người Khương tương đối phát triển là Thổ Phồn (tổ tiên của dân tộc Tây Tạng ngày nay). Khi vua Đường Thái Tông lên ngôi (626 Công Nguyên), vua nước Thổ Phồn là Tùng Tán Hãn Bố giao hiếu với Trung Hoa, được vua nhà Đường gả Công Chúa Văn Thành (641 Công Nguyên).

Sử sách chép rằng Công Chúa mang theo một đoàn tùy tùng đến hơn năm ngàn năm trăm người, lại không biết bao nhiêu là sản vật, gia súc, tư trang, hàng hóa. Từ đó những vương tôn công tử nước Thổ Phồn sang Trường An du học mở đầu cho một thời kỳ giao lưu văn hóa giữa Trung thổ và các nước phía Tây. Các phát kiến của Trung Hoa như nông

cụ, dệt vải, nuôi tằm, xây cất, làm giấy, đồ gốm, luyện kim, lịch toán, y học... theo đó truyền ra ngoài và ngược lại nhiều kỹ thuật từ các nước Trung Đông cũng truyền vào nước Tàu.⁽¹⁾

Về tôn giáo, việc truyền bá từ bên ngoài vào Trung Hoa đã có từ lâu. Ngay thời Nam Bắc Triều, một tôn giáo từ Ba Tư có tên là Bái Hỏa Giáo 拜火教 (*Zoroastrianism*) được truyền vào Trung Quốc. Tôn giáo này do một người Ba Tư tên là Zarathushtra – nguyên nghĩa là con lạc đà già – thành lập từ thế kỷ thứ VI trước Công Nguyên tại Đại Hạ (nay ở biên giới A Phú Hãn). Người ta gọi họ là Majus hay Mazdeans.

Giáo đồ của tôn giáo này lấy kinh của Ba Tư là *A Duiy Tur Đà* (*Avesta Gatha*)⁽²⁾ làm kinh điển, chủ trương phân ra làm hai bên thiện ác, nhị nguyên. Theo họ, việc gì quang minh, lửa, thanh tịnh, sáng tạo, sự sống thuộc về thiện đoan. Còn hắc ám, ác, dơ bẩn, phá hoại, chết thuộc về ác đoan. Con người được tự do chọn lựa để làm điều thiện hay điều ác. Khi chết đi sẽ được Thượng Đế (tức Ahura Mazda) phán xét; ai qua được thì lên thiên đường, người nào không qua thì xuống địa ngục. Vì thế khi còn sống mọi người phải làm lành, lánh dữ, bỏ chỗ tối mà tìm chỗ sáng. Châm ngôn đạo đức của họ là *nghĩ điều lành, nói điều lành, làm điều lành*. Họ có một

(1) Dư Tử Lự, *Long Địch Căn* (Hongkong: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1985, tr. 176).

(2) Kinh này gồm những bài hát trong đó dạy những điều luân lý. Người viết nghĩ rằng những bài hát Tiểu Chiêu hát trên Quang Minh Đỉnh và trên thuyền trong *Ý Thiên Đồ Long Ký* có lẽ Kim Dung rút ra từ kinh này.

nghị thức riêng để lễ “*thánh hỏa*” dưới quyền chủ tế của một “*majus*”. Tôn giáo này có thời là quốc giáo của Ba Tư trong triều đại Sasanian.

Đạo Bái Hỏa truyền vào bắc Trung Hoa khoảng năm 516-519 theo phái đoàn của người Ba Tư. Đến đời Tùy, họ được thành lập ở Trường An những khu vực riêng để hành đạo. Ngoài việc trao đổi các sứ thần giữa hai bên, các thương nhân Ba Tư cũng sang Trung Hoa buôn bán. Hiện nay, tại Quảng Châu, Tuyền Châu, Dương Châu, Trường An, và Lạc Dương vẫn còn nhiều dấu tích của người Ba Tư thời đó.

Năm 621, đền thờ (*shrine*) đầu tiên được xây dựng cho người Hồ ở kinh đô và đến năm 631 thì một tu sĩ (*magi*) được vào làm quan trong triều. Đến năm 652, khi người Muslim (Islam) từ Ả Rập sang xâm chiếm Ba Tư, họ bị đánh đuổi, một phần chạy sang phía tây nước Ấn (nay còn lại ở Bombay được gọi là Parsees có nghĩa là người Persian, tức người Ba Tư) nhưng một số lớn chạy sang Trung Hoa, khi đó vào đời nhà Đường. Vua cuối cùng của triều đại Sasanian là Yazdegird đệ tam (Yazdagard III) cầu viện vua Đường Thái Tông để đem quân khôi phục đất nước. Tuy nhiên, nhà Đường từ chối và họ đành phải sống lưu vong với dân chúng vùng Tân Cương ở Trung Á nhưng lại bị thổ dân phản bội. Gần đây, khi khai quật một số địa điểm vùng Tây An, người ta đã tìm thấy một số tiền làm bằng bạc của Ba Tư thời kỳ này, nhiều mộ chí bằng cả hai thứ tiếng Ba Tư và chữ Hán (Dư Tử Lự, tr. 183).

Nhà Đường tiếp tục bảo vệ con của Yazdegird là Peroz (Firuz) và cho phép họ được xây cất đền thờ và tiếp tục hành đạo. Peroz vẫn được công nhận là vua nước Ba Tư và được

phong một chức võ quan tại triều. Ông ta chết ở Trường An và con là Narseh được tập tước vương. Narseh cố gắng đem quân Tàu về lấy lại nước nhưng thất bại và những người thuộc triều đại Sasanian định cư tại Trung Hoa trong khoảng 200 năm. Một số tiểu quốc được hình thành nằm giữa biên giới Ba Tư và Trung Hoa không theo đạo Hồi (Islam), độc lập đã tồn tại trong nhiều năm và nhiều phái bộ, sứ thần đã đến kinh đô nhà Đường trong khoảng 713-755 Công Nguyên.

Những cư dân của các tiểu quốc này trở thành những người buôn ngọc, phù thủy, thợ thủ công và thương nhân. Họ xây dựng bốn, năm tiên từ (thánh đường) tại Trường An; hai, ba tiên từ tại Lạc Dương; một tại Khai Phong và nhiều nơi khác như Dương Châu, Đôn Hoàng, Thái Nguyên... Họ cũng di cư đến nhiều nơi khác, có người tới tận Hải Nam và nước ta nhưng không biết rồi ra sao.

Đến năm 845, nhà Tống tiêu diệt tôn giáo và bài xích tất cả các đạo từ nước ngoài truyền vào, nhất là đạo Phật, thành thử Bái Hỏa Giáo cũng bị tiêu diệt. Vì họ coi lửa là đại biểu của quang minh (sáng sủa), nên việc thờ phụng “*lửa thần*” (thánh hỏa) là nghi lễ chính yếu. Người Trung Hoa gọi tôn giáo này dưới nhiều tên như *Tiên Giáo*, *Hỏa Tiên Giáo*, *Bái Hỏa Giáo*, *Ba Tư Giáo*... Bái Hỏa Giáo đến đời Nguyên hay Minh thì không còn ai biết đến.

Theo sách vở, Bái Hỏa Giáo là một tôn giáo chỉ thu hẹp trong phạm vi chủng tộc và không chủ trương bành trướng hay “độ” người ta theo đạo. Kinh điển của họ không được dịch sang tiếng Tàu và có lẽ người Tàu cũng không “cải giáo” theo đạo này. Tuy nhiên, họ cũng đem lại một số ảnh hưởng, vì đời Đường là triều đại mở cửa nên nhiều kỹ thuật mới

được du nhập, nhiều sắc thái văn hóa được đón nhận trong sinh hoạt hằng ngày.

Một tôn giáo khác cũng truyền từ Ba Tư là Ma Ni Giáo (tức Manichaeism, do Mani người Ba Tư sáng lập vào thế kỷ thứ III Công Nguyên). Ma Ni Giáo kết hợp nhị nguyên luận của Bái Hỏa Giáo, đồng thời dung hợp nhiều tôn giáo trong đó có một số tư tưởng của Phật Giáo và Ki-tô Giáo mà thành. Ma Ni Giáo được gọi là tôn giáo của ánh sáng (*Religion of Light*) và truyền vào Trung Hoa qua nhiều sự tích ly kỳ. Cho đến giờ phút này, người ta vẫn chưa rõ Mani là tên người hay là một cách xưng hô tôn quý. Nghĩa của chữ này cũng không rõ ràng, theo cổ ngữ Hy Lạp thì là *skeuos* và *homilia*, nhưng hình như nguyên thủy lại bắt nguồn từ tiếng Babylonian-Aramaic có nghĩa là *Vua của Ánh Sáng*.

Mani sinh ra tại Baghdad, khoảng thế kỷ thứ III, dưới thời mà người Ba Tư làm chủ cả khu vực Mesopotamia, ngày nay là Iraq. Cha ông hình như là người Mandaean. Sau khi đi nhiều nơi trong vài năm, sống đời khổ hạnh để suy tưởng về giáo lý, năm 242 (có chỗ chép rõ là ngày 20-3) ông được mạc khải và tự cho mình là một nhà tiên tri (ngôn sứ, *prophet*), lập nên một giáo phái mới. “*Cũng như Phật Thích Ca đến Ấn Độ, Zoroaster [tức Zarathustra theo tiếng Hy Lạp] với Ba Tư, hay Chúa Giê-su đến miền Tây, thời kỳ này thiên sứ đến với Ta, tức Mani, đến với vùng Babylonian.*” Đó là lời tuyên bố của ông và tự cho mình là một tông đồ của Thượng Đế.

Ông lại đi lên Bactria ở miền tây bắc Ấn Độ, và nghiên cứu thêm về Phật Giáo. Ông chịu ảnh hưởng sâu đậm của tư tưởng Gnostic (một nhánh của Ki-tô Giáo thời kỳ sơ khai, bị coi như tà giáo). Năm 241, ông quay về Ba Tư sau khi vua

Shapur đệ Nhất lên ngôi, là người dung chứa các tôn giáo. Ông bắt đầu truyền giáo, dung hợp cả tư tưởng Gnostic, Bái Hỏa Giáo, Ki-tô Giáo, Phật Giáo, Lão Giáo, và những tôn giáo địa phương tại Ba Tư.

Trong suốt thời vua Shapur, ông được tự do truyền giáo và hoạt động trong khối giáo đồ của mình. Thế nhưng khi vua Bahram đệ Nhất lên ngôi, người Bái Hỏa Giáo coi Mani là thù nghịch. Mani bị cầm tù và bị đóng đinh, xác bị bêu tại cổng thành để răn đe những người theo ông. Những tín đồ của Ma Ni Giáo cũng bị tàn sát không thương tiếc. Theo sử sách, Mani chết khoảng 276-277 Công Nguyên. Tôn giáo của ông truyền sang tận Bắc Phi, Nam Âu, và Trung Hoa.

Tư tưởng chính yếu của Ma Ni Giáo là nhị nguyên đối đãi và mục tiêu của con người là làm sao giải thoát được bằng cách khai mở luồng ánh sáng vốn bị vật chất giam hãm. Có hai đẳng cấp trong giáo phái này, đẳng cấp tu sĩ là thành phần được “thiên khai”, và “giáo đồ” là đại số quần chúng phục vụ cho thành phần được Thượng Đế lựa chọn. Tu sĩ sống độc thân, khắc kỷ, chỉ lo đi truyền giáo và học đạo. Những tu sĩ chắc chắn sẽ được giải thoát ngay khi chết vì họ đã được ân sủng của Thượng Đế. Giáo đồ có quyền lập gia đình nhưng phải chăm lo phục vụ các trưởng lão, và khi chết đi sẽ được tái sinh làm tu sĩ. Chính đạo này, dưới cái tên Ma Ni Giáo, Minh Tôn Giáo hay Minh Giáo đã ảnh hưởng quan trọng trong sinh hoạt xã hội của Trung Hoa trong một thời gian khá dài, hơn hẳn những tôn giáo khác cũng phát xuất từ Ba Tư.

Ma Ni Giáo truyền vào Trung thổ khoảng năm 694 đời nhà Đường, mặc dù đạo này có một số ảnh hưởng đến Lão Giáo

từ trước đó. Năm 694 cuốn *Nhị Tông Kinh (Erzongjing)* bộ kinh chính yếu của họ được đem vào nước Tàu.

Theo Minh Sử viết vào thế kỷ thứ XVII, một tu sĩ vào truyền giáo dưới thời vua Cao Tông (650-683) nhưng nhiều học giả không đồng ý mà chỉ công nhận là năm 719 có một đại trưởng lão của họ từ Tokharistan đến mà thôi. Năm 732, trong một chỉ dụ của nhà Đường có nhắc tới họ đi truyền tà giáo mang danh nghĩa một tông phái của đạo Phật. Tuy nhiên vì đây là một tôn giáo của người Hồ nên triều đình không cấm chỉ, miễn là họ giới hạn việc sinh hoạt trong những dân tộc thiểu số.

Năm 745, người Hồi Hột (*Uighur*) kiến tạo một vương quốc rộng lớn, kéo dài từ sông Y Lê (*Ili*) đến tận Hoàng Hà. Một trong những tiểu vương (*khangs*) theo Ma Ni Giáo năm 762 và Ma Ni Giáo trở thành quốc giáo của Tân Cương. Tới lúc đó, một số lớn người Hồi Hột đã cải đạo theo Ma Ni Giáo và sau khi họ giúp nhà Đường chống lại loạn An Lộc Sơn, một số đông người Hán cũng theo. Họ có thể đã xây cất nhiều đền đài từ trước nhưng sách vở chỉ chắc chắn là có một đền Ma Ni – dưới tên chữ Hán là Đại Vân Quang Minh 大雲光明 được thành lập tại Trường An năm 768.

Khoảng năm 771, tại các vùng Kinh, Dương, Hồng (Nam xương), Việt (Thiệu Hưng) cũng có đền Ma Ni và đầu thế kỷ thứ IX, tại Lạc Dương, Thái Nguyên đã có những đền thờ của họ được xây cất. Như vậy xét về mặt địa lý, Ma Ni Giáo bành trướng từ miền Tây Trung Hoa lan sang tận miền đông, sát bờ biển.

Đến năm 842-843, khi dân tộc Hồi Hột suy yếu vì bị người

Kirghiz đánh bại, triều đình lại bắt đầu một chính sách bài giáo, đặc biệt là những tôn giáo từ bên ngoài truyền vào Trung thổ, nhất là Phật Giáo. Ma Ni Giáo cũng bị càn quét, đền đài bị phá hủy, của cải bị tịch thu, kinh sách bị đốt. Tại Trường An, hơn bảy mươi nữ tu Ma Ni bị giết. Từ đó họ phải lui vào bóng tối, hoạt động âm thầm và biến thành một đoàn thể bí mật.

Họ chia ra thành nhiều nhánh, dưới nhiều tên khác nhau và cũng hoạt động trong những khu vực hay hình thái khác nhau. Nhánh mạnh nhất có tên là Minh Giáo, tôn Trương Giác đời Đông Hán làm giáo tổ, còn thờ Ma Ni làm thần Quang Minh. Chính đây là tôn giáo mà Kim Dung đã huyền thoại hóa trong bộ *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* thành Minh Giáo, một đoàn thể vừa mang màu sắc bang hội, vừa có thêm một số nghi lễ thần bí, đứng đầu phe hắc đạo.

Giáo nghĩa của họ chủ yếu là phân biệt hai đẳng thiện ác, sáng tối, dùng thuyết tam tế phân biệt ba cõi quá khứ, hiện tại, tương lai làm nền tảng, và tin tưởng rằng quang minh rất ráo sẽ chiến thắng hôn ám. Tín đồ Minh Giáo mặc đồ trắng, sống giản dị, cần kiệm, ăn chay, không uống rượu, người chết thì để trần truồng đem bỏ ngoài sa mạc cho chim ăn, không thờ tổ tiên, Thần, Phật mà chỉ lễ bái mặt trời, mặt trăng.

Tổ chức trong Minh Giáo này rất nghiêm mật, trưởng lão của họ gọi là hành giả, giáo đồ chia thành thị giả, thánh giả, cô bà, trai tử... Họ truyền bá mạnh tại các vùng Hoài Nam, Mân, Triết, Cám (Giang Tây). Về sau họ hợp nhất với Di Lặc Giáo, Bạch Liên Giáo. Minh Giáo phát triển mạnh khoảng thế kỷ thứ XI Công Nguyên. Theo Al-Beruni, một sử gia Ả Rập thì “đa số người Hồi, người Trung Hoa và Tây Tạng ở vùng Tây

Vực, cả một số người Ấn Độ cũng theo Ma Ni Giáo”. Những kinh điển và tài liệu người ta tìm được ở Turfan gần đây phù hợp với những nhận định đó. Thời kỳ này Minh Giáo đã bành trướng mạnh và trở thành một tôn giáo có thế lực.

Qua đời Ngũ Đại, Tống, Nguyên họ khởi nghĩa nhiều lần, đặc biệt là cuộc nổi dậy Mâu Ất thời kỳ cuối của nhà Lương, hay Phương Lạp đời Tống (1120-1122). Cuộc khởi nghĩa quan trọng nhất mà họ tham gia có lẽ là cuộc nổi dậy chống lại người Mông Cổ vào thế kỷ thứ XIV, lập nên triều đại nhà Minh, mặc dầu nhiều học giả không cho rằng nhà Minh có liên quan đến Minh Giáo.

Hiện nay, đền thờ duy nhất của người Ma Ni còn sót lại trên thế giới ở tại Quan Châu (Phúc Kiến), vùng duyên hải Trung Hoa trong đó có khắc nổi tượng Ma Ni dưới danh hiệu Quang Minh Phật (*Buddha of Light*). Có lẽ vì tên Mani tương đồng với Thích Ca Mâu Ni nên nhiều người đã lầm lẫn giữa hai tên này. Tuy nhiên hình tượng khác hẳn hình tượng của Phật Giáo. Trên đầu có một vòng hào quang, với hai chùm tóc chảy từ đầu xuống vai. Hình tượng mặc áo trắng và theo tục tích khắc ở đó thì ngôi đền này do một giáo đồ kiến lập năm 1340. Tài liệu ngày nay người ta kiếm được để nghiên cứu về Ma Ni Giáo được gọi là Turfan (Turpan), là những kinh điển mà các khảo cổ gia người Đức đào được ở Đôn Hoàng (*Dunhuang*) vào khoảng 1902-1914. Trong số các tự tích tìm thấy có cả những đoạn mà từ lâu nay bị mất trong thánh kinh của họ, cả những văn chương viết bằng tiếng Pahlavi, Saghdian, Thổ Phồn và tiếng Hán. Một số tài liệu khác về Ma Ni Giáo thì kiếm thấy ở Ai Cập năm 1933 và trong những sách vở bài xích Ma Ni Giáo do người đạo Thiên Chúa,

Muslim hay Bái Hỏa Giáo viết.

Thi nhân Bạch Cư Dị đã từng viết một bức thư thay mặt vua nhà Đường trả lời cho vua nước Hồi khi họ xin triều đình Trung Hoa bảo vệ những người theo Ma Ni Giáo. Julia Ching nhận định là vấn đề của Ma Ni Giáo là họ vay mượn từ các tôn giáo khác khiến cho đối với các dân tộc Cận Đông thì họ giống như Ki-tô Giáo hay Do Thái Giáo, trong khi đối với các dân tộc Viễn Đông thì họ lại giống như Phật Giáo. Chính Mani cũng coi Giê-su là đấng tiên tri (ngôn sứ) của người Do Thái, Zoroaster là đấng tiên tri của người Ba Tư, còn Phật Thích Ca là đấng tiên tri của người Ấn Độ. Và khi ông tổng hợp được nhiều tôn giáo trong đạo của mình, ông ta tin rằng *“Giáo Hội của Ta ưu việt hơn các giáo hội đã có từ trước, và những tôn giáo trước đây chỉ phổ biến tại một số quốc gia hay thành thị, còn Giáo Hội của Ta sẽ lan truyền đến khắp mọi thành phố, và lời giao răn của Ta sẽ đến khắp thế gian.”* (Julia Ching, *Chinese Religions*, tr. 174)

Một trong những đặc tính của các tôn giáo ở Trung Hoa là những tổ chức này không hoàn toàn mang tính chất tôn giáo mà luôn luôn pha thêm một số hình thức thế tục trên phương diện xã hội hay chính trị. Tôn giáo cũng không có một vị trí quyền lực cao cấp như tại Tây phương. Tuy có một số thời kỳ, nước Tàu có những quốc sư nhưng những vị cao tăng đó không thể nào sánh được với quyền lực của những giáo hoàng hay giáo chủ ở Âu Châu hay Trung Đông.

Minh Giáo hình thành vào đời Đường là giai đoạn văn hóa tương đối khai phóng nên được chấp nhận dễ dàng cũng như Phật Giáo. Nưng đến triều Minh, Thanh, khi Nho Giáo đã có một vị trí độc tôn, các tôn giáo có nguồn gốc từ bên ngoài

không còn được coi trọng nữa. Chính vì thế, cũng như nhiều tôn giáo khác, Minh Giáo dần dần tàn lụi.

Trên thực tế, Minh Giáo là một tôn giáo rất khắt khe. Những tu sĩ của họ phải sống một đời sống khắc kỷ và giữ mình nghiêm nhặt. Theo kinh điển của Minh Giáo, những người được Thượng Đế lựa chọn (*Primates Manichaeorum*) có một đời sống khổ hạnh và phải luôn luôn di hành, không được ở yên một chỗ. Họ không được quyền có tài sản, không ăn thịt, uống rượu, và trấn áp mọi dục tình. Họ cũng không có quyền có nghề nghiệp, buôn bán, hay học những ma thuật hoặc nghiên cứu tôn giáo ngoài chính tôn giáo của họ.

Nhiệm vụ chính yếu của họ là gìn giữ và đóng kín ba cửa ải – miệng, tay, và ngực (*oris, manuum, sinus*). Để giữ miệng, họ không được nói năng độc địa, không ăn uống các chất độc hại. Thịt gia súc sẽ khởi động ma vương trong cơ thể con người, vì thế họ chỉ được ăn rau cỏ và trái cây. Để giữ gìn cho bàn tay khỏi ô uế, họ không được sát sinh, bẻ cây hái trái. Để giữ gìn cho trái tim được trong sáng, họ không được nghĩ ngợi bậy bạ chẳng hạn như nghĩ những điều không trong sạch hay trái với giáo lý của Ma Ni Giáo. Họ cũng không được lập gia đình vì coi sự truyền chủng là một hành động kéo dài sự tăm tối, và loài người sinh sản chính là vì bị Thượng Đế trừng phạt. Chính vì khó khăn như thế nên số người được ở trong hàng giáo phẩm rất hiếm hoi.

NGUYỄN DUY CHÍNH

* Xem tiếp *Minh Giáo Theo Kim Dung*, cùng người viết, trong Đạo Uyển Xuân 2021 (tập 37).

 Một tu sinh xin ấn
danh. Tin nhắn FB tối Thứ
Sáu, 03-7-2020:

*Tệ đệ mới vừa dự thánh
một buổi học tập thánh
giáo tại một đạo trường
lớn trong thành phố. Quý vị*

*ở đó học tập bài thánh giáo của Đức Mẹ, dạy tại Cơ Quan Phổ
Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam ngày 13-8 Kỷ Mùi (03-
10-1979). Đức Mẹ dạy: “Đất phiền não bồ đề vun xới / Là thể
gian SAO tới niết bàn.” Trong phần thảo luận, có vài vị (nam
và nữ) nói rằng chữ SAO nếu thay bằng chữ SAU thì vẫn đúng.
Quý vị ấy lý luận rằng bây giờ có là thể gian thì sau này sẽ tới
được niết bàn. Tệ đệ cảm thấy có chút gì trực trặc, rất mong
được đạo huynh giải thích giúp tệ đệ. Cảm ơn đạo huynh ạ.*

Huệ Khải: Hiền hữu mến, hiền hữu “cảm thấy có chút gì
trực trặc” là đúng quá rồi. Bởi lẽ, thay SAO (how) bằng SAU
(later) thì làm hỏng thánh thi của Đức Mẹ, khiến cho thánh ý
sâu xa trở thành câu thơ vô nghĩa. Chữ SAO trong thánh thi
có nghĩa là LÀM SAO (how). Các con là thể gian thì làm sao
tới được niết bàn? (How can you attain nirvana if you quit
this world?)

Qua hai câu thánh thi dẫn trên, Đức Mẹ nhắc chúng ta học
và hành pháp môn bất nhị 不二 (không hai), nuôi cái tâm vô
ngại (hay vô quái ngại 無罣礙: without hindrance, without
obstruction); đây cũng chính là đạo lý thậm thâm vi diệu
trong Bát Nhã Tâm Kinh. Hiền hữu vui lòng xem lại quyển
Một Dòng Bát Nhã (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013, tr. 40-

GIÓ BÓN PHƯƠNG

*Gió muốn thổi đâu thì thổi.
GIOAN 3:8*

66) trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại
Đạo thì đủ chi tiết. Ở đây xin trích một đoạn ngắn (tr. 55):

*“Tâm chúng ta bị chướng ngại vì chúng ta nhìn mọi sự theo
óc nhị nguyên (dualism). Do đó chúng ta có thói quen lúc nào
cũng nhìn thấy mọi sự theo hai mặt đối lập như tốt xấu, sướng
khổ, may rủi, hơn thua, còn mất, v.v... Chính thể gian chúng ta
đang sống đã tạo cho ta cái nhìn đó và tạo cho ta cách sống là
chọn lựa cái này mà buông bỏ cái kia.”*

Bởi óc nhị nguyên, chúng ta thấy “phiền não” và “bồ đề” là
hai mặt đối lập, thấy “thế gian” và “niết bàn” cũng là hai mặt
đối lập; thế nên chúng ta có sự chọn lựa là “là thể gian” để
mong “tới niết bàn”.

Nhắc chúng ta thực hành pháp môn bất nhị, Đức Mẹ dạy
chúng ta hãy biết vun trồng, chăm sóc cội cây bồ đề (bodhi
tree; giác ngộ, enlightenment) ngay trong mảnh đất thể gian
đầy phiền não này, đừng vọng tâm tìm kiếm một nơi chốn
nào khác mà hoài công tu hành.

Cái lý lẽ không là thể gian mà tìm được bồ đề (giác ngộ)
vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ đã được Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy
trong Pháp Bảo Đàn Kinh như sau: “Phật pháp tại thế gian,
bất ly thế gian giác; ly thế mịch bồ đề, kháp như cầu thố giác.”
佛法在世間，不離世間覺；離世覓菩提，恰如求兔角。 (The
Buddha dharma is right here in this world, within which
enlightenment is to be sought. / Seeking enlightenment
beyond this world is as absurd as searching for a rabbit's
horn.)

“Thố giác” là sừng thỏ. Thỏ làm gì có sừng mà tìm cầu
uổng công. “Kháp như” 恰如 là hết như thể (just as if). Vậy,

câu nói của Đức Lục Tổ có nghĩa: *Phật pháp vốn ngay tại thế gian, không là thế gian thì giác ngộ; là thế gian tìm cầu giác ngộ, thì giống hệt như tìm cầu sừng thỏ.*

Tóm lại, câu thánh giáo của Đức Mẹ chính là “*Lìa thế gian SAO tới niết bàn.*” Không thể nói dùng chữ SAU thì vẫn đúng, vẫn có nghĩa, hiền hữu à. Chúc hiền hữu an hảo, tu tốt.

*



Một nhánh lau. Tin nhắn FB Chủ Nhật 05-7-2020:

Chào huynh. Đề tên Thảo ở thánh thất Từ Vân (Quảng Nam), thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Cho đề hỏi: Khi lạy vong phạm hoặc cầu siêu cho vong phạm, có bắt ấn Tý không? Cảm ơn huynh nhiều.

Ban Ấn Tổng: Hiền đệ mến, chúng tôi không rành về việc này, nên đã cậy hiền huynh **Sử Kiến Nguyên** là bậc cao niên trong Đạo, môn sanh Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh trả lời giúp. Ngày Thứ Tư 08-7-2020, Sử huynh hồi âm qua điện thư như sau:

Trước năm 1975 thì việc cúng vong phạm không có bắt ấn Tý. Khi cúng vong phạm thì tay trái nắm lại, tay phải bao phía ngoài nhưng ngón tay cái của cả hai bàn tay để ở trên, song song nhau.

Hiện tôi cũng chưa tìm được bất kỳ văn bản nào của Hội Thánh dạy như thế, chỉ biết rằng khi bắt đầu biết hành đạo, cúng kính thì đã được các vị đi trước dạy như thế. Và ngay như ngài Đầu Sư Thượng Sáng Thanh (Trần Ngọc Sáng, 1888-1980) khi còn ở phẩm Giáo Hữu, Giáo Sư là Đầu Họ, Đầu Tỉnh rồi Thanh Tra Hành Chánh Đạo, cũng có dạy như vậy.

Nhưng tôi tìm được trong quyển Thiên Bàn Thờ Tại Tư Gia của Giáo Hữu Thượng Lý Thanh từng sự Ban Tu Thư Đạo Đức Học Đường soạn thì viết rằng khi nào lạy Thầy Mẹ mới bắt ấn Tý; quyển sách này có sự kiểm duyệt của Hội Thánh ngày 10 tháng 7 năm Canh Tuất (11-8-1970) với ấn ký của ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Trưởng Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách.

*Đến năm 1976, Hội Thánh ban hành quyển Quan Hôn Tang Lễ (có sự phê chuẩn của Đức Lý Giáo Tông) * thì việc lạy vong phạm cũng phải bắt ấn Tý. Nguyên văn như sau: “Người đạo Cao Đài hễ khi lạy thì tay chấp bắt ấn Tý. Lạy Thần, Thánh, Tiên, Phật hay vong phạm tay cũng đều bắt ấn Tý.”*

* Ghi chú: Sau 30-4-1975, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh vẫn còn cầu cơ thêm một thời gian, tôi nhớ không lầm thì đến năm 1978 chánh quyền mới cấm cơ bút. Thường thì phò loan là hai ngài Hiến Pháp và Khai Đạo. Ngoài ra còn có cặp phò loan khác được Thiêng liêng chỉ định là hai ngài Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Nguyễn Văn Kiết và Nguyễn Văn Hợi.

*

@ Hiền huynh **Trần Huiên Ân** (thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). Điện thư ngày 14-7-2020:

Huệ Khải thân mến,

** Nhận Đạo Uyển Thu 2020 hôm qua, chỉ mới lướt nhanh, để đọc dần... Vừa rồi dừng lại nơi trang 46-47 mới biết cố Lễ Sanh hàm phong Hương Ất đã được ơn Thầy Mẹ gọi về. Trong tình mẫu tử, đây là một việc buồn với gia đình Huệ Khải. Xin gửi đến gia đình Huệ Khải tấm lòng san sẻ của chúng tôi và xin được đồng tâm cầu nguyện trong các nghi lễ tôn giáo.*

** Ngoài ra tôi rất tâm đắc câu đầu nơi trang 6 bài Giao Cảm. Tôi vẫn nghĩ rằng THƠ đến với chúng ta bằng con đường rung động trực tiếp và tức khắc.*

** Cũng muốn hỏi Huệ Khải có biết cố Giáo Sư Ngọc Trường Thanh ở Phú Yên không?*

Tình thân. (THẢ)

Huệ Khải: Thưa Anh thân kính, em vui vì gói sách nhỏ đã tới tay Anh. Phần sách biếu hai Chị Ng. Tr. và Tr. H. em đã gửi riêng rồi. Anh không mất công nữa, Anh nhé.

** “Trong tình mẫu tử, đây là một việc buồn với gia đình Huệ Khải. Xin gửi đến gia đình Huệ Khải tấm lòng san sẻ của chúng tôi và xin được đồng tâm cầu nguyện trong các nghi lễ tôn giáo.”*

Chỉ đôi dòng giản dị mà hàm chứa biết bao tình cảm đầm thắm của Anh trong đó. Chúng em rất cảm kích và ghi nhớ tấm lòng thương mến của Anh luôn dành cho chúng em.

** “Ngoài ra tôi rất tâm đắc câu đầu nơi trang 6 bài Giao Cảm.⁽¹⁾ Tôi vẫn nghĩ rằng THƠ đến với chúng ta bằng con đường rung động trực tiếp và tức khắc.”*

Nhà thơ tài hoa Trần Huyền Ân mà viết như vậy thì chúng em VUI lắm, vì được “yểm trợ tinh thần” trong chỗ đồng điệu với nợ duyên hàn mặc mẽ mang. Em cảm ơn Anh.

** “Cũng muốn hỏi Huệ Khải có biết cố Giáo Sư Ngọc Trường Thanh ở Phú Yên không?”*

⁽¹⁾ “Thơ mà phải phân tách mới thấy hay thì hỏng bét rồi.”

Thưa Anh, ngài Ngọc Giáo Sư Trường (đạo hiệu Minh Nhân) là bậc tiền bối khá kính trong Đạo, một chức sắc tên tuổi của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Tuy nhiên, là kẻ hậu bối, em chỉ nghe danh mà chưa gặp ngài lần nào, vì chưa có duyên lành ra Phú Yên hành đạo.

Em cầu nguyện Trời Phật ban ơn lành đến Anh và đại gia đình của Anh. Kính chào Anh.

*

@ Hiền muội **B.H.** (môn sanh Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh).
Điện thư ngày 16-7-2020:

Kính gửi bác Huệ Khải,

Con đọc bài Má! của bác [Đạo Uyển Thu 2020, tr. 115-117] và không thể không khóc. Thật ra bà có phước lớn rồi, má của con đang phải khổ vì con không biết làm gì giúp má mình.

Xin chia buồn cùng bác. (BH)

Huệ Khải: Hiền muội quý mến, mấy dòng văn vởi của hiền muội khiến tôi quá chạnh lòng. Tôi cảm ơn hiền muội đã không quản ngại mà bày tỏ tình cảm với bài viết của tôi, bằng trọn cả lòng thành của hiền muội.

Hiền muội nói “con không biết làm gì giúp má mình” thì không đúng đâu. Bấy lâu nay dù hai trẻ hầy còn quá thơ dại, hiền muội nhờ sớm giác ngộ, vẫn ráng sức dốc chí tu hành, siêng làm công quả, giữ giới trường trai, thọ tâm pháp tịnh luyện, hằng tuần chẳng quản nhọc nhằn đưa đón hai trẻ đi học giáo lý sáng Chủ Nhật, bản thân hiền muội thì theo học lớp Bồi Dưỡng Giáo Lý chiều Chủ Nhật. Vì vậy, suốt mấy năm qua, ba mẹ con cứ “lăn lóc” hết cả ngày nghỉ cuối tuần ở Cơ

Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Thế là hiền muội đang tu công lập đức cho bản thân và cũng đang báo hiếu cứu huyền thất tổ rồi đó. Hiền muội rất có phước, vì chồng không cản trở hiền muội bước vào Thiên Đạo đại thừa, mà lại còn chấp nhận vợ con “bụi đạo” như vậy. Xưa nay, chẳng phải vợ chồng trẻ nhà nào cũng được may mắn như hiền muội đâu.

Hiền muội nhớ chứ? Kỳ Ba này Đức Giác Minh Thánh Đức, tiền kiếp là Hồng Hà Nữ Sĩ Đoàn Thị Điểm (1705-1749), khuyên dạy phận làm con chí hiếu nếu muốn báo ơn trời biển của cha mẹ mình một cách rất ráo thì hãy làm như sau:

*Thong dong cõi thọ nương hồn
Chờ con lập đức giúp huân ngôi xưa.*

Hiền muội đang tu, lại biết hướng dẫn hai con thơ dại sớm làm quen với Đạo Thầy, tức là hiền muội đang lập đức bồi công để hồi hướng về cứu huyền thất tổ (trong đó có má hiền muội và giác linh thân phụ là cổ chức việc họ đạo Tr.B., thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh).

Hiền muội thương má, muốn giúp má mình một cách tuyệt đối thì hãy chậm chậm đọc lại mà thẩm thía bốn câu thơ chót in trong Đạo Uyển Thu 2020 (tr. 118). Ý tứ hai câu kinh của Đức Giác Minh Thánh Đức (vừa dẫn trên) đã được hiền huynh Huỳnh Văn Mười (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Quảng Nam) diễn lại quá cảm động, rất tài hoa:

*Nửa đời con gắng tâm tu học
Nên đạo, nên thân buổi sống còn
Mai kia, ân điển Thầy ban rưới
Con dành cho mẹ, chẳng cho con.*

Chúc hiền muội luôn tìm được “vui thầm” trong nếp sống đạo, như lời Đức Mẹ an ủi chúng ta:

*Lòng con sẵn có vui thầm
Dị đồng sai khác cũng tìm nguồn vui.
(CQPTGL CĐG VN, 15-8 Bính Thìn)*

ĐÍNH CHÍNH

* Quý đạo hữu đang có quyển *SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018), vui lòng sửa giúp một lỗi ở trang 143, dòng 2. Xin đọc cho đúng là:

Thủ Bồn: Phan Thị Chuyển (Chánh Diệm, cụ bà thân mẫu Giáo Sư Nguyễn Quang Châu).

Chúng đệ tử đê đầu cầu xin nhị vị Tiền Bối hiển linh từ bi đại xá cho chúng đệ tử. (Ban Tu Thư & Ấn Tống)

* Cũng trang 143, dòng 6, xin đọc là: **Thành** Sang; và dòng 13, xin đọc là: Bà Phó **Huỳnh**

Ban Tu Thư & Ấn Tống rất cảm ơn hiền huynh Trần Đình Trai và hiền tỷ Đỗ Thị Kết, đều ở thánh thất Linh Bửu (Quảng Nam), qua Facebook, đã góp ý đính chính lỗi in sai nêu trên.

Rất mong quý đạo hữu gần xa tiếp tục góp ý cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo về các bản sách đã in.

Ban Tu Thư & Ấn Tống



KINH SÁCH MỚI IN

*“... mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh
hiền truyện.”* Đức GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO
Vạn Quốc Tự, Sài Gòn, 15-11 Ất Tỵ (07-12-1965)

Sách ấn tống quý Bốn năm 2020 liên kết Nxb Hồng Đức:

ĐẠO UYẾN ĐÔNG 2020 (tập 36), in 1.200 quyển, do công quả **13 triệu đồng** của quý ân nhân phước danh như sau:

1. ĐT PHẠM THIẾU QUYÊN. Hậu Giang, P 11, Q 6. Gởi đợt 162. Hồi hướng giác linh con.	600,000
2. ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC. TT Thành Tâm Đàn (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi đợt 162.	600,000
3. ĐT ĐÀO THỊ TẤN. Cơ Quan PTGL Đại Đạo. Gởi đợt 161.	500,000
4. ĐT LÂM BÍCH DUYÊN. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
5. ĐT LÂM BÍCH TRANG. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
6. ĐH LÂM KIẾN HƯNG. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
7. ĐH LÊ LÂM ANH KIẾT. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
8. ĐH LÊ LÂM TRUNG HẬU. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
9. ĐH LÊ TĂNG KHÁNH. CS Đạo Trung Phước Điền, HT Truyền Giáo CĐ. Đăk Lăk. Gởi 29-8.	500,000
10. ĐT LÊ THỊ MINH NGUYỆT. TT Đồ Thành (HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 156.	500,000
11. ĐT MAI THỊ HUỖN. TT Nhứt Chánh (HTCĐ Ban Chính Đạo). Bến Lức. L An. Gởi đợt 156.	500,000
12. ĐH NGUYỄN THANH THỨA. TT Trung Đức (HT Truyền Giáo CĐ). Gởi đợt 161. Hồi hướng giác linh song thân Nguyễn Thanh Hiền và Nguyễn Thị Thề.	500,000
13. ĐT NGUYỄN THỊ CHÍN. TT Thuận Kiều (HTCĐ Ban Chính Đạo). Q 12, HCM. Gởi đợt 162.	500,000
14. ĐT NGUYỄN THỊ NGHI. Bến Tre. Gởi đợt 161.	500,000
15. Thánh thất NHỰT CHÁNH (HTCĐ Ban Chính Đạo). Bến Lức. Long An. Gởi đợt 156.	500,000
16. ĐT Teresa THẠCH THU OANH. Lạc Long Quân, Tân Bình. Gởi đợt 161.	500,000
17. Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH. TT Hương Mỹ (HTCĐ Ban Chính Đạo), Mỏ Cày Nam, Bến Tre. Gởi đợt 160.	500,000
18. ĐH TRẦN QUANG TUYẾN. Tôn Đức Thắng, Mỹ Bình, Long Xuyên. Gởi đợt 162.	500,000
19. ĐT TRẦN THỊ KIM VÂN. Gởi đợt 162. Hồi hướng thân mẫu (Nguyễn Thị Mân).	500,000
20. ĐH NGUYỄN TẤN TRIỀU. TT Thành Tâm Đàn (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Gởi đợt 152, 159.	400,000
21. Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH. TT Hương Mỹ (HTCĐ Ban Chính Đạo), Mỏ Cày Nam, Bến Tre. Gởi đợt 161. Hồi hướng giác linh ĐTr Thiên Vương Tĩnh (1924-2020), nguyên Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân CQPTGLĐĐ và giác linh Lễ Sanh hàm phong Hương Ất (1935-2020).	400,000
22. ĐH TỬ THANH TOÀN. TT Thiên Lý (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Gởi đợt 144, 150.	400,000
23. ĐT ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆU. Bến Tre. Gởi đợt 161.	200,000

24. Hai cháu HUỖNH TẤN PHÚC và LÊ THANH TÂM (TTVV Huỳnh Quang Sắc). Gởi đợt 154.	200,000
25. ĐT LÂM BÍCH HIẾN. Bến Tre. Gởi đợt 161.	200,000
26. ĐH LÂM KIẾN PHONG. Bến Tre. Gởi đợt 161.	200,000
27. ĐH/ĐT LÊ HỒNG VÂN. Bến Tre. Gởi đợt 161.	200,000
28. ĐT LÊ THỊ THANH LOAN. TT Đồ Thành (HTCĐ Ban Chính Đạo). Gởi đợt 156.	200,000
29. Chơn linh ĐT NGUYỄN THỊ THÔI. Bến Tre. Gởi đợt 161.	200,000
30. ĐH NGUYỄN TRÍ THỨC. TT Thành Tâm Đàn (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Gởi đợt 150.	200,000
31. ĐT TỬ THỊ NHUNG. TT Thành Tâm Đàn (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, Tân Thành, Cà Mau. Gởi đợt 162.	200,000
32. CAO HỒNG DUYÊN (Phật tử). Năm Căn, Cà Mau. Gởi đợt 162.	100,000
33. CAO PHÚ ỨNG (Phật tử). Khóm 6, Tân Thành, Cà Mau. Gởi đợt 162.	100,000
34. ĐT NGUYỄN THỊ THẮNH. TT Thành Tâm Đàn (HTCĐ Minh Chơn Đạo). Khóm 6, Tân Thành, Cà Mau, Gởi đợt 162.	100,000

PHƯƠNG DANH QUÝ ÂN NHÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Một Trăm Sáu Mươi Mốt: Từ ngày 01-7-2020 đến ngày 31-7-2020

Môn sanh, đạo tâm:

1. ĐT ĐÀO THỊ TẤN. Cơ Quan PTGL Đại Đạo. Gởi 18-7.	500,000
2. ĐT ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆU. Bến Tre. Gởi 28-6.	200,000
3. ĐT TRẦN THỊ KIM DUNG. Gởi 22-7. Hồi hướng thân mẫu (Nguyễn Thị Mân: 1,000,000) và ba cháu Hồng Phương, Phương Khánh, Khánh An (1,000,000).	2,000,000
4. ĐT LÂM BÍCH DUYÊN. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
5. ĐT LÂM BÍCH HIẾN. Bến Tre. Gởi 28-6.	200,000
6. ĐT LÂM BÍCH TRANG. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
7. ĐH LÂM KIẾN HƯNG. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
8. ĐH LÂM KIẾN PHONG. Bến Tre. Gởi 28-6.	200,000
9. ĐH/ĐT LÊ HỒNG VÂN. Bến Tre. Gởi 28-6.	200,000
10. ĐH LÊ LÂM ANH KIẾT. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
11. ĐH LÊ LÂM TRUNG HẬU. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
12. ĐT NGUYỄN THỊ NGHI. Bến Tre. Gởi 28-6.	500,000
13. Chơn linh ĐT NGUYỄN THỊ THÔI. Bến Tre. Gởi 28-6.	200,000
14. ĐT TÂM DIỆU HƯƠNG. Tt Tân Minh Quang. Gởi 28-6.	5,000,000
15. ĐT Teresa THẠCH THU OANH. Lạc Long Quân, Tân Bình. Gởi 30-6.	500,000
16. ĐT TRẦN THỊ ỨT. Bến Tre. Gởi 28-6.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

17. Lễ Sanh THƯỢNG VUI THANH. TT Hương Mỹ, Mỏ Cày Nam, Bến Tre. Gởi 16-7. Hồi hướng giác linh ĐTr Thiên Vương Tĩnh (1924-2020), nguyên Phụ Tá Bảo Pháp Chơn Quân CQPTGLĐĐ và giác linh Lễ Sanh hàm phong Hương Ất (1935-2020).	400,000
--	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

18. ĐT ĐOÀN THỊ HỒNG NHUNG. P 4, TX Tây Ninh. Gởi 10-7.	100,000
19. ĐT HỒ THỊ KIM HÀ. Xã Phan, h. Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 10-7.	100,000
20. ĐT HỒ THỊ MỸ HẠNH. Xã Phan, h. Dương Minh Châu, Tây Ninh. Gởi 10-7.	100,000
21. ĐH LÂM QUANG VINH. Long Thành Bắc, Tây Ninh. Gởi 10-7.	100,000

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

22. ĐT HỒ THỊ Ý. TT Trung Hiến. Gởi 15-7. Hồi hướng giác linh thân mẫu: ĐT Nguyễn Thị Tánh (sinh năm Ất Hợi, 1935; quy thiên 23-4 nhuận, Canh Tý, 2020).	2,000,000
23. ĐH NGUYỄN THANH THỨA. TT Trung Đức. Gởi 07-7. Hồi hướng giác linh song thân Nguyễn Thanh Hiền và Nguyễn Thị Thế.	500,000

Tổng cộng: **16,300,000 VNĐ**

Đợt Một Trăm Sáu Mươi Hai: Từ ngày 01-8-2020 đến ngày 31-8-2020

Môn sanh, đạo tâm:

1. ĐT CAO HỒNG DUYÊN (Phật tử). Năm Căn, Cà Mau. Gởi 10-8.	100,000
2. ĐH CAO PHÚ ỨNG (Phật tử). Khóm 6, Tân Thành, Cà Mau. Gởi 10-8.	100,000
3. ĐH TRẦN QUANG TUYẾN. Tôn Đức Thắng, Mỹ Bình, Long Xuyên. Gởi 17-8.	500,000
4. ĐT TRẦN THỊ KIM VÂN. Gởi 27-8. Hồi hướng thân mẫu (Nguyễn Thị Mân).	500,000
5. ĐT TRẦN THỊ ỨT. Bến Tre. Gởi 28-6.	1,000,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH ĐẠO

6. ĐT NGUYỄN THỊ CHÍN (TT Thuận Kiếu). Q 12, TpHCM. Gởi 26-8.	500,000
---	---------

HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO (CÀ MAU)

7. ĐT NGUYỄN HỒNG TỬ PHƯỚC. TT Thành Tâm Đàn. Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, Tân Thành, Cà Mau. Hồi hướng giác linh ĐH Nguyễn Văn Mới, giác linh ĐT Võ Thị Quán, giác linh LS Thái Bang Thanh (Nguyễn An Bang). Gởi 10-8.	600,000
8. ĐT NGUYỄN THỊ THÁNH. TT Thành Tâm Đàn. Khóm 6, Tân Thành, Cà Mau. Gởi 10-8.	100,000
9. ĐT TỬ THỊ NHUNG. TT Thành Tâm Đàn. Kinh Xáng, Phụng Hiệp, Khóm 1, Tân Thành, Cà Mau. Gởi 10-8.	200,000

HỘI THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH

10. ĐT PHẠM THIẾU QUYÊN. Hậu Giang, P 11, Q 6. Gởi 05-8. Hồi hướng giác linh con.	600,000
---	---------

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

11. ĐH LÊ TĂNG KHÁNH. Cơ sở đạo Trung Phước Điện. Krông Bông, Đắk Lắk. Gởi 29-8.	500,000
--	---------

MINH ĐỨC NHO GIÁO ĐẠI ĐẠO (TRÀ VINH)

12. ĐT CHƠN HUỆ TÂM. Gởi 05-8.	2,000,000
13. QUỲ THANH MINH CHƠN ĐẠO. Gởi 05-8.	1,000,000
14. QUỲ CHUNG HÒA NỮ PHÁI. Gởi 05-8.	1,000,000
15. Đạo hữu KHỔNG THÁNH MIẾU. Gởi 05-8.	1,000,000

Tổng cộng: **9,700,000 VNĐ**

Ban TT & AT kính thành biết ơn tất cả quý đạo hữu ân nhân luôn tin cậy trợ duyên để Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo có điều kiện tiếp tục hành đạo bền bỉ.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
 65 Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
 Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

ĐẠO UYỂN ĐÔNG 2020

HUỆ KHẢI chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN, LÊ ANH MINH
Vẽ bìa & Trình bày: THIÊN TÂM LNL (CQPTGLĐĐ)

In 1.200 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 20-2020/CXBIPH/137-01/HĐ

Số QĐXB của NXB: 551/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 08-9-2020.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-955-955-6

Thư từ, bài viết, thỉnh sách, xin gởi về: daidaovanuyen@gmail.com

Bản điện tử trên Internet, xem tại: daidaovanuyen.blogspot.com